

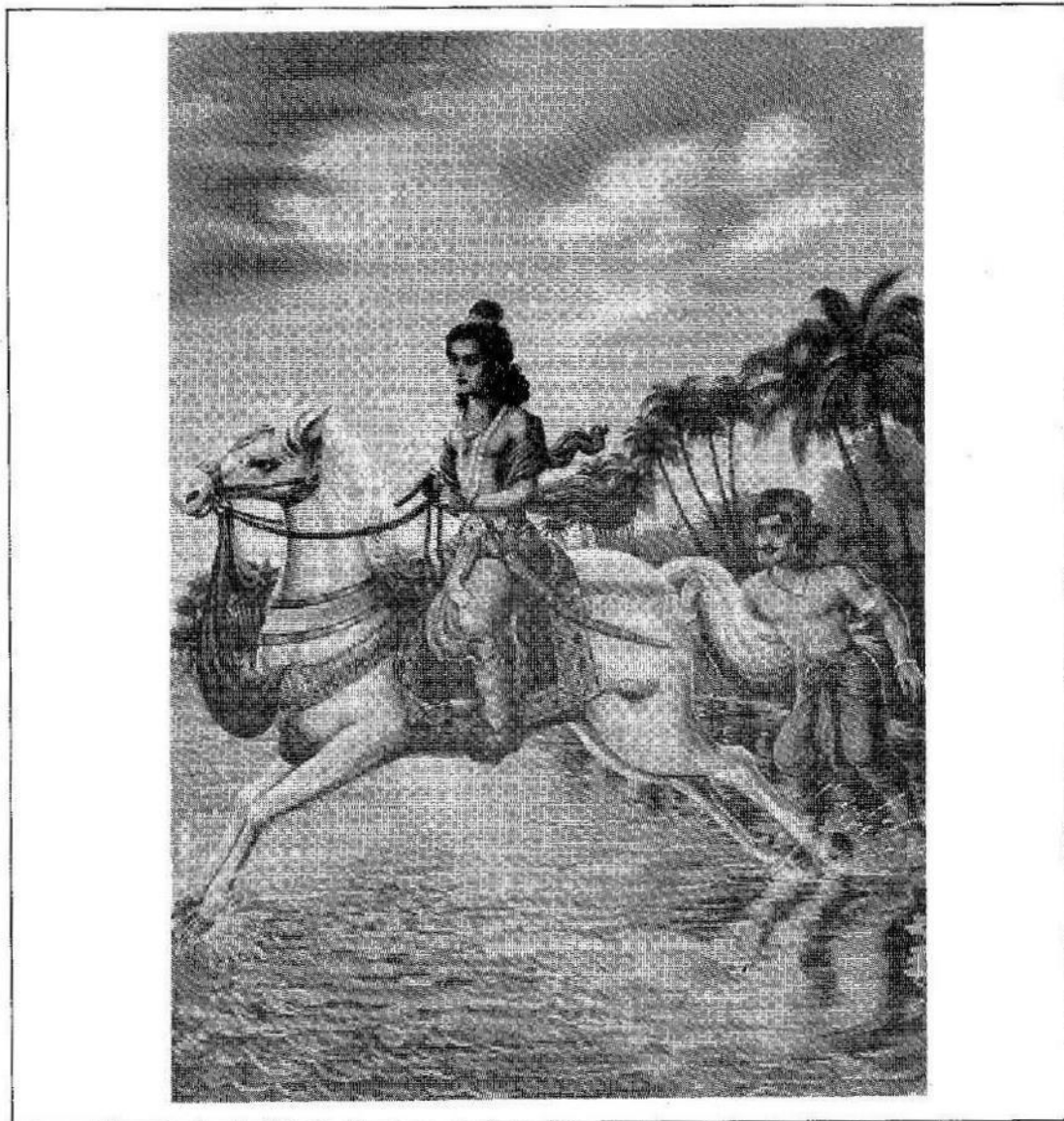
VIÊN GIÁC



BỘ MỚI
SỐ

17 THÁNG MƯỜI NĂM 1983
OKTOBER 1983

AUSGABE IN VIETNAMESESISCH UND DEUTSCH



TẠP CHÍ CỦA KIỀU BẢO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC
ZEITSCHRIFT DER VIETNAMESEN UND VIETNAMESISCHEN BUDDHISTEN
IN DER BUNDESREPUBLIK DEUTSCHLAND

Trong số này
In dieser Ausgabe

Thư Tòa Soạn	
Thư số sánh	trang 01
Biển chân tâm diệu minh	03
Lá Thư Tịnh Độ	06
Tuyển tập PG với VH VN	09
Luc Thừa PG và PPTC	12
Việt Nam Phong Su'	14
Quốc Su' tạp lục	15
Truyện Hùng Đạo Vương	18
Triết học Đông Phương	22
Thơ	25
Allgemeinne Buddhalehre	26
Gefangener des Vietcongs	28
Die ill. Geschichte Buddh.	31
Das Wunder, Wach zusein	34
Bereichern	37
Những ngày đi dăng ký	38
Đường Không Biên Giới	41
Nghiệp báo	43
Quan niệm PG về v/d HN	45
Vu Lan và những đóa hồng	48
Hạnh Phúc của Thi	50
Trang Giáo Lý GĐPT	53
Gia chánh chay	55
Tin Tức	56
Dự án xây cất chùa VG	60
Mục lục Thư Viện	65
Phương danh	69
Hình ảnh sinh hoạt	72

Chủ trương Thích Như Điển
Herausgeber
Ký thuật Thị Chơn
Lay out

Cùng sự cộng tác của
Mitwirkung der
Hội Sinh viên và Kiều bào
Phật tử Việt nam
tại Cộng hòa Liên bang Đức
Vereinigung d. vietn. buddh.
Stud. u. Vietn. in d. BRD e. V.

Tòa soạn Pagode VIÊN GIÁC
Redaktion
Trung tâm Văn Hóa Phật Giáo VN
Vietnam. buddh. Kulturzentrum

Eichkampstr. 35a, 3000 Hannover 81
Tel. 0511. 864638



Thư tòa soạn

Trong kỳ lễ Vu Lan vừa qua đại đa số đồng bào Phật tử đã nghe về dự án của ngôi chùa VIÊN GIÁC trong tương lai gần tại Tây Đức. Ai nấy cũng đều hoan hỷ khi hay được tin ấy và quý vị Phật tử cũng như quý Đạo hữu đã hăng hái cúng dường hoặc cho mượn Hội thiện đã lên đến 50.000,00 DM ngay trong buổi lễ, và cho đến hôm nay - sau hơn 2 tháng vận động tại địa phương qua các quyển số vàng của nhiều Đạo hữu và Phật tử có trách nhiệm - số tiền đã lên đến hơn 60.000,00 DM.

Dự án xây cất ngôi chùa VIÊN GIÁC, có thể từ 2 đến 3 triệu Đức Mã (tức tương đương với 1 đến 1 triệu rưỡi US đô la) Chúng ta hy vọng Chính quyền Tây Đức sẽ tài trợ 2/3 dự án xây cất đó. Còn 1/3 đồng bào Phật tử chúng ta sẽ đóng góp vào. Với đà này, hy vọng rằng chúng ta sẽ sớm có một ngôi chùa khang trang tại Tây Đức nếu đồng bào Phật tử chúng ta nhiệt tâm ủng hộ mọi chương trình của chùa đưa ra trong lúc này và mai hậu.

Đây là ngôi chùa có dự án lớn nhất tại Tây Đức nói riêng và khắp các Châu nói chung; nên chúng tôi thành tâm kêu gọi các bậc Tôn Túc, các vị Thiện hữu tri thức và đồng bào Phật tử khắp nơi - vì vấn đề văn hóa của Phật giáo - cũng như văn hóa của Dân tộc Việt Nam xin vui lòng ủng hộ chúng tôi để ngôi chùa trên chóng thành tựu viên mãn. Công đức đó thật vô lượng vô biên.

Người Phật tử Việt Nam tại Tây Đức nói riêng và khắp nơi nói chung sẽ vô cùng phấn khởi và hãnh diện với công trình văn hóa ấy - khi được hoàn thành.

Thành tâm nguyện cầu Chư Phật, Chư Tổ Sư, Chư Thánh Tăng Thánh Tử Đạo tứ bi gia hộ cho chúng ta sớm đạt thành ước nguyện.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Thử so sánh triết lý hành động của Thiền tông với Tịnh độ giáo

THÍCH HẠNH TUẤN

— tiếp theo —

Thiền có nhiều phương pháp tu tập để đạt ngộ chân tâm, nào là Tu chỉ quán, Tu lý c diệu pháp môn, Tu ngũ đình tâm quán và Tu tập công án. Lối tu tập công án là lối tu đặc biệt trong các phương pháp tu.

Một đường lối tu tập vượt ra ngoài vòng ngôn cú lý luận mà Thiền muốn dùng đến, rất nổi tiếng vào thế kỷ thứ IX đời nhà Minh (Trung Hoa). Như thế nào là một công án? Công án thông thường gọi là đề án công khai, nói theo sách vở Thiền công án là: "Một chúng ngôn công khai dựng lên một tiêu chuẩn đoán án". Một công án thường là một phát ngôn nào đó của một Thiền sư nêu ra, hay một câu trả lời nào đó được ngài trả lời cho một đệ tử.

- Có một thầy Tăng hỏi Động Sơn: Phật là gì? Đáp: "Ba cân gai".
- Một hôm có một người hỏi Vân Môn: Khi trong lòng không móng khởi một niệm, có lỗi lầm nào ở đây chăng? Ngài trả lời: "Dường như thế núi Tu Di".
- Triệu Châu trả lời một tiếng "Vô" cho một câu hỏi của một thầy Tăng: "Con chó có Phật tánh không?"
- Khi Huệ Minh đuổi theo Huệ Năng đã ngã chạy trốn, muốn Huệ Năng để lại mật chử của Thiền. Huệ Năng đáp: "Bản lai diện mục của Thầy trước khi ra đời là gì?"
- Một thầy Tăng hỏi Triệu Châu: "Sơ Tổ sang Tàu có ý nghĩa gì?" - "Cây b á c h trước sân".
- Triệu Châu đến học Thiền với Nam Tuyên hỏi: "Đạo là gì?" Nam Tuyên đáp: "Bình thường tâm thị đạo".
- Một thầy Tăng hỏi: "Vạn Pháp qui nhất, nhất qui hà xứ?"

Triệu Châu đáp: "Khi ở Thanh Châu ta có may một chiếc áo nặng bảy cân".
- Bằng cử sĩ một tín đồ của Thiền, lần đầu tiên đến yết kiến Mã Tổ để mong thấu triệt đạo Thiền. Cử sĩ hỏi: "Ai là kẻ không cùng vạn pháp làm bạn?"
Mã Tổ đáp: "Đợi khi người uống một hớp hết cả nước Tây giang rồi ta sẽ đáp".

Những lối đối đáp như vậy không có một bóng dáng gì là để trả lời hay để gì ai thích những nghi ngờ của người hỏi, mà là những câu trả lời phi lý, không có logic chút nào cả. Phải chăng để tạo nghi tình cho người hỏi. Chính nó trở thành một công án, hành giả phải ôm ấp nó như gà ấp trứng. Như vậy công án là những mẫu chuyện hoặc lời nói hoặc cử chỉ có lúc khó hiểu như nghi án, thường được giới học thiền dùng làm phương tiện tạo mối nghi tình trọn vẹn trong tâm thức, một chuẩn bị tất yếu làm cơ duyên đưa đến sự biến thông vào trí tuệ tự tại. Tâm niệm ngày qua tháng lại chỉ có công án mà thôi, khi ăn khi uống, khi đi đại tiện hay đi tiểu tiện, làm việc mặc áo, mặc quần, v.v... hành giả khi được rời công án dù chỉ một giây phút ngắn, ôm ấp nó như một nghi tình, luôn luôn tự nhắc rằng điều ấy quá phi lý mà chưa được giải quyết. Nghi nhiều thì ngộ sẽ càng lớn. Phật tích Chân Thiền sư đã khuyên: Lối xưa có nói: "Mười phần tin là mười phần nghi, mười phần nghi là mười phần ngộ (Tín hứ thập phần, nghi hứ thập phần, nghi hứ thập phần, ngộ hứ thập phần)". Có năm điều kiện mà hành giả phải nhận thức trong lúc đi vào nghi tình.

- Phải đánh thức một khát vọng niết thành

mong thoát khỏi triền phược của nghiệp ,
khỏi nỗi khổ của sự sống chết.

- Nhận thức rằng cứu cánh cuộc đời của
một Phật tử là đạt đến giác ngộ để thành
tựu trạng thái tâm thức gọi là ngộ.

- Nhận thức rằng những nỗ lực của trí thức
chẳng ích gì cho cứu cánh này mà phải
giải quyết vấn đề tối hậu của kiếp sống
bằng một phương thế sống động nhất.

- Tin tưởng rằng chúng ngộ chính là đánh
thức Phật tánh đang bị vùi sâu trong mọi
tâm.

- Có một nghi tình mãnh liệt luôn luôn
thức dục, hay tự mình đối diện với Phật
tánh. Nếu không có năm điều dự bị trên đây
đừng mong thành tựu viên mãn sự tu tập
công án.

Đường lối tu tập công án giúp cho hành giả
bừng sáng tâm trí mình trước vũ trụ
bạo la. Lúc đó một chữ vô đều thấy là "tất
cả kinh kệ". Toàn thể kinh kệ không ngoài
chữ "VÔ". Thiên sư Mông Sơn Đức Di đời thứ
tám thuộc dòng thiền của Ngũ tổ Sơn Pháp
Điền (tịch 1104) kể lại những kinh nghiệm
thiền của mình như sau:

"Năm hai mươi tuổi tôi mới quen biết đến
Thiền, cho đến 32 tuổi, tôi đã thăm viếng
17 - 18 thiền sư, hỏi họ về cách thực hành
pháp môn thiền, nhưng không ai chỉ rõ manh
mối. Sau này khi đến tìm trưởng lão Hoàn
Sơn, ngài dạy, tôi hãy nhìn vào ý nghĩa của
chữ "VÔ" suốt cả ngày đêm không ngừng
nghĩ, như con chuột đang rình mèo, như gà
mồi ấp trứng. Khi chưa thấy rõ hãy như con
chuột gặm nhấm cái hòm gỗ và đừng bao giờ
xao lãng công phu. Thực hành công phu như
vậy chắc chắn thời cơ bừng sáng của tâm
người sẽ đến.

... Ngày mồng sáu tháng ba tôi đang ngồi
trên bồ đoàn tâm niệm chữ "VÔ" như thướng
lệ thì vị tăng thủ tòa bước vào Thiền
đường. Tình cờ thấy làm rơi hộp nhang trên
nền sàn nhà khua lên một tiếng. Tiếng động
chợt khơi tỏ tâm mình thấy một viên tướng
tâm linh mới mẻ và cùng với tiếng kêu,
tôi thấu triệt tư thể của mình, chop được
ông già Triệu Châu (tác giả chữ VÔ)...

Công án hay là nghi tình đã đưa Mông Sơn
Đức Di đến bờ giải thoát.

C.- TRIẾT LÝ HÀNH ĐỘNG CỦA TỊNH ĐỘ GIÁO:
Song song với sự phát triển của Thiền
tông, Tịnh độ giáo đã có một thế đứng khá

quan trọng trong lịch sử truyền thừa của
Phật giáo. Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Đức
Phật có lời huyền ký: Trong đời mạt pháp
kinh điển diệt hết, ta dùng lòng từ bi
thương xót riêng lưu trụ kinh này (Vô Lượng
Thọ Kinh) trong khoảng một trăm năm, nếu
chúng sanh nào gặp kinh này, tùy ý
nguyện đều được đắc độ (Đương lai chi thế
kinh đạo diệt tận, ngã dĩ từ bi ai mãn,
đắc lưu thủ kinh chỉ trụ bá tuế, kỳ hậu
chúng sanh, trì tụng kinh giả, tùy ý nguyện
giai khả đắc độ).

Trong kinh Đại Tập, Đức Thế Tôn còn dạy:
"Trong thời mạt pháp ước ước người tu hành
ít có người nào đắc đạo, chỉ nương tựa
pháp môn niệm Phật mà thoát luân hồi".
(Mạt pháp chỉ thời, ước ước như tu hành,
hản nhất đắc đạo, chỉ niệm Phật pháp môn
đắc liễu sanh tử).

Như những lời huyền ký trên đây, chúng ta
thấy pháp môn niệm Phật rất hợp với trình
độ căn cơ của chúng ta ngày nay.

Tịnh độ giáo lập tôn dựa vào 3 bộ kinh
căn bản như: Kinh A Di Đà, Kinh Vô Lượng
Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ và một bộ luận
là Luận Vãng Sinh.

Kinh A Di Đà mô tả thế giới Cực Lạc của
Phật A Di Đà làm giáo chủ và khuyên tất
cả chúng sanh muốn sanh về cõi ấy phải
nhất tâm bất loạn, chuyên chú niệm danh
hiệu của đức Phật A Di Đà chừng khoảng 10
niệm, quyết chắc khi lâm chung sẽ được
vãng sinh về thế giới ấy và diện kiến đức
Phật A Di Đà. Đức Phật bảo ngài Xá Lợi
Phất rằng: "Nếu có Thiện nam tử Thiện nữ
nhơn nào nghe ta nói danh hiệu của Phật
A Di Đà, rồi trì danh hiệu ấy mà niệm một
ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày cho đến
bảy ngày, niệm cho được nhất tâm bất loạn
thì người đó đến khi lâm chung, có đức
Phật A Di Đà cùng các Thánh chúng, đều
hiện hóa thân ra trước mặt người ấy, khi
cuối cùng tâm không điên đảo liền được
vãng sanh về cõi nước Cực Lạc của đức
Phật A Di Đà (Xá Lợi Phất! Nhục chú thiện
nam tử, thiện nữ nhơn, văn thuyết A Di Đà
Phật, chấp trì danh hiệu, nhục nhất nhật,
nhục nhị nhật, nhục tam nhật, nhục tứ
nhật, nhục ngũ nhật, nhục lục nhật, nhục
thất nhật, nhất tâm bất loạn, kỳ nhơn lâm
mạng chung thời. A Di Đà Phật đứ chử thành

xem tiếp trang 8

Biển Chân Tâm Diệu Minh

TẠI SAO KHỎI VỌNG ?

TINH LIÊN NGHIÊM XUÂN HỒNG

Biển Diệu Tâm là bình diện Tột bực mé, Bất nhị, vô sai biệt, vô tướng mạo... vượt lên trên Thúc đại và Kiến đại.

Chúng ta đều hiểu rằng từ nơi Biển Diệu Tâm này, lưu xuất ra, chuyển hiện ra pháp giới... Nhưng, Biển này vốn bất tư nghì, bất khả thuyết, là mọi ý niệm cũng ngôn từ, chẳng có cũng chẳng không, chẳng thứng cũng chẳng đoạn, chẳng ẨN cũng chẳng HIỆN... chẳng khứ cũng chẳng lai.

Vậy thì biết nói gì đây về cái Biển Diệu Tâm này?!!

Nên thực ra, ở đây cũng không dám nói Tâm là gì, chỉ nương theo kinh sách và kể lể một vài điều về Tâm:

- Trong kinh Tâm địa quán, phẩm Quán tâm Phật có nói một câu thần chú để dạy quán Tâm. Và Ngài dạy rằng khi quán Tâm, thì phải quán một Vầng trắng tròn trong sáng tròn đầy. Đó là một hình ảnh để tạm hình dung Biển Tâm.

- Ngài Long Thọ Bồ Tát xưa kia đi, du hóa đến một xứ. Dân chúng xứ này đã biết tin Phật pháp, nhưng chỉ chuyên tu phước công nghiệp, không biết gì đến Diệu Tâm. Ngài bèn lên tòa thuyết pháp tại một khu rừng để giảng nói về Diệu Tâm. Ngài nhập Nguyệt luân tam muội rồi thuyết giảng. Và dần dần chúng không nhìn thấy thân hình Ngài, chỉ thấy như một vầng trắng trong sáng nơi chỗ Ngài ngồi, và nghe tiếng thuyết giảng... Sau đó, Ngài xuất tam muội, trở lại thân hình cũ, dạy rằng: "VÔ TƯỚNG tam muội giống như MẶT TRĂNG TRÒN"... Rồi Ngài nói kệ:

Thân hiện tướng TRĂNG TRÒN
Đề nêu THE CÁC PHẬT
Nói pháp không hình ấy
Chỉ rõ phi thanh sắc...

Dân chúng nhìn thấy thân biến ấy, nên đều

khởi lòng tin Diệu Tâm.

- Ngài Mã Minh Bồ Tát, trước khi xả bỏ ứng thân, nhập Long phân tấn tam muội, bay lên thình không, toàn thân chói sáng như trăm mặt trời, bay lượn hồi lâu mới đáp xuống mặt đất, ngồi kết già mà thị tịch..

- Khi nói về Diệu Tâm, cổ đức thường dùng câu:

Chiêu chiêu bất muội

Liễu liễu thương tri...

Nghĩa là: Rờ rở chẳng tối, Lầu lầu thương biết...

Còn như nói về cái lẽ ẨN HIỆN của Diệu Tâm, tức là sự chuyển hiện, thì một vị T ở ngành Thiên Ấn Độ có lời kệ:

Mê ngộ như ẨN HIỆN,

Tối sáng chẳng rời nhau,

Nay trao pháp ẨN HIỆN

Chẳng một cũng chẳng hai...

- Trong kinh Lăng Nghiêm, trang 333, Phật dạy rõ cho các bậc Thanh văn biết rằng: "Tánh giác là diệu minh, Bản giác là minh diệu..."

Nghĩa là: Tánh giác hay Bản giác, hay Chân tâm ấy, nó thương DIỆU thương MINH. Diệu là vì nó thương phan duyên để làm huyền hiện mọi cảnh giới. Minh là vì nó thương hằng chiếu soi, trong sáng tròn đầy...

- Kinh Hoa Nghiêm, Phật cũng dạy rõ rằng "Chữ Phật là TẠNG quang minh...". Còn trong kinh Tâm địa quán, Phật dạy: "Phật là gì? Là Thân thông biến hóa tràn đầy y thế gian...". Tạng quang minh là chữ Minh còn biến hóa tràn đầy là chữ Diệu...

Như vậy thì ra sao?

Như vậy thì, tuy không dám nói Tâm là gì, nhưng cũng có thể tạm nói rằng: Khi Tâm chuyển hiện, tạm gọi là bắt đầu HIỆN TƯỚNG thì nó làm phát hiện một Biển quang minh

uyên nguyên, cực kỳ vi tế, trong sáng tròn đầy, hào quang tốt bậc, chuyển động cực kỳ thần tốc khiến có thể ứng hiện lập tức nên gọi là Trạng nhiên Bất động... Chư Phật cũng ở đó mà ra, và vì không ô nhiễm nên có thể khởi mọi điều dụng vô ngại. Chúng sanh cũng ở đó mà ra, nhờ vì ô nhiễm nên thường chỉ khởi những Hoặc lậu, rồi khởi Nghiệp dụng lưu ngại để trôi lăn vào những cảnh khổ... Nên Tâm có thể hiện dụng như cái Biến Tính Lực uyên nguyên làm lưu xuất ra pháp giới này... Đó có thể gọi là lối nhìn về Bản thể luận (ontologie) của nhà Phật.

Về Bản thể luận, thiết tưởng cần nhắc qua một vài ý kiến của mấy trưởng phái ngoại đạo, vì điều này cũng cần thiết để hiểu Kinh Lăng Nghiêm. Vào thời Phật ra đời tại cố Ấn Độ, các trưởng phái ngoại đạo này nở râm rộ, và tung hoành ngang dọc... Cũng một phần bởi thế mà Chư Phật mới phải xuất hiện nơi đời. Vì Phật thường xuất hiện nơi nhân thế vào lúc tuổi thọ, trung bình của con người là xấp xỉ 100 tuổi, lúc đó phước báo đã bắt đầu kém đi và kiếp sống đã bước vào thời Ngũ trước. Như thế là để cứu vớt lấy một số chúng sanh khỏi bị chìm ngấm trong những làn sóng hoặc lậu... Nếu phước báo còn nhiều, thì Phật cũng không thị hiện đản sanh, vì chúng sanh cũng chưa bị chìm ngập. Hoặc nếu phước báo còn quá ít, thì Phật cũng không xuất hiện, vì không có mấy chúng sanh đủ túc duyên tương ứng để hiểu giáo lý và được cứu độ... Thường thường là như vậy.

Vậy thì thời đó, các trưởng phái tung hoành để dẫn dắt chúng sanh ngập lặn trong biển hoặc lậu... Và mỗi phái để xướng một thứ cõi nguồn khác biệt của pháp giới. Có phái giảng dạy rằng: Vũ trụ này chỉ là do những CỰC VI NHẢY MÚA chuyển động triển miên theo những luật tắc của Ngẫu nhiên, rồi Tình cờ kết hợp và tạo dựng nên mọi vật. Cũng hơi giống như quan niệm của một số khoa học gia ngày nay... Nhưng về lối giải đáp về bản thể luận này, thì nhiều người ngày nay đã hiểu rằng: khó có thể tìm thấy một thứ cực vi nào chắc nịch để làm viên gạch cơ bản cho vũ trụ, hơn nữa các cực vi đều biến ảo khó lường, và cũng không có thứ gì có thể gọi là Vật chất thuần túy được cả.

Ngoài ra, nếu tính theo toán số sắc xuất như Lecomte Du Nouy đã làm trong cuốn L'Homme et sa Destinée (calcul des probabilités), thì sự chuyển động của vô lượng những cực vi nhảy múa loạn xạ cũng không có một sắc xuất nào (probabilité nulle) để kết tập thành một sinh vật cao độ như con khỉ hay con người hết... Vậy thì lối giải đáp này là một sự sai lầm, đáng bác bỏ.

Lại có trưởng phái giảng dạy rằng: Chính THỜI GIAN là thứ Đại chung cơ bản đã tạo dựng nên vũ trụ này... Nhưng ngày nay qua những thuyết của Einstein và nhất là qua những lối dạy của kinh Hoa Nghiêm (xin xem cuốn Lăng Kinh Đại Thừa, chương Thời Gian Như Huyền), chúng ta có thể hiểu rằng Thời gian cũng chỉ là một pháp tướng sanh tướng duyên, chỉ là một vọng tướng tùy thuộc vào mức độ tâm thức của mỗi chúng sanh, của mỗi loài chúng sanh thọ sanh ở một CỘI nào đó mà thôi. Và như thế, không thể là một Đại chung cơ bản để tạo dựng pháp giới được. Nên lối giải đáp này cũng đáng bác bỏ. Ngoài ra, thì các trưởng phái ngoại đạo đang kể, phần đông đều ngã về quan niệm cho rằng: có một Đấng SÁNG TẠO (Creator) đã tạo dựng nên vũ trụ này... Về điểm này có phái cho rằng Đấng sáng tạo đó chính là ông vua Trời Phạm thiên thượng, cai quản tứ cõi trời Sắc giới trở xuống. Về vua Phạm thiên này, danh từ của kinh Lăng Già gọi là Sĩ phu.

Hoặc có phái cho rằng: Đấng sáng tạo đó chính là Thần ngã hoặc Minh đế... Là vì khi các tu sĩ ngoại đạo vào được Định sâu phá được Sắc âm, Thọ âm, Tướng âm cùng Hành âm rồi, thì lọt được vào Thức âm tức Tầng thức... Lúc đó, nhận thấy rằng cái Thức của mình nó ghê gớm quá, nó dung t h ô ng dính mắc khắp nơi, chu biến khắp nơi. Nhận thấy thế thì tâm vui mừng khắp khởi vô hạn, nên tâm bị giao động, cho đó là Thực tại cuối cùng rồi, và nghĩ rằng mình đã tới Bến nguyên sơ của muôn thứ. Rồi âm thầm lẫm nghĩ rằng: chính cái Thức đó tức là cái Thần ngã của ta nó tối linh, và nó đã tạo dựng nên cái pháp giới lung linh này. Hoặc nghĩ rằng chính cái Thức ấy nó là cái Thực tại cuối cùng, ở nơi hỗn độn hoang sơ, nó đã tạo dựng nên vũ trụ, và gọi nó là Minh đế... Và cũng chính vì nó khởi khắp khởi vui mừng của một kẻ lữ hành đi

xa và tướng mình tới bên, móng niệm nghĩ
lắm, nên các tu sĩ ấy thường đứng chân
đổ, mê mờ tánh Bồ Đề, không còn ý chí đứng
trên đầu sào 100 trượng và nhảy thêm một
bước nữa. Nghĩa là không còn ý chí dứt
mảnh đē, chuyển Tầng thức ấy thành B ậ
ch tĩnh thức toàn chân...

Cho nên, trong Kinh Lăng Nghiêm, ở những đoạn
bác những kiến chấp của ngài A Nan về
thuyết Tự nhiên, cũng như ở đoạn machướng
của Thức âm, Phật đã lý giải kỹ càng về
những điểm này.

Nói cho đúng ra, thì những tu sĩ ngoài đạo
này không phải là không đạt chân lý, không
phải là không cao siêu... mà chỉ là chưa
rốt ráo liễu nghĩa, chưa đặt chân nổi trên
bờ của Thực tại rốt ráo. Là vì sao? Là vì
vẫn còn móng niệm, còn kiến chấp tế vi,
còn GỖN niệm lẫn tẩn. Còn gợn niệm thì vẫn
còn hý luận, còn phản chiếu THỰC TẠI lệch
lạc, còn đứng chân trước bờ mé và còn lồi
lắm, chưa thể nhập trọn vẹn được Thực tại
Tỷ dụnhúc các vị chủ trương Thần ngã, tức là
còn âm thầm gợn sóng tâm thức, chấp rằng
cái Ngã ghê gớm, cái Ngã thần thánh t ố i
linh, và vẫn còn rơi vào vòng Vọng thức có
không.

Hoặc các vị chủ trương Minh Đē, thì vẫn âm
thầm gợn sóng chấp rằng cái Minh Đē ấy là
một Thực tại, nó là có (Being), và nó sanh
ra, tạo dựng ra pháp giới.

Hoặc các vị chủ trương Phạm thiên là Đấng
sáng tạo thì còn lồi lõm thô kệch hơn...
Các vị này thường chỉ mới đạt được những
cơn Định ở Sắc giới. Trụ trong định này,
có thể đưa thân thức lên cõi Sắc, rồi thấy
mình thánh thơi an lạc quá, thấy mình tự
tại quá, khởi tâm vui mừng khắp khởi cho
rằng đã tới bến... Rồi lại ngắm nhìn ông
vua trời Phạm thiên (vốn thường là một vị
Đại Bồ Tát tùy nguyện thọ sanh), thấy ngài
nhiều hào quang quá, lại thấy ngài nhiều
tự tại lực quá, biến hóa khôn lường, nên
lầm nghĩ rằng không thể có đấng nào hơn
vị này được nữa, và chắc là vị này đã tạo
dựng nên vũ trụ... Do đó, mắc phải những
lồi lõm: kiến chấp nhân ảnh hóa về Thực
tại cuối cùng, chấp có tạo dựng có cái này
sanh ra cái kia, và chấp rằng Đấng s ắ ng
tạo là Tự nhiên có, là Ngẫu nhiên có, là
không nguyên nhân (causeless)... Do đó,
Kinh Đại Bát Niết Bàn mới gọi những t ụ
sĩ đó là mắc vào Tam muội nông cạn đ ả o
điên.

Thực ra, thì lối nhìn hay mức độ giác ngộ
sâu hay nông của các bậc Giáo chủ (Phật
giáo hay các Tôn giáo khác), đều là t ỳ y
thuộc mức độ TAM MUỘI rốt ráo hay nông
cạn... Khách quan mà xét và nương t h eo
kinh sách, thì có lẽ bậc giáo chủ của đạo
Hồi , trong những cơn xuất thần nhập định
giữa sa mạc, thường chỉ mới nhìn thấy nhĩ
tầng trời ở cõi Sắc. Các tu sĩ của Bà l a
môn giáo cũng thường chỉ đạt tới những mức
độ thiên định của cõi Sắc và Vô Sắc. T ỳ
dụ như ông Tu bát đã là là vị đệ tử cuối
cùng của Phật, vốn trước kia tu theo BàLa
Môn giáo, nên tu hoài tu hủy mãi cho tới
năm ngoài 90 tuổi vẫn chỉ đạt tới đ ị nh
Phi tướng phi phi tướng xứ. Và phải n h ở
Phật điểm hóa cho, mới diệt nổi hết m ầ m
móng sanh tử, đắc quả A La Hán, ra ngoài 3
cõi. Và cũng vì cảm kích thâm ân điểm hóa
ấy, nên ngài đã tự ý dùng hòa tam muội, tự
đốt thân mình đē theo Phật vào niết bàn.
Còn những kinh sách của Thiên Chúa giáo,
thì tập Tân ước đầy rẫy những phép lạ của
Chúa Ki Tô, chỉ dùng một lời nói đē đuổi
quỷ, cũng chữa khỏi những kẻ sanh m a n h
hoặc tê liệt. Nhưng không thấy ngài l ầ m
những phép lạ tập thể (miracle collectif)
Nhưng kinh sách Cơ Đốc gần như không nói
đến mức độ thiên định, thường chỉ nói đến
Vision hoặc Transfiguration để hiện tượng
hào quang thôi. Nên rất khó phỏng đoán về
mức độ chứng đắc của ngài. Chỉ biết rằng
ngài có ra ở nơi sa mạc vắng vẻ trong 40
ngày, đē cầu nguyện, đē có Vision của tâm
nhân và cũng đē chịu đựng và chiến thắng
sự thử thách của Sa tăng... Nhưng trong
kinh Đại Bát Nhã, có một đoạn nói đ ại c ườ ng
như sau: một bậc có đủ thần lực đē c h i
dùng một lời nói mà đuổi được quỷ, h o ặ c
chữa khỏi một trọng bệnh nghiệp báo như
kẻ sanh manh, thường phải là một Đại B ồ
Tát ở bậc đē thấp địa... Còn như về v ụ
thi triển thần lực một cách tập thể, thì
trong các kinh, Phật đã làm rất nhiều nhĩ
vụ đó: t ỳ dụ như Ngài nhập Tư Tam Muội đē
chữa khỏi cho 500 tên cướp bị vua Ba T ứ
Nặc khoét mắt rồi bỏ vào rừng sâu, hoặc
chữa khỏi lạnh lặn cho 2000 phụ nữ giống
họ Cổ đ ầ m bị vua Lưu Ly chặt chân tay rồi
vứt xuống hồ... hoặc hóa hiện các cõi..
. v. v. v.

Thực ra thì cần phải vào nổi những c ớ n
tam muội lớn, rất sâu rất rốt ráo, nhĩ
cơn Đại định Vô trụ... t ỳ dụ như Thủ L ầ n g
Nghiêm tam muội, Kim Cang tam muội, Như

xem tiếp trang 8



(tiếp theo)

Lý nhị không, tức là ngã không và pháp không. Ngã không là biết rõ trong năm ấm hoặc sắc hoặc tâm (sắc là sắc thân, sắc ấm tâm là thọ, tưởng, hành, thức) đều do nhân duyên hòa hợp sanh ra, khi nhân duyên chia lìa liền mất, không thật có cái ta làm chủ thể. Pháp không là thấu suốt năm ấm dường thế vốn không. Tâm kinh nói: "Soi thấy năm uẩn đều không" chính là nghĩa này. Lý pháp không đây tức là thật tướng, do pháp vô minh chứng được, nên nói: "Vượt qua tất cả khổ ách". Lại, lý thể pháp thân lìa hẳn những tướng: sanh, diệt, đoạn, thường, có, không, mà làm căn bản của các tướng, rất là chảnh thật, nên gọi "thật tướng". Thật tướng này chúng sanh cùng Phật vẫn đồng, mà háng phạm phu, Nhị thừa do vì mê bỏ nên không được thọ dụng. Ví như tự mình có hạt bảo châu trong vạt áo, vì không hay biết nên phải chịu nghèo hèn. Ngộ đạo là trạng thái thông suốt rõ ràng, như mây tan trăng hiện của mơ núi bày, lại như người mất sảng trông thấy đường về, và cũng như người từ lâu nghèo khổ bỗng gặp kho báu. Chứng đạo là như theo đường cũ về đến nhà phủi chơn ngồi nghỉ, lại như đem kho báu ấy tùy ý tiêu dùng. Ngộ thì kẻ đại tâm phạm pháp u kiến giải đồng với Phật, chứng thì bậc sơ địa không biết chỗ cất bước tới lui của nhị địa. Hiểu được nghĩa ngộ và chứng này tự nhiên chẳng khởi lòng khinh mạng bậc trên, cũng không sanh tâm lui sụt, mà ý chí cầu sanh Tịnh độ thì muôn trâu vẫn không thể kéo lôi.

Lá thơ Tịnh Độ

ẤN QUANG ĐẠI SƯ

THƠ PHÚC ĐÁP CƯ SĨ

ở Vĩnh Gia

Thời này là thời buổi nào? - Nạn binh lửa đang lúc lây lung, nam bắc đánh nhau, trog ngoài chiến loạn, ba bốn năm gần đây, số người chết đến hàng triệu. Từ xưa đến nay chưa nghe có sự thảm thiết như thế! Lại thêm các tai biến: bão lụt, động đất, ôn dịch, tiếp diễn thường thường. Riêng vên nạn nắng lụt, không đầy một năm có khi đến đôi ba lần. Vật giá vì thế mắc gấp bội hơn trước. Lúc này, may mà được sống, dám không gắng sức chuyên tu tịnh nghiệp để cầu vãng sanh ư? Nỡ đem thân người khó được, mơ màng theo những pháp tu không hợp thời cơ ư? Hiện giờ nếu không gắng sức cầu định một môn, ngày kia muốn được nghe pháp huyền diệu thẳng tắt này, sợ e không còn dịp may ít có như hôm nay nữa!

Thư gửi Nữ sĩ

TỪ PHƯỚC HIỀN

Tôi dùng gót ở Phổ Đà đã hơn hai mươi năm đối với hàng Phật tử tại gia, chưa từng tới lui giao thiệp. Gần đây, nhân có thầy Phước Nghiêm lên núi thăm, trong vòng khề dây tuần nhật, thấy nhiều phen qua cửa thất tôi ở nói về sự trình thảo của nữ sĩ. Mỗi khi gọi đến việc ấy, thầy lại tỏ vẻ buồn ngủi cảm động. Lúc đó tôi có tỏ bày ý kiến: Nữ sĩ tuy trình liệt đáng khen, nhg

tiếc vì không biết đường lối tu hành. Nếu con nào rảnh tôi sẽ gởi lời khuyên nhắc, lược giải về cương yếu của môn niệm Phật để cho người tùy sức tùy phần bước vào con đường Tịnh độ. "Nghiêm sư nghe nói liền tán thành và hết lời yêu cầu. Vì thế nên mới có bức thư gởi cho nữ sĩ hôm nay.

Phật pháp là pháp sẵn đủ nơi tâm của tất cả chúng sanh, người xuất gia tại gia đều có thể thọ trì. Nhưng thân nữ có nhiều chướng duyên nếu lìa quê đi xa, rất dễ bị người lân hiệp. Vậy nữ sĩ chỉ nên ở tại nhà giữ giới niệm Phật, quyết chí cầu sanh Cực Lạc, không cần phải lìa quê hương xuất gia làm ni. Việc nghiên cứu khắp kinh giáo đi các nơi thăm hỏi bậc minh sư là phần của người nam, nữ giới bất chước theo khế tiện. Người nữ chỉ nên gắng tu tịnh nghiệp chuyên trì hiệu Phật, nếu có thể nhiếp cả sáu căn, nối liền tịnh niệm, tự nhiên hiện đời thân chúng tam muội, khi lâm chung lo gì không chiếm phẩm cao? Dì chưa chứng tam muội, cũng được dự vào hải hội, gângui đức A Di Đà, rồi lần lần trở về tánh bản chân, tự nhiên thông suốt vô biên giáo hải như tấm gương lớn soi rõ muôn hình. Chứng ấy mặc ý cõi thuyên đại nguyện, không rời An Dưỡng, hiện thân ở cõi Ta Bà, dùng võ số phương tiện độ thoát loài hữu tình, khiến cho đều đến Liên bang, chúng vô sanh nhân. Ấy mới khởi phụ với chí quyết liệt tutri ngày hôm nay, mới đáng gọi là hoa sen sanh trong lửa, người nữ mà trọng phụ đó!

Tu tịnh nghiệp, điều căn bản là phải quyết lòng cầu sanh Tây phương. Cho nên, pháp môn Tịnh độ lấy tín, nguyện, hạnh làm tông chỉ. "Tín" là phải tin cõi Ta Bà có vô lượng nỗi khổ, cõi Cực Lạc sự an vui không cùng. Nỗi khổ ở Ta Bà đại ước có tám thứ: sanh già, bệnh, chết, thương xa lìa, oán gặp gỡ, cầu không toại ý và năm ấm lấy lũng. (Năm ấm lấy lũng là chúng sanh đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức, khởi hoặc gây nghiệp như lửa cháy hừng). Sự vui ở Cực Lạc, nói về thân thì hóa sanh trong hoa sen, tuyệt không già, bệnh, chết, thuần là người nam; cho đến danh tứ ác đạo hãy còn chẳng nghe hưởng chi có thật? Nói về cảnh thì vàng ròng làm đất, bảy báu làm ao, hàng cây cao ngắt trời, lầu các giữa chừng không, và sự ăn mặc thọ dụng, khi tương đến đều đầy đủ hóa hiện vừa ý, không phải như ở cõi này do sức người tạo tác mà thành. Ở Cực Lạc,

Phật A Di Đà tướng đẹp vô biên, một khi trông thấy từ dung, liền chứng pháp nhãn, đức Quan Âm Thế Chí cùng Thanh tịnh hải hội phóng ánh sáng trong sạch, đồng nói pháp mầu. Thế nên, tuy là hàng phàm phudầy đầy nghiệp lực, nếu phát lòng tín nguyện tha thiết sẽ được nhớ Phật nhiếp thọ. Khi đã vắng sanh về cõi kia, thì nghiệp ác phiền não đều tiêu tan, trí huệ công đức đều tròn đủ. Tín được như thế mới gọi là lòng tin chơn thật. Như muốn được biết rõ hơn, nên xem kỹ Kinh: A DI ĐÀ, VÔ LƯỢNG THỌ và QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ. Những Kinh này chuyên nói về duyên khởi sự lý của tông Tịnh độ cũng gọi là Tịnh độ tam kinh. Ngoài ra, các Kinh Đại Thừa phần nhiều đều có nói về Tịnh độ. Như Kinh Hoa Nghiêm là khi đức Như Lai mới thành chánh giác, vì các bậc pháp thân đại sĩ ở bốn mươi một vị, xưng tán nói ngay pháp nhất thừa mầu nhiệm. Sau rốt, lúc ngài Thiện Tài đi thăm hỏi khắp các phương trí thức, chỗ chúng bằng chư Phật, Phổ Hiền Bồ tát lại vì nói mười đại nguyện vương, khuyên ngài Thiện Tài và hải chúng trong cõi Hoa Tạng hồi hứng cầu sanh về thế giới Cực Lạc, để mau tròn đầy quả Phật. Trong Quán kinh, chương Hạ Phẩm hạ sanh có nói: "Hạng người phạm tội ngũ nghịch thập ác, làm đủ các việc không lành, khi sắp chết tướng địa ngục hiện, để bậc thiên tri thức khuyên bảo niệm Phật, kẻ ấy vắng lỗi niệm cinta đầy mười ác u, liền thấy hóa Phật đưa tay tiếp dẫn vắng sanh." Kinh Đại Tập dạy: "Đời mạt pháp ước người tu hành nhưng ít có kẻ ngộ đạo, chỉ nương theo môn niệm Phật mới được thoát luân hồi." Thế thì biết pháp niệm Phật là con đường đồng tu của tất cả chúng thành hạ phàm. Với pháp này, kẻ ngu ngờ, trí đều có thể làm theo, cách hành trì dễ mà thành công cao, dùng sức ít song hiệu quả lạ. Bởi môn Tịnh độ chuyên nhớ Phật lực nên sự lợi ích rất lớn, vượt hơn tất cả giáo pháp thông thường. Người xưa nói: "Tu các môn khác như con kiến bò lên núi cao niệm Phật vắng sanh như thuyền buồm xuôi theo gió nước." Lời này có thể gọi là sự so sánh rất xác đáng, rõ ràng.

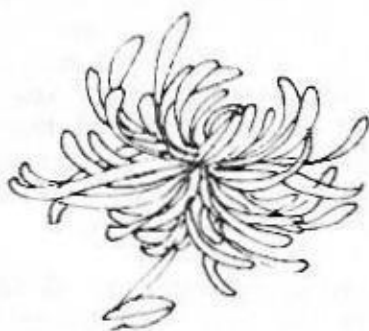
Nếu muốn nghiên cứu, nên xem bộ Yếu giải Kinh A Di Đà của Ngẫu Ích đại sư trứ thuật. Bộ này diễn tả sự lý đến chỗ cực điểm, là lời chú giải rất hay rất xác, đượ vào bực nhất tứ khi Phật nói kinh ấy đến giờ, dù cho Cổ Phật tái hiện ra đời cũng

giải lại cũng không hơn được. Vậy nứ s i
 chớ nên khinh thường, phải triệt để t i n
 theo. Về kinh Vô Lượng Thọ, có lời chú s ở
 của Huệ Viễn pháp sư đời Tùy, văn ngh i rất
 rõ ràng. Kinh Quán Vô Lượng Thọ thì có bộ
 Tư' thiệp sơ' của Thiện Đạo Hòa thượng .
 Ngài Thiện Đạo muốn lợi khắp ba căn nên
 phần nhiều phát huy về sự tướng. Sauchươg
 Thượng phẩm thượng sanh, ngài chỉ rõ s ự
 hơn kém của hai lối tu chuyên và tạp, lại
 bảo phải sanh lòng tin bền chắc, dù d ư c
 Thích Ca hoặc chư Phật hiện thân dạy b ỏ
 môn Tịnh độ tu theo các pháp khác, cũng
 không đối đỏi chí nguyện. Lời trên đây có
 thể gọi là cây kim chỉ nam của người t u
 tịnh nghiệp. Đến như bộ Quán kinh sơ' diệu
 tông sao của bên Thai tông thì nghĩa l ý
 quá viên dung mầu nhiệm, người căn cở trung
 hạ khó được lợi ích, vẫn không bằng bộ Tư
 thiệp sơ' lợi khắp ba căn. Đã biết n h ứng
 nghĩa lý trên đây, cần y theo đó tin chắc.
 Chớ chính mình hiểu đến thì tin d ậ danh,
 dù chỗ mình chưa hiểu đến cũng vẫn tin .
 Phải biết pháp môn Tịnh độ do n đ i kim khẩu
 của Phật nói ra, cho nên đem sự suy lường
 không thấu đáo của tính phàm mà sinh lòng
 nghi hoặc. Tin như thế mới gọi là chontin

(còn tiếp)

tiếp theo trang 2

chúng hiện tại kỳ tiền, thì nhưn c h u ng
 thời tâm bất điên đảo, tức đ ặc vãng sinh A
 Di Đà Phật cực lạc quốc độ).



tiếp theo trang 5

Huyền tam muội... mới có đủ mức độ t ả m
 nhãn để nhìn thấy mọi then chốt sinh c ơ
 của pháp giới, và đủ thần thông du hỷ đại
 tự tại lực. Phải hiểu rằng pháp giới l ầ
 huyền, rồi nắm được then chốt của sự huyền
 hiện ấy, thì mới có Vô tác diệu lực để hóa
 hiện không cùng được. Còn như nếu vẫn nghĩ
 rằng pháp giới là có, thì dù có thần lực
 chẳng nữa, cũng không hóa hiện được m ấ y
 nổi... Chỉ cần đọc những kinh Đại Thừa,
 nhất là kinh Hoa Nghiêm hay kinh Đại Định
 Thủ Lăng Nghiêm... là đủ thấy rõ điều đó.
 Trong kinh Đại Định Thủ Lăng Nghiêm (hiện
 nay, Hòa Thượng Huyền Vi đang Việt đ ị ch
 cuốn kinh này trên tờ Hoàng Pháp), thì từ
 đầu đến cuối, toàn là thần biến, biến hóa
 không lường của những bậc Đại Bồ Tát đ ầ
 chứng nhập tam muội đó.

Do đó, nên các kinh Đại Thừa, nhất là Thủ
 Lăng Nghiêm và Đại Bát Nhã... luôn luôn
 khuyến tấn kẻ hành giả phải GỌT sạch mọi
 móng niệm GỖN sống lẫn tẩn. Gột sạch đ ể
 làm gì? Để có thể chứng nhập trọn vẹn Biến
 Tâm tức Thực tại cuối cùng. Chứng nhập như
 thế để làm gì? Để có thể nhìn rõ mọi sinh
 cơ của pháp giới, để có quang đại tự tại
 lực rồi dùng phương tiện huệ hóa hiện kh ộ
 cũng để cứu độ và ỒM TRỌN pháp giới v ả o
 thân tâm mình, trở thành MỘT với pháp giới

Nếu như kẻ hành giả còn móng niệm vi tế,
 thì cũng có tự tại lực được, nhưng không
 phải là quang đại, không thể cứu độ không
 cùng được và không ồm trọn nổi pháp giới
 Đồng thời, lại dễ khởi tâm vui mừng, cho
 thế là đủ, cho rằng mình đã tới bến, t r ở
 thành tăng thượng mạng, mê mờ tánh Bồ Đề,
 dễ lạc vào ma chướng của ý, sa vào ngoại
 đạo, hoặc đứng chân ở định tánh Nhị thừa.

(còn tiếp)

(Trích tập Lăng Nghiêm ảnh hiện)

ẢNH HƯỞNG NGÔI TAM BẢO ĐỐI VỚI DÂN TA

Đoàn Trung Côn

tiếp theo

Học giả Nguyễn Doãn Can Lộc sưu lục

Cho nên trong nhiều câu ca dao có t h ẩ m
nhuần tinh thần của ngôi Tam Bảo.

NHƯ VỀ HIẾU THÌ :

Mỗi đêm mỗi thấp đèn trời,
Cầu cho cha mẹ, sống đời với con.

Đã dành thọ phép Di Đà,
Hiếu trung giữ trọn, gian tà mặc ai.

Vô chùa thấy Phật muốn tu,
Về nhà thấy mẹ, công phu không đành.

Tu đâu cho bằng tu nhà,
Thờ cha kính mẹ, hơn là đi tu.

NHƯ VỀ TÌNH THÌ :

Ngó lên am tự chùa vàng,
Tu thì đừng đó, bỏ nàng ai nuôi?

Anh đi lưu thú Bắc thành,
Bỏ em khô héo như nhánh tử bì.

Chữ rằng phú quý tại Thiên,
Vì ai nên nối bạn hiền gian nan.

Người đời ai khỏi gian nan,
Gian nan có thuở, thanh nhàn có khi.

Phải chi lên dặng Ngọc Hoàng,
Lén coi số bộ duyên nằng về ai.

Bé thơ chi đó dõ đành,
Chẳng qua duyên nợ, bậu đành hay không?

Tượng linh dẫu rách cũng thờ,
Lỡ duyên anh chịu, mong chờ tin em.

Sóng dài cá lội biệt tăm,
Phải duyên phu phụ, ngàn năm cũng chờ.

Trên trời vẫn vũ,
Dưới âm phủ đá dựng tư bề.
Làm sao cho trọn chữ phu thê,
Đầy chồng đó vợ, ra về có đôi.

Sóng bên đời bỏ vôi bên vịnh,
Anh với nàng trời định đã lâu.

Cơ trời dẫu bề da doan,
Tơ duyên vẫn vôi, thiệp chàng xa nhau.

Thân em buồn bán tảo tần,
Lòng anh sao nở tỵ trần xuất gia.

Đặt bàn thệ nguyện giữa trời,
Sao hôm có lạng, còn lối sao mai.

Phải chi cao dất thấp trời,
Hỏi thăm duyên nợ đời đời thế nào?

Chim bay về núi Điện Bà,
Phân chồng rẽ vợ, ai mà chẳng thương.

Nghĩ nào mà lại tuông rơi,
Thấp nhang mà lạy Phật Trời định phân.

VỀ TÌNH HIẾU XEN LẤN THÌ :

Lưu ly nửa nước nửa dầu,
Nửa thương cha mẹ, nửa sầu căn duyên.

Mình hòa, phụ mẫu không hòa,
Căn duyên để vậy, hay là dứt đi?

**VỀ THỂ SỰ LUẬN ĐÀM HOẶC VỀ CÁC MỐI CẢM
ĐỐI VỚI NHÀ PHẬT, THÌ :**

Chuông già đồng diều chuông kêu,
Gái khôn trai dốt, lâu ngày cũng xiêu.

Tương là chùa rách Phật vàng,
Hay dẫu chùa rách chúa dằng qui' ma.

Tội người, vô số Di Đà,
Còn mang chuỗi hạt, áo già làm chi.

Con vua thì được làm vua,
Con sãi ở chùa thì quét lá đa.

Muốn đi tu, công phu chưa có,
Muốn ở chùa, chuông mõ cũng không.

Đã đành cắt tóc đi tu,
Một ngày cửa Phật, mười thu cõi trần.

Tai nghe chuông mõ vang vầy,
Ghé vô am tự nghe Thấy giảng Kinh.

Rủ nhau xuống biển bắt cua,
Lên non bán nhạn, vô chùa nghe Kinh.

c) ẢNH HƯỞNG NGÔI TAM BẢO TRONG NHỮNG ÁNG VĂN THƠ :

Chẳng riêng gì hạng bình dân, chẳng riêng gì tầng niên thiếu, mà ngay trong h ã ng thượng lưu trí thức, trong bậc trung niên và lão thành cũng chịu ảnh hưởng tinh vi của đạo Phật nữa. Bậc sĩ phu của ta dẫu từng cảm mến chủ nghĩa tư bi của đạo Thiên, và các hàng tao như mặc khách, các tay thi bá, văn như đều thọ hưởng tinh thần nhà Phật. Cho nên trong các áng văn thơ, trong các tuồng, truyện từ xưa đến nay, ta thường thấy có lắm danh từ của nền văn c h ượng Phật học.

Lại có nhiều chương, nhiều đoạn nương sức tiếp trợ của một nhà chùa, mượn sự cứu hộ của một nhà sư, nhờ sức tế độ của một đức Phật, của một đức Bồ tát mà thành ra thâm thúy và nghiêm trang. Kìa như một tay anh hùng võ hảo nghĩa, giết phùng ý thế hiệp cô, tự bỏ tay để cho người ta làm tội, rồi vượt ngục, vào tá túc nơi nhà chùa mà xem Kinh học kệ:

Vừa may mà gặp chùa này,
Mai danh ẩn tích bấy chầy nấu nường.

Lại như, một trang thơ sanh lối lạc, nhưng gặp lúc cùng đờ, thân mang bệnh ngặt, thế mà được các sư nuôi nấng cho trong m ấ y

năm trường:

Ái di, chùa bán bạc đã không bốn vách,
Còn cậu tôi, bệnh trăm kha lại giáp ban năm
Thưa thưa, lòng kính thành bái tạ caotăng
Dặm diều viễn trông chừng làng hạnh...
Diều viễn, trông chừng làng hạnh,
Cúi đầu tư, dãi kính cửa Không.

Lại nữa, như một trang thực nữ, muốn g i ữ tròn chữ trung, chữ hiếu, chữ tiết, c h ứ trính, bên gieo mình xuống ngọn thủy triều thì:

Nguyệt Nga nhảy xuống giữa vời,
Sóng thần đưa đẩy vào trong bãi rày...
Xiết bao sương tuyết đêm đông,
Mình nắm giữ bãi lạnh lòng ai hay.
Quan Âm thương đứng thảo ngay,
Bèn đem nâng lại bỏ rày vườn hoa...

Đó là những chương, những đoạn trong thơ văn, truyện tích nhờ sức tư bi của Tam Bảo tô điểm cho thêm phần trân trọng. Lại còn biết bao thơ, tuồng, truyện lấy lý n h ớ n duyên nghiệp quá, lý tiền căn hậu báo, lý "hết cơn bi cực đến hồi thời lai" của nhà Phật mà làm đề; thâm ý của thi nhưn, văn sĩ là muốn nêu gương lạnh dũ làm lạnh c h o nhưn dân. Ấy nhờ cảm cái tinh thần đạo Phật mà các ngài cộng tác vào cuộc chấn hưng nền thuần phong mỹ tục trong nước đó.

Ngoài ra sự nương vào ngôi Tam Bảo mà lấy tích và làm đề cho áng văn mình, các bậc thi nhân, văn sĩ ta lại còn nhờ ảnh hưởng của Phật, Pháp, Tăng trong cuộc hành v ấ n của mình nữa. Trong mỗi áng văn, thơ, ta đều thấy rất nhiều danh từ về văn chương nhà Phật.

Về việc này, ta có thể phân các nhà t h i nhân, văn sĩ của ta ra hai hạng: một hạng chưa từng đọc qua Kinh sách nhà Phật v ấ một hạng rất lâu thông lý diệu huyền . Hạng trên nhờ cảm mến chủ nghĩa tư bi do các sách ngoài hoặc do xã hội Việt N a m mình đã từng thọ ảnh hưởng di truyền của Tam Bảo mà hay dùng những danh từ n h ớ Phật trong lúc hành văn. Còn hạng dưới thì nhờ có ham mộ triết học nhà Phật, n ấ n g viếng chùa, n ấ ng xem Kinh, cho nên trong sự hành văn thường dùng danh từ nhà Phật mà văn chương cô bề lưu loát, thâm trầm v ấ siêu việt hơn. Như Nguyễn Đình Chiểu (Đồ Chiểu), Bùi Quang Nghĩa (Thủ Khoa N g hiã) không mấy khi xem Kinh Phật; còn Nguyễn Du

Đoàn thị Diễm và tác giả vô danh q u yển
Quan Âm Thị Kính thì rất ham mộ văn chương
Phật học, rất tinh vi về Phật lý. Tuy vậy,
bên nào cũng thọ được ảnh hưởng nhà Phật
trong thi văn của mình.

Dưới đây, muốn giải tương cái ảnh hưởng
ấy, tôi xin trích ra những đoạn văn trong
các quyển: Lục Vân Tiên, Kim Thạch Kỳ Duyên
Kim Vân Kiều, Cung Oán Ngâm Khúc và Quan
Âm Thị Kính.

Trong "Lục Vân Tiên" ta thấy:
Có người ở quận Đông Thành,
Tu như tích đức, sớm sanh con hiền.

Trực rằng: Chùa rách Phật vàng,
Ai hay trong quán ẩn tàng kinh luân.

Những lăm công toại danh thành,
Nào hay từ mẫu u-minh sớm đời.

Dầu cho chước qui, mưu thân,
Phong trần ai cũng phong trần như ai.

Có thân phải khổ với thân
Thân ôi thân biết mấy lần chẳng may.

Thỉnh ông Phật tổ A-Di,
Thập phương chư Phật phù trì giúp công.

Dầu cho tài trí bực nào,
Gặp cơn nguy biến biết sao mà nhờ.

Oan gia nợ đã khéo gây,
Ôi thôi thân thể còn gì mà toan.

Nên, hư có số ở trời,
Bốn chôn sao khỏi, đổi đời sao xong.

Người đời như bóng phù du,
Sớm còn, tối mất, công phu lỡ làng.

Dương gian may chẳng dặng gôn,
Âm cung biết có thành thân chẳng là.

Con xin sang lạy Lục Ông,
Làm chay bảy bữa trọn cùng Vân Tiên.

Hiu hiu gió thổi ngọn cây,
Ấy là hồn trẻ về rày thăm cha.

Người ngay, Trời Phật cũng vưng,
Lão bà chống gậy trong rừng bước ra.

Khi khuya, năm thấy Phật Bà,
Người đà mách bảo nên già tới đây.

Đoạn này đến thư' ra đời,
Vân Tiên thuốc ấy ở nơi chùa chiền.
Nửa đêm, năm thấy ông Tiên,
Đem cho chén thuốc, mắt liền sáng ra.

Suối vàng, hồn mẹ có linh,
Chứng cho con thảo, lòng thành ngày nay.

Xưa nay những đứa vô nghi,
Dầu cho có sống làm gì nên thân.

Trịnh Hâm bị cá nuốt rày,
Thiệt Trời báo ứng lẽ này rất ứng.

Thấy vậy nên đứng đứng đứng,
Lâm người ai này thì đứng bất nhón.

Oan gia nợ ấy trả xong,
Thiếu chi nên nổi mà mong tới đời.

Trời kia quả báo mấy hồi,
Tiếc công son diễm phần đời bấy lâu.

(còn tiếp)



Lục thừa Phật Giáo và phương pháp tu chứng

Tâm Đức

"Nguyện hồi hướng công đức pháp thí này đến những ai muốn cầu Phật Đạo".

(tiếp theo)

THỨ SÁU: PHẬT THỪA HAY TỐI THƯỢNG THỪA

Danh từ Phật Thừa được Đức Phật nói rất nhiều trong bộ Kinh cao quý nhất dùng để giáo hóa Bồ Tát là Kinh Pháp Hoa, trg lúc danh từ Tối Thượng Thừa thường được môn phái Thiên Tông nhắc nhớ đến.

Trong Kinh Pháp Hoa (trang 63, Phẩm Phương Tiện) Đức Phật đã cho các vị Bồ Tát biết là các Đức Phật Thế Tôn chỉ do một nhân duyên lớn mà hiện ra đời. Các Đức Phật vì muốn cho chúng sanh khai tri kiến Phật đã được thanh tịnh mà hiện ra nơi đời này, vì muốn chỉ tri kiến Phật để được thanh tịnh mà hiện ra nơi đời, vì muốn cho chúng sanh tỏ ngộ tri kiến Phật mà hiện ra nơi đời, và vì muốn cho chúng sanh vào Đạo tri kiến Phật mà hiện ra nơi đời.

Tất cả hạnh nguyện trên đều được tóm tắt trong 9 chữ (khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật Tri Kiến).

Trong Phẩm Phương Tiện, Đức Phật cũng đã nói với Ngài Xá Lợi Phất rằng: "Đức Như Lai chỉ dùng một Phật Thừa mà vì chúng sanh nói Pháp, không có các Thừa hoặc 2 hoặc 3 hoặc: "Này Xá Lợi Phất, các ông nên một lòng tin hiểu, thọ trì lời Phật dạy. Lời các Đức Như Lai nói không hư vọng không có Thừa nào khác, chỉ có một Phật Thừa mà thôi."

Trích dẫn một vài đoạn trong Kinh Pháp Hoa nói về Phật Thừa để chứng tỏ rằng trg mỗi chúng sanh đều có Phật tánh, chỉ vì chúng sanh mê muội cho nên làm lu mờ tánh Phật hay nói cách khác làm lu mờ tánh "Viên Giác" đã được nói trong Kinh Viên Giác.

Chỉ giáo cho chúng sanh vào được Tri Kiến Phật của mình tức là vào ngay tâm của mình. Do đó lý cứu cánh của Phật Thừa là lý: Tức Tâm, Tức Phật.

Lý Tức Tâm, Tức Phật được mô tả như sau: Phật nhân (Tâm, của chúng sanh) và Phật quả (tức thành Phật)

Trong phẩm Thượng Bất Khinh Bồ Tát (tr 449 Kinh Pháp Hoa) Đức Phật chỉ cho Ngài Đắc Đại Thế Bồ Tát rõ là Bồ Tát Thượng Bất Khinh chẳng hề chuyên đọc kinh điển mà chỉ chuyên khen hàng tứ chúng rằng: "Các Ngài sẽ thành Phật tôi chẳng dám khinh các Ngài". Chỉ có ngần ấy thôi mà Bồ Tát Thượng Bất Khinh đã thành Phật. Ví dụ này chứng tỏ cho chúng ta thấy chỉ cần thấy được chơn Tâm của mình tức là thành Phật

Lý tức Tâm, tức Phật cũng đã được Mã Tổ dạy cho các đệ tử của Ngài. Kinh điển đã thuật lại một câu chuyện như sau:

Mã Tổ thường dạy cho Hòa Thượng Trí Thụ về lý tức Tâm, tức Phật. Khi ngộ được lý này rồi Hòa Thượng Trí Thụ xin từ giả Mã Tổ và lui về ẩn dật trên núi Đại Mai. Mã Tổ bèn cho thị giả đến hỏi thăm Hòa Thượng Trí Thụ, và hỏi Ngài đã ngộ được lý gì mà lui về ẩn dật trên núi Đại Mai. Hòa Thượng Trí Thụ cho biết Ngài đã ngộ được lý Tức Tâm Tức Phật.

Sứ giả của Mã Tổ bèn thưa với Hòa Thượng Trí Thụ rằng: Nay Mã Tổ không còn nói lý Tức Tâm Tức Phật mà Ngài lại nói "Phi Tâm, Phi Phật".

Hòa Thượng Trí Thụ điềm nhiên trả lời rằng: Mã Tổ muốn nói gì thì nói, ta chỉ biết lý Tức Tâm Tức Phật.

Khi biết được tin này Mã Tổ đã đặng đàn vậ báo cho các đệ tử của Ngài rõ là Trí Thụ đã chơn rồi, ý muốn nói Hòa Thượng Trí Thụ ở Rừng Đại Mai đã đắc Phật quả.

Ngộ được lý Tức Tâm, Tức Phật tức là thấy

rõ nơi thân ta cái Phật tánh và Tâm t h ệ
chân thật. Nói một cách khác theo danh từ
trong Kinh Viên Giác gọi đó là "chơn tâm"
hay "Tánh Viên Giác" hay "Tâm Viên Giác".

Trong Kinh Hoa Nghiêm Đức Phật cũng đã cho
chúng ta biết tất cả chúng sanh đều c ố
Phật tánh "Ta thấy chúng sanh có đầy đ ứ
trí tuệ đức tướng Như Lai, chỉ vì v ọ n g
tướng làm lu mờ, khi nào dẹp đ ược v ọ n g
tướng thì Như Lai hiện hiện".

Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật cũng đ ă
dạy cho ta biết mức ngộ đ ược thể t ả n h
cho Tâm thượng trụ tức là ta đã t h ầ n h
Phật. "Chư Phật và chúng sanh cũng đ ồng l
bản thể, chơn tâm không khác. Vì chúng s a n h
mê muội thể, tánh chơn tâm này nên p h ả i
chịu sanh tử luân hồi, còn chư Phật đ ăng ngộ
đ ược chơn tâm nên đ ược tự tại giải thoát

Còn về danh từ Tối Thượng Thừa đ ược Thiên
Tông nói đến ta cũng đã tìm thấy đ ầy đ ứ
ý nghĩa của nó trong cuốn Tối Thượng Thừa
Luận của Ngũ Tổ, Hoàng Nhãn hay cuốn sách
nổi tiếng nhất của nhà Thông Thiên Học Ấn
Độ Krishnamurti trong tác phẩm "The First
and the last Freedom" (Tự do đầu tiên và
Tự do cuối cùng).

Tóm lại phép tu theo Phật Thừa tức là kh ồ
rời Tâm mình đ ể cầu Phật vì Phật chính là
chơn Tâm của chính ta vậy.

Đ ể kết thúc phần Phật Thừa và cũng đ ể kết
luận bài này, xin nêu ra sau đây tóm tắt
lời chỉ dạy của Đức Phật trong Kinh Lăng
Nghiêm bao trùm cái gọi là chơn Tâm của
mỗi chúng sanh. "Tứ nơi thể tánh chơn Tâm
vì vô minh vọng động nên sanh ra có h ứ
không, thể giới, chúng sanh cùng các cảnh
vật rồi cứ theo đó mà phân biệt tốt xấu,
lớn nhỏ, mừng, giận v.v... Đến khi vô minh
vọng động, trở lại thể, tánh chơn Tâm thì
cái cảnh vật không còn, như người, t i ầ n h
giấc chiêm bao, cảnh chiêm bao hết. Lúc bấy
giờ một sợi lông hay cả mười phương thể
giới cũng đều là chơn Tâm cả. Trở về với
bản tánh chơn Tâm Thượng trụ tức là trở
về Phật tánh của mình".

Balê Xuân Quý Hợi (1983)

Trăm năm chưa có một ngôi Chùa

*Lời kêu gọi của Thầy NHƯ ĐIÊN
Góp Của, Công, đ ể xây cất Ngôi Chùa
Mặc dù là chùa nhỏ hay to
Đ ể có chỗ tôn nghiêm thờ phụng Phật*

*Lời kêu gọi thật là chính xác
Dân Việt ta xuất ngoại cũng khá nhiều
Kỹ, Thương gia, Bác sĩ biết bao nhiêu
Nha sĩ, D ược, Công nhân trong cơ xưởng*

*Tùy hỷ cúng dường hay cho mượn
Thầy hưng công xây cất một Ngôi Chùa
Tính công xây và đất phải mua
Chi phí hết hai triệu đồng tiền Mác*

*Hưởng ứng Thầy trụ trì VIÊN GIÁC
Nha sĩ họ Tô tên gọi Vĩnh Hòa
Bồ đ ể tâm công đ ức xây chùa
Đ ể cúng dường sáu ngàn đồng Đ ức Mã*

*Tiếng chuông đầu họ Tô đã gõ
Mong bà con Phật tử khắp bốn phương
Dù là không Phật tử hãy cúng dường
Hay cho mượn đ ược trả theo dài hạn*

*Việc xây chùa đạt thành viên mãn
Công đ ức này vô lượng vậy thay
Mong bà con hưởng ứng sớm đ ể xây
Trồng cây Đ ức hái nhân lành quả tốt*

Đ ỨC QUANG
Rằm tháng Bảy Quý Hợi
20.8.83
NORDEICH



Việt Nam phong sử

Nguyễn Văn Mại - Bản dịch của Tạ Quang Phát - Học giả Mạc Khách sưu lục

(kỳ 16)
CHƯƠNG 58

*Vì rằng bác mẹ chẳng sinh,
Đem con bán phố Vạn Ninh cho rồi.*

Thơ phong sử này thuộc phú.
Vạn Ninh thuộc tỉnh Quảng Yên, nay là đạo Hải Ninh giáp với huyện Đông Hưng tỉnh Quảng Đông của nhà Thanh (Tàu).

Nước Nam ta bị Bắc thuộc trở về sau, triều đình Trung Quốc dùng lối thực dân là chính sách. Khách thương người Tàu sang nước Nam ta thường đi buôn người làm môn hàng lạ. Nhân dân ta ở vùng biên giới phần nhiều là không có nghề nghiệp, phải lụy lụy tứ tán, lại lấy việc bán con làm nghề.

Đến trong khoảng niên hiệu Hồng Đức (1470-1497), vua Lê Thánh Tông chế luật định nh lệnh có nói rõ về điều luật buôn người, nhưng cái tệ ấy cũng không dứt.

Thơ phong dao này nói lên nỗi thống khổ của nhân dân phải ly tán trôi nổi.

Này, con người sinh ra trong trời đất, ai lại không muốn thân kính cha mẹ, thế nhưng yêu con cái, nhưng phải lưu ly thất sở đến phải làm cha người làm anh người, thế thì chính sách thực dân còn nói làm sao nữa? Thì tất nhiên phải có chính sách chính sách chính công nghệ, tán trợ thương mại vậy.

Tục nước Nam ta lấy văn học làm trên hết lấy việc làm ruộng trồng dâu làm nghề gốc còn việc công nghệ và thương mại làm nghề

ngọn thấp hèn, cho nên nước nhà ngày càng thêm nghèo yếu.

Này, một người con chịu ơn vua thì chỉ có toàn gia đình hưởng được lộc trời mà thôi. Một người cây thì gia đình hàng mưới ngày. Tự lại ăn, tất nhiên phải đến cảnh đói khổ. Thì hạng sĩ nông phát đạt được là bao?

Nếu về công nghệ, dựng lên một xưởng hăng nhỏ thì có thể nuôi được mưới người, dựng lên một xưởng hăng trung thì có thể nuôi được trăm người, dựng lên một xưởng hăng lớn thì có thể nuôi được ngàn người.

Về thương mại, một hăng hăng nhỏ có thể chuyển bán hàng hóa trong một tỉnh, một hăng hăng trung có thể chuyển bán hàng hóa trong một nước, một hăng hăng to có thể chuyển bán hàng hóa của ngoại quốc.

Hạng giàu có tài sản do đó mà sinh ra, hạng nghèo không nghề nghiệp nhờ đó mà sống, mà chính sách thực dân được thi hành ở trong đó vậy.

Đường lối làm cho nước nhà được giàu có cũng do đó mà ra, thì há còn tiếng chim hòng chim nhận lạc loài ly tán kêu thảm nữa hay sao?

Từ ngày có Chính phủ Bảo hộ đến nay, giới công thương ngày đêm phát đạt.

Về công nghệ thì có xe lửa và đường lỵc

xem tiếp trang 17

QUỐC SỬ TẠP LỤC

3. QUỐC HIỆU NƯỚC TA

SỬ TA SO VỚI SỬ TÀU

Ứng Hoà Nguyễn Văn Tố



Học giả Mặc Khách sưu lục

LỜI TÒA SOẠN: Quốc Hiệu nước ta - Sử ta so với sử Tàu của Ứng Hoà Nguyễn Văn Tố. Bài này đã được đăng trên tuần báo THANH NGHỊ ở Hà Nội trong những năm 1944 và 1945. Kể đến năm 1964 lại được tái đăng trên TIN SỬ ĐỊA của Ban Báo Chí Nhóm Sử Địa Đại học Sư Phạm Sài Gòn. Nay Viện Giác xin trích đăng lại để làm quà văn hóa cho quý vị độc giả bốn phương.

Cũng vì không liên lạc trực tiếp được với một số quý vị Tác Giả đã có bài được báo Viên Giác trích đăng; nên Tòa soạn xin chân thành cáo lỗi cùng quý vị. Để tạo nên mối Đạo Tình với Đạo Pháp; mong quý vị đã có bài được đăng, hoặc trích dịch xin liên lạc với Tòa Soạn để chúng tôi kính chuyển đến quý vị Tác Giả một số tình tài để bù đắp vào công lao khó nhọc của quý vị. Tuy nhiên tờ báo Viên Giác vẫn là tờ báo Đạo, không có tính cách thương mại. Kính mong quý vị niệm tình hỷ thú cho.

(tiếp theo)

Nguyên năm 923. Nam Hán Lưu Công sai Lý Khắc Chính sang đánh nước ta, bắt được Khúc Thừa Mỹ đem về. Sau khi bắt được Thừa Mỹ, cho Lý Tiến thay chức Tiết độ châu Giao, và Lý Khắc Chính ở giữ châu. Lúc bấy giờ, Dương Diên Nghệ người châu Ái, đang là nha tướng của Khúc Hiệu, thấy Thừa Mỹ bị bắt, có chí khôi phục để trả thù, mới đem quân đánh Lý Khắc Chính. Lý Khắc Chính chạy về Nam Hán. Chúa Nam Hán ý cũng muốn vỗ về cho yên ổn, giả cách cho Diên Nghệ chức tước và quyền vị, bảo các quan tâu rằng: "Ở đây hay làm loạn, làm như thế dễ giàng buộc đó thôi". Việc ấy các sử ta như Khâm Định Việt Sử, tiên biên (q.5, tờ 16b và 17a), Đại Việt Sử Ký (q.7 tờ 1b), Sử Ký Toàn Thư (q.5 tờ 18a), Hoàng Việt Niên Biểu (q. thượng tr. 312) đều chép vào năm quý Mùi (928). Duy có Việt Kiều Thư (q. 4 tờ 18b) lại chép vào năm thứ 11 hiệu Trang Hưng (930) và chép là chúa Nam Hán sai tướng là Lương Khắc Chân, Lý Thủ Dung

sang đánh Giao Châu, bắt được Tĩnh Hải tiết độ sứ là Khúc Thừa Mỹ đem về.

Trong năm thứ 2 hiệu Trang Hưng nhà Hậu Đường (931) Dương Diên Nghệ vẫn có chí khôi phục, nuôi 3000 tráng sĩ làm nhabinh (Sử Ký tiên biên, q.7 tờ 3a; Sử Ký toàn thư, q.5 tờ 18b; Việt Kiều Thư, q.4 tờ 18b) đều chép là Diên Nghệ nuôi 3000 giả tử, tức con nuôi). Lý Tiến biết, chạy tin về báo với chúa Nam Hán. Diên Nghệ đem quân vây Lý Tiến chúa Nam Hán sai thừa chỉ là Trần Bảo đem quân đến cứu quân cứu chúa tới nơi, thành đã bị mất, Lý Tiến trốn về, Trần Bảo đến vây thành, Diên Nghệ ra đánh Trần Bảo thua rồi chết. Bấy giờ Diên Nghệ tự xưng Tiết độ sứ cai trị trong châu. Đoạn này Khâm Định tiên biên, q.5 tờ 17, Sử Ký tiên biên, q.7 tờ 3a, Sử Ký toàn thư q.5 tờ 18b, đều chép như trên. Duy có Việt Kiều Thư, q.4 tờ 18b, chép là: Lý Tiến biết việc Dương Diên Nghệ nuôi 3000 giả tử,

nhưng vì ăn hối lộ, nên không báo vua Nam Hán và Trần Bảo thì chép là Trình Bảo).

Sử Ký tiền biên (q.7 tờ 3a) lại chép rằng Diên Nghệ có chỉ phục thù cho họ Khúc, cho nên lập trường chọi vật để chiêu tập lấy những người hào kiệt trong châu, nói khích lấy đại nghĩa để cùng mưu việc lớn cho nên đánh đuổi được Khắc Chính.

An Nam chí nguyên (q.3 tr.18) chép: "Khi Lưu Cung bắt được Thừa Mỹ, cho Diên Nghệ chức tước, và cho tướng là Lý Tiến làm thứ sử châu Giao, Lý Khắc Chính giữ thành, Cung bảo tả hầu rằng: "Dân Giao chỉ như thế, chỉ có thể dùng buộc mà thôi". Sang năm sau quả nhiên Diên Nghệ khởi binh và đánh thành. Khắc Chính chạy, Diên Nghệ giữ thành, tự xưng tiết độ sứ, được ba năm bị nha tướng là Kiều Công Tiễn giết.

Đem những việc ở sử ta chép so với sách Tàu, thì biết là sách Tàu chép không đúng. Xem chuyện trên này thì biết: Chính là Dương Diên Nghệ nổi lên đánh Lý Khắc Chính. Khắc Chính thua chạy về Nam Hán, lúc bấy giờ chúa Nam Hán mới chịu cho Dương Diên Nghệ chức tước và quyền vị. Theo như An Nam Chí Nguyên thì lại chép là sau khi bắt được Thừa Mỹ để cho ngay chức vị, thì không phải. Và tính từ năm Thừa Mỹ bị bắt là năm 923, Dương Diên Nghệ đã khởi binh phục thù, cho đến năm 937 bị Kiều Công Tiễn giết, cộng thành 15 năm, cho có kể từ năm xưng Tiết độ Sứ, là năm 931, cũng được 7 năm, thế mà An Nam Chí Nguyên chép xưng Tiết độ Sứ được ba năm. Vậy mới biết là không nên tin hết ở các sách Tàu.

Năm 937, mùa Xuân tháng 3, Dương Diên Nghệ bị nha tướng là Kiều Công Tiễn giết cướp ngôi. Việt Kiều Thư (q.4 tờ 19a) chép là Hiệu Công Tiễn, Kiều Công Tiễn là người ở châu Phong, nguyên là nha tướng của Dương Diên Nghệ.

Nha tướng nghĩa đen là tướng nanh vuốt tức là người chân tay, thế mà Công Tiễn sinh ra giết Diên Nghệ! Sử thần Ngô Thì Sĩ có chê Dương Diên Nghệ rằng: "Cuối đời Hán, đời Đường, phần nhiều nuôi giả tử (con nuôi), nghĩa là trong khi chọi nhau bằng chí bằng sức, hoặc theo nhau trong khi hoạn nạn, và khi hoạn, khi cấp đấc lực, thì nhận làm con để gửi tâm phúc, nhưng có biết đầu con lang

thì khó dạy, cất kỹ để dư cho trộm đến, tính giỏi không thể mợn được. Diên Nghệ nuôi con mợn đến 3000, đến khi bị nạn không hối được nữa". (Đại Việt Sử Ký tiền biên, q.7 tờ 3b). Lời bàn ấy có ý chê rằng làm sao lại là giả tử, có lẽ Công Tiễn cũng là một đứa con trong 3000 đứa ấy chăng?

Công Tiễn cướp ngôi được một năm, trong ấy có xưng là Tĩnh Hải Tiết độ Sứ không? Sách không chép rõ, chỉ thấy chép là thay Diên Nghệ.

Đến tháng 9 năm thứ 3, hiệu Thiên Phúc nhà Tấn (938) Ngô Quyền cũng là một nha tướng và là con rể của Diên Nghệ, khởi binh đánh Công Tiễn, giết được Tiễn. Ngô Quyền là người làng Đường Lâm (Châu Phong), đổi đổi là quý tộc, cha là Ngô Mân làm chức mục châu Minh (tức châu Phong Nghệ), gả con gái cho, và sai giữ châu Ai, đến khi nghe Diên Nghệ bị giết, đem quân từ châu Ai ra dẹp phục thù (vì thế An Nam Kỳ Yếu chép là người châu Ai).

Khi Ngô Quyền đem quân vây phủ thành, Công Tiễn sức kém, sai người đem của đất dâng cho chúa Nam Hán đem quân đánh giúp. Nam Hán cũng muốn thừa cơ ta loạn sang cướp, mới sai con là Hoàng Tháo, người yên tước Vạn Vương, phong làm Giao Vương, đem quân cứu Công Tiễn (đây theo Khâm Định tiền biên, q.5 tờ 18b và Việt Kiều Thư, q.4 tờ 19a, thì chép Lưu Cung phong Hoàng Tháo làm Giao Vương, còn Sử Ký tiền biên, q.7 tờ 3b và Sử Ký toàn thư, q.5 tờ 19a, thì lại chép: Lưu Cung cho Hoàng Tháo làm Tĩnh Hải quân tiết độ sứ và đổi phong làm Giao Vương, nguyên tước Vạn Vương, (An Nam chí nguyên, q.5 tr.181 lại chép: Cung cho con là Hoàng Tháo làm Giao Châu tiết độ sứ).

Lưu Cung sai con đi trước, tự mình là tướng đóng đồn Hải Môn để làm thanh viện. Cung có hơi mệt kể ở Tiên Ich, Ich nói rằng: "Nay mưa dầm dãi lâu, đường bề hiên trở xa xôi, Ngô Quyền là người kiệt liệt, chớ nên khinh thường đại quân phải nên tri trọng, phải dùng nhiều quân hướng đạo rồi mới nên tiến quân". Lưu Cung không nghe sai Hoàng Tháo đem thuyền quân từ cửa sông Bạch Đằng tiến vào.

Lúc bấy giờ Ngô Quyền đã giết Công Tiễn,

nghe quân Hoàng Tháo đến bảo tướng tá rằng: "Hoàng Tháo là một thắng đại (xinhi đem quân từ đường, xa đến, quân sĩ dù mệt, lại nghe Công Tiễn chết, không có ngờ, nội ứng, cái khí mạnh đã mất rồi, quân ta có thể lấy sức thông thả để đợi quân mỏi mệt, chắc là phá được. Nhưng quân họ giỏi về đánh dưới thuyền nếu mình không phòng bị trước, thì cái tình hình được thua chưa thể biết được. Nên sai người đến trước Hải Môn, ngâm đóng những cọc lớn, vót nhọn đầu bịt sắt, thuyền quân của họ theo nước thủy trào lên, vào trong chỗ đóng cọc, sau mới dễ trị, không có kẻ gì hơn thế". Nói rồi, liền sai đóng cọc ở hai bên sông, nhân khi nước thủy trào lên, Ngô Quyền sai người đem thuyền khiêu chiến, giả cách thua, Hoàng Tháo quả nhiên đem hết quân đuổi theo. Thuyền quân Nam Hán theo thủy trào ập vào, Ngô Quyền mới đem quân đến đánh, thủy trào rút xuống rất mau, thuyền quân đều mắc cạn cọc ụp hết, trong khi hoảng hốt, quân sĩ chết đuối quá nửa, Ngô Quyền thừa thế bắt được Hoàng Tháo giết chết. Lưu Cung thương khóc, rồi thu nhặt những quân sống sót đem về. (Sử Ký tiền biên, quyển 7 tờ 4a và 4b).

Thế là Ngô Quyền đánh được quân Nam Hán, không chịu nhận chức tiết độ sứ của Tàu. Mãi đến năm Quý Dậu (937), là năm thứ 4 hiệu Thái Bình, Đinh Tiên Hoàng nhất thống nước Nam vẫn chịu vua Tống phong cho làm Giao Chỉ quận vương, và con là Đinh Liễn chức Kiểm hiệu thái sư Tĩnh Hải quân tiết độ sứ An Nam đô hộ.

Năm Bình Tuất (986) hiệu Thiên Phúc thứ 7, nhà Tống phong Lê Hoàn làm Kim tử quang lộc đại phu, kiêm hiệu thái úy, An Nam đô hộ, Tĩnh Hải quân, tiết độ sứ, Kinh triệu quân khai quốc hầu. Năm Đinh Mùi (1007) hiệu Ứng thiên thứ 14 vua Tống phong Lê Ngoại Triều làm Giao Chỉ quận vương, Lĩnh Tĩnh Hải quân tiết độ sứ.

Năm Canh Tuất (1010) hiệu Thuận Thiên thứ 1 phong Lý Công Uẩn làm Giao Chỉ quận vương, Lĩnh Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ. Từ đây trở đi không dùng Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ nữa.

Đến đời Lý Thái Tông, Thánh Tông, Nhân Tông, Thần Tông, vua Tùy đều phong vua ta là vua Giao Chỉ quận vương, rồi gia phong làm Nam

Bình Vương. Năm Giáp Thân (1164) hiệu Chính Long, bảo ứng thứ 2, mới chịu gọi nước ta là nước, phong vua ta làm "An Nam quốc vương".

Thế là chữ Tĩnh Hải quân cũng như chữ An Nam quốc, chữ tiết độ sứ cũng như chữ quốc vương.

(còn tiếp)

tiếp theo trang 14

lộ, dân phu làm công mỗi ngày có đến ngàn người. Ở những mỏ than mỏ vàng đang khai thác, ở những xưởng nấu xưởng sắt được tạo lập, nhân công dân ta làm việc đến nỗi sống qua qua lại lại đông đảo như mả cửi.

Về thương mại thì Hà Nội, Hải Phòng lãnh đạo đô hội, mà Đà Nẵng ở Trung Kỳ, Chợ Lớn ở Nam Kỳ lại là những trung tâm điếm về mậu dịch.

Công nghệ được chấn hưng, thương mại được kết tập thì cái tệ bán con phải bị tiêu trừ.

Nước Nam ta nếu phá bỏ được cái óc cũ kỹ ngày xưa, mở rộng môn học về công nghệ và thương mại, hợp đoàn thể để dựng công nghệ hùn vốn hùn công phần để thông việc thương mại thì đường lối làm cho nước nhà được giàu mạnh là ở đó.

Đó là điều trông mong vào chính sách thực dân vậy.

(còn tiếp)



TRUYỆN HÙNG ĐẠO VƯƠNG



Lê Văn Phúc và Phan Kế Bính soạn. In lần thứ nhất tại Đông Kinh ấn quán Hà Nội năm 1914.

Học giả Mặc Khách sưu lục

HỒI THỨ MƯỜI LĂM

Sông Bạch Đằng kinh nghệ tiết giống
Cõi Hồng Lạc non nước thanh bình

Hùng Đạo vương thấy Thoát Hoan cố giữ hai trại không ra, mới tâu với vua rằng:

- Thoát Hoan nay đã cô thế, giữ vững trong trại, cố ý muốn chờ viện binh. Ta nên sai chặn hết các đường Tàu sang, không cho quân viện kéo đến. Thoát Hoan mất đường ngoại viện, ở đây thì lương thảo gần hết. Và lại trời đang thẳng ba, sắp đến mùa nóng nực, quân Nguyên không chịu được, tất phải rút về, ta nhân dịp này tiến binh, chắc là trừ hết nghịch tặc.

Vua cả mừng nói rằng:

- Đại vương nói phải!

Khi ấy Hoài văn hầu Quốc Toàn tử Nghệ An cũng đã dẫn quân ra, Hùng Đạo Vương liền sai Trần Quốc Toàn tiếp quân lên giữ mặt Lạng Sơn. Một mặt sai hai vị vương tử là Quốc Nghiễn, Quốc Tăng dẫn quân lên đóng chặn núi Kì Cấp và núi Nữ Nhi (thuộc về Lạng Sơn) để phòng giữ quân viện của Nguyên kéo sang. Một mặt sai Phạm Ngũ Lão dẫn bọn Cao Mang, Đại Hành đến phá trại Chí Linh. Ngô Chế Nghĩa dẫn bọn Hùng Thắng, Huyền Dục đến phá Trại Phả Lại. Ngài thì thống lĩnh đại quân tiếp ứng. Còn để hai vị vương tử là Quốc Uy, Quốc Nghê, Tham tán là Phạm Ngộ,

Phạm Mãi ở lại hộ giá và giữ trại nhà.

Thoát Hoan muốn cho người về Tàu cầu viện và tiếp lương, nhưng nghe thấy Hùng Đạo vương giữ chặn hết các đường, trong bụng buồn rầu, lui tới hai đường cùng khó, mới hội các tướng lại hỏi rằng:

- Quân ta giữ mãi ở đây không tiện, lương thì sắp cạn, muốn cho người về cầu cứu thì nghẽn mất đường rồi; muốn tiến binh đánh thì quân mình thua mãi, không còn bụng nào muốn đánh, các người nghĩ thế nào bây giờ? A Bất Xích nói rằng:

- Quân ta nay đã yếu thế, dù muốn đánh cũng khó đương được với quân Trần. Ta tiếng là thủ hiểm ở hai trại núi này, nhưng ở đây thành trì đã không có, kho tàng lại cạn cả. Và đang lúc hết xuân sang hạ, khí gì ở nóng nực, quân ta cũng không chịu được; mà các nơi hiểm yếu khi trước ta chiếm được cũng đã mất cả. Chi bằng hãy tạm rút quân về nước, rồi sẽ liệu kế khác.

Thoát Hoan nghe lời, còn đang phân vân chưa quyết, sức cố tin bảo rằng có hai đạo quân kéo đến. Thoát Hoan vội vàng sai Ô Mã Nhi, Trình Bàng Phi chia quân làm hai ngã ra địch. Hai tướng vừa ra khỏi trại vài ba dặm, thì gặp quân kéo đến. Đội bên này trận đánh nhau, quân Nguyên thua to, lại rút về trại.

Hùng Đạo vương thúc các tướng tiến thẳng đến phá trại. Thoát Hoan chia quân giữ vững hai trại, quan quân phá luôn ba ngày không vỡ.

Hùng Đạo vương mới truyền lệnh cho các tướng lui quân cách trại Nguyên ba dặm.

trại đóng quân. Còn ngài thì đem đại quân lui về đóng tại làng A Sào huyện Phụng Dục (sau đổi làm Phụng Phụng, sau nữa lại đổi làm Phụng Dục, thuộc tỉnh Thái Bình), đó là nơi chứa lương thảo cực nhiều.

Thoát Hoan giữ được nửa tháng, nghe thế đã núng lẫm, muốn rút quân về Tàu: Định sai Ô Mã Nhi, Phần Tiếp dẫn thủy quân theo dòng sông Bạch Đằng (thuộc huyện Thủy Nguyên tỉnh Kiến An) về trước. Còn mặt bộ thì sai Trình Bàng Phi, Trương Quân dẫn binh đi chặn hậu; mình thì đem các tướng đi giữa, định vài hôm nữa thì về.

Hưng Đạo vương biết mưu ấy, truyền hịch cho các tướng rằng:

- Quân Nguyên không mấy bữa nữa thì rút về Tàu, thủy quân tất kéo về trước. Nguyên Khoái, người nên dẫn quân lên qua đước tắt lên mé thượng lưu sông Bạch Đằng, kiếm gỗ đẽo nhọn đóng khắp giữa dòng sông, khi nước thủy triều tràn lên, hề thấy thuyền giặc đi qua, thì người dẫn quân kéo thuyền ra khiêu chiến, dủ cho thuyền giặc quachỗ đóng cọc, nhân lúc nước thủy triều xuống, thì quay binh lại hết sức mà đánh, chắc là bắt hết được quân Nguyên.

Nguyên Khoái vâng lệnh dẫn quân đi. Lại truyền cho Phạm Ngũ Lão, Nguyên Chê Nghĩa rằng:

- Hai người nên dẫn quân phục sẵn ở ả i Nội Bàng (Thuộc Lạng Sơn), quân Nguyên tất chạy qua đây để về Tàu. Khi nào đi qua, thì đổ ra mà đánh.

Hai tướng phụng lệnh dẫn quân đi. Hưng Đạo vương sai các tướng đi đâu đây, còn ngài thì sắp sửa dẫn bộ t ở ng tiến quân lên phá trại giặc, sức nghe tin báo rằng: Ô Mã Nhi đã kéo quân về đến Bạch Đằng.

Hưng Đạo vương nổi giận, hô quân sĩ, t r ở sông Hóa giang (Cạnh làng A Sào) mà thề rằng - Trận này không phá xong giặc Nguyên, thì thế không về đến sông này nữa!

Quân sĩ dạ rầm trời. Ngài vội nhảy lên voi thúc quân kéo tắt ngang sông, qua H ả i Đương ra Bạch Đằng. Khi tới bờ sông H ó a Giang, thì nước của bể Thái Bình xuống kiệt lẫm, mà lòng sông thì những bùn lầy; h ết thấy nam, phụ, lão ấu gần đó, chạnh nhau đem rơm, đem ván ra độn để lấy lối voi đi, nhữg con voi của ngài to quá, khỏe quá, lúc đ i tới lòng sông, không may sa lầy, khiêng m ấi không lên được; ngài phải chịu bỏ voi ở đây kéo quân đi bộ. Lúc ngài đi, con voi c ứ

trông theo ứ nước mắt ra, ngài ngảnh lại không nín được, cũng chảy nước mắt ra, nhữg ngài phải nói trấn áp rằng:

- Ta thương là thương con voi trung với nước và có nghĩa với ta, chớ không phải sợ là diêm bất tướng đâu. H ế đũa nào nồn nao thì trông thanh thần kiếm ta này.

Quân sĩ dạ, đều xin quyết chiến, kéo m ộ t mạch đến sông Bạch Đằng.

Khi ấy, Ô Mã Nhi, Phần Tiếp theo dòng sông Bạch Đằng, vừa đi được vài dặm thủy trình bỗng thấy trống nổi thùng thùng, c ộ t tướng dẫn chiến thuyền đến đánh. Ô Mã Nhi tức giận thúc quân vào đánh. Nguyên Khoái liền quay thuyền chạy. B ấi giờ đang l ứ c thủy triều lên, mặt nước mênh mông, Ô Mã Nhi vô tình, thấy bên này chạy, cứ việc t h ức thuyền đuổi theo. Nguyên Khoái dủ cho đ i khỏi xa chỗ đóng cọc, rồi mới quay thuyền thả binh đánh vật lại. Quân Ô Mã Nhi đánh cũng h ẫng, may có đại quân của Hưng Đ ả o vương tiếp đến. Ô Mã Nhi, Phần Tiếp t h ấi quan quân to thế l ẫm, mới quay thuyền chạy về. Khi về đến khúc sông đóng cọc, n ứ ở c thủy triều đã rút, thuyền Nguyên vướng mắc phải cọc, đổ nghiêng đổ ng ẫ, d ẫm vỡ r ấ t nhiều. Quan quân thừa thắng đánh cực h ẫng quân Nguyên chết như r ả, máu loang đ ộ c ả khúc sông; còn bị bắt sống cũng nhiều. Đ ộ Hành bắt sống được Ô Mã Nhi và hai t ứợg là Tích Lệ, Cơ Ngọc. Phần Tiếp thì bị Ng. Khoái tóm được, và cướp được hơn 400 chiếc thuyền.

Khi khai hoàn về qua Hóa Giang, thì nước thủy triều lên to, voi chìm mất đã lâu, ngài mới sai xây một con voi gạch ở bên sông để kỷ công (Voi gạch bây giờ h ấi còn có xây b ệ thờ. Đến làng A Sào vẫn truyền là chôn quân dinh. Các nhà nho vẫn còn gọi Hóa Giang là Tượng chử - Bến Voi - Phụng Dục là Phụng Thành).

Vậy có thơ kỷ niệm rằng:

Thành Phụng ba quân bay thẳng gió,
Bến Voi giọt lệ túa ngang sông.
Nước cờ thí tượng còn như vẽ,
Mấy cuộc tang thương viếng bể Đông.

Thoát Hoan nghe tin quân thủy vỡ rồi, dẫn bọn Trình Bàng Phi, A Bất Xích, Áo Lô Xích Trương Quân, Trương Ngọc chạy riết đường bộ, về ả i Nội Bàng, bỗng gặp phải quân phục của Phạm Ngũ Lão, Nguyên Chê Nghĩa đổ r ả đánh. Các tướng Nguyên hết sức giữ g i n Thoát Hoan, vừa đánh vừa chạy. Trương Quân

dẫn 3000 quân đi đoạn hậu, liêu chết lẫn xả vào đánh, bị Phạm Ngũ Lão chém chết. Thoát Hoan chạy thoát được ra khỏi cửa ải, quân sĩ mười phần, tổn hại mất 5, 6 phần. Thoát Hoan nghĩ mình danh diệ n tướng tá thì nhiều, mà đến nỗi thualiền xiếng thế này, trong bụng sâu não biết là ngàn nào. Các tướng kẻ thì bị thương, n g ữ thì phải đấu, khi bước chân đi, hùng dũng làm sao, khi phách làm sao, nay thì người nào người này mặt mũi tiu nghỉu. Quân sĩ thì lác đác còn 5, 3 vạn, mà phần nhiều là người bị thương. Khi giới cái thì gãy, cái thì mẻ, cờ tán rách rưới, giáp trụ tối tàn, trông ra rất là tiêu tụy.

Thoát Hoan, trông thấy quang cảnh làm vậy ứa nước mắt, bảo với các tướng rằng:

- Ta từ khi theo hoàng phụ đánh đông dẹp bắc, chưa khi nào thảm nhục đến thế này! Đang khi buồn rầu, bỗng lại có điệp văn chạy về báo rằng:

- Tự cửa ải Nữ Nhi đến mãi núi Kỳ Cấp, hơn 100 dặm đường đất, chỗ nào cũng c ó đồn ải, chặn hết cả đường quân ta kéo về. Quân Nguyên nghe tin ấy, ai này không còn có máu mặt.

Thoát Hoan bảo với các tướng rằng:

- Quân ta đã đến đường đất này, ở đây c ã chết, mà về cũng khô, thôi thì phải liêu đánh một phen nữa, may ra về thoát được chăng?

Các tướng ngơ ngác trông nhau, rồi n ó i rằng:

- Quân ta phần nhiều là quân bị thương, còn người nào không thì cũng đã mệtnhọc cả rồi, còn đánh làm sao cho được.

Các tướng vừa phân nần vừa kéo quân đi, sực lại nghe thấy mé sau, tiếng reo âm ầm quân đuổi theo đã sắp kéo đến, Thoát Hoan vội vàng sai A Bất Xích, Trương Ngọc dẫn quân đi trước mở đường; Áo Lô Xích đi đoạn hậu, còn mình thì dẫn các tướng đi giữa.

A Bất Xích, Trương Ngọc đi trước, gặp phải quan quân chặn đứng, hết sức ra đánh. Quan quân đứng đôi bên sườn núi, bắn tên thuốc độc xuống như mưa, A bất Xích, Tr ữ Ngọc cùng bị tử trận, quân sĩ chết như rạ thấy năm ngón ngang từng đống; duy c ó n bọn Trình Bằng Phi, hết sức giữ gìn Thoát Hoan, chạy ra Đan Kỳ, qua Lộc Châu, rồi đi lên con đường tắt về châu Tư Minh.

Áo Lô Xích đi sau cùng thoát, mới n h ặt nhanh tàn quân theo cả Thoát Hoan về Yên Kinh.

Hùng Đạo vương chuyển nầy thực là trừ hết quân Mông Cổ, mới hội các tướng, dẫn q u ân rước xa giá Thượng hoàng, cùng vua về cung Khi về đến Long Hưng, Thượng hoàng cùng vua làm lễ vào bài yết Chiêu Lăng, rồi đem bọn tướng Nguyên bắt được là Ô Mã Nhi, P h à n Tiếp, Tích Lệ, Cơ Ngọc, dâng nộp tại t r ước Lăng tiên đế.

Khi ấy vua trông thấy lăng tẩm khắc xưa, những con ngựa đá ở trước lăng con n à o chân cũng dính bùn, vua nghĩ rằng trong khi chinh chiến, tiên đế anh linh, để thương c ố cõi ngựa đi giúp. Vua thấy thế cảm tình, vịnh hai câu thơ rằng:

*Xã tắc hai phen bon ngựa đá,
Non sông thiên cổ vững âu vàng.*

Tế lễ đâu đây, Hùng Đạo vương rước xa giá về Thăng Long. Vua trông thấy non sông lại yên bình như cũ, mừng rỡ vô cùng, bảo Hùng Đạo vương rằng:

- Nhà nước ta mấy phen nguy mà lại yên, toàn nhờ sức của Đại vương cả.

Hùng Đạo vương tâu rằng:

- Thần đâu dám nhận công ấy, đó là nhờ hồng phúc của nhà vua, cùng các tướng hết lòng ra sức, như thần thì có tại gì?

Vua sai mở tiệc khao thưởng tướng sĩ, cho dân sự mở hội vui về ba ngày, gọi là Thái bình diên yên.

Nói về Thoát Hoan thu quân về Yên Kinh vào châu Nguyên chúa, thuật lại tình hình bại trận. Nguyên chúa nổi giận đùng đùng, muốn lại cất quân sang đánh báo thù phen nữa. Các quan can rằng:

- Nam, bắc chia cõi, xưa nay đã định tự số trời. Và lại bên An Nam vua tôi đồng lòng, cha con một bụng, lại cô Hùng Đạo v ứ ng giới việc dùng binh, mưu cơ biến hóa n h ứ thần, dù đến Tôn, Ngô sống lại, Tư Mã p h ục sinh, cũng không chắc đánh nổi. Vì thế quân ta đã ba phen vượt qua cửa ải, mà lại thua lại bại. Chi bằng nghĩ việc dùng binh, thông đường hòa hiếu, để dưỡng sức muôn dân.

Nguyên chúa nghe dụ tai mới thôi.

Vua Nhân Tôn cũng nghĩ rằng mình tuy thắng được quân Nguyên ba phen, nhưng nước mình vẫn là một nước nhỏ, không thể hơi sức nào mà địch mãi với Nguyên triều được. Vì thế ngài muốn giảng hòa với Nguyên, mới sai em Đổ Khắc Chung là Đổ Thiên Hứ sang sứ, xin theo lệ công hiến như xưa.

Nguyên chúa biết cơ cũng chưa làm gì nổi,

vậy cũng nghe lời cho thông hòa.

Tháng hai mùa xuân năm Kỷ Sửu là niên hiệu Trưng Hưng thứ năm. (Niên hiệu Chí nguyên nhà Nguyên thứ 26, lịch Tây 1289) Vua đã thông hòa với Nguyên, mới sai Tông Nghĩa Lang là Nguyễn Thịnh đưa bọn tướng Nguyên bị bắt là Tích Lệ, Cơ Ngọc về Tàu trước, Phần Tiếp vì lo thành bịnh chết, sai đem hỏa táng, rồi cấp ngựa cho vợ con Phần Tiếp, cho đem hải cốt chôn về nước. Những các đầu mục cũng tha cho về cả. Duy có Ô Mã Nhi giết hại nhiều người vua căm tức vô cùng, không muốn tha về, nhưng lại ngại đường hỏa hiếu, mới hỏi Hưng Đạo vương, xem xử cách gì cho giết được Ô Mã Nhi, mà Nguyên triều không trách được.

Hưng Đạo vương tâu rằng:

- Bệ hạ muốn giết Ô Mã Nhi, mà Nguyên chúa cũng không thể trách được, thì chỉ sai vài người thủy phủ tải tội, đưa thuyền Ô Mã Nhi về, khi thuyền ra đến bể, thì đục thuyền đánh đắm đi, rồi cho người sà ng nói với Nguyên chúa rằng vì thuyền đắm mà chết, thì Nguyên chúa cũng không trách vào đâu được.

Vua nghe kế ấy, sai Nội thư gia là Hoàng tá Thôn đưa Ô Mã Nhi về nước, ra đến bể thì thuyền đắm, Ô Mã Nhi chết đuối dưới bể.

Hoàng tá Thôn lên được, đi thẳng đến Yên Kinh, vào tâu với Nguyên chúa rằng:

- Tội phụng mệnh đưa Tham chính về nước, chẳng may đi bể, gặp phải phong ba đắm mất thuyền, Tham chính to lớn lắm, chúng tôi vớt không nổi, cho nên chết đuối.

Nguyên chúa tưởng là sự thực, cũng không tra hỏi gì nữa. Sai đề hình là Lưu Đình Trục, Lễ bộ Thị lang là Lý tư Diễn đem chiếu chỉ sang tuyên phong. Vua sai Hưng Đạo vương khoản tiếp bọn đình Trục, lưu ở lại 10 ngày, tình ý đôi bên hoan hỉ lắm. Bọn đình Trục từ về, Vua liền sai Đàm Minh đem đồ lễ vật sang cống hiến bên Nguyên. Từ đó Nam, Bắc lại thông hòa như trước.

Đó là:

*Can qua tranh chiến vừa xong cuộc,
Ngọc bạch giao thông lại giảng hòa.*

Chưa biết còn những truyện gì, xem hồ i sau phân giải.

Vịnh LIÊN HOA

*Đâm xa thấp thoáng bóng hoa sen
Như đục lòng ta tới cửa Thiên
Ngan ngát búp xanh dòng nước gợn
Dịu dàng cánh trắng tỏa hương lên
Thu sang nhị kết dài gương ngọc
Đông tới cành khô lá ú huyên
Sanh chốn bùn lầy không nhuộm tục
Danh hoa quân tử hạnh thần tiên*

Mai nở cửa Thiên

*Thiên môn ngan ngát cánh hoa mai
Cốt cách thanh kỳ dưới nguyệt soi
Nguyên Đán dâng hương ngoài Phật điện
Thanh Minh kết lá trước tiên đài
Mơ hoa Triệu Khách (1) tình vợ vẫn
Ngắm cảnh Thi nhân tú lảng lai
Gốc tựa Thiên môn cao tiết thảo
Đẹp thanh muôn nụ đón xuân khai*

● CHUNG ANH

(1) Triệu Hùng Sư đời Đường say rượu ngủ dưới gốc mai thấy Tiên Cô mặt áo trắng

Ngày xuất gia

*Vì TA nên xã thân này
Vì TA là khắp muôn loài chúng sinh
Vòng quanh trong cõi vô minh
Hằng sa số kiếp tử sinh đau nề!
Ngày ta cắt tóc quy y
Trời tuôn nước mắt, đất thể chờ che
Lòng ta mở Hội Bồ Đề
Thỉnh mười phương Phật xin về chúng trí
Tư dây cắt đứt ham mê
Tóc xanh rụng xuống, A Tỳ nở hoa!*

Ngày xuống núi

Tặng HY MÃ LẬP SƠN

*Ngày ta từ già núi rừng
Suối than rã rít, thông ngừng reo vui
Gió mây quán quít ngậm ngùi
Ngoài xa đỉnh tuyết sục sùi mưa ngâu
Lòng ta như lá mùa thu
Nửa còn lưu luyến, nửa chờ chia tay
Giã chùa, giã bạn, giã Thầy
Giã am thiền, với bao ngày hân hoan
Bước chân ngàn ngại về trần
Lòng sao lòng vẫn lân lân cõi Thiên.*

● NI CÔ THỊ NGUYỄN

HÀO TỬ và TIỂU TƯỢNG

NẠI SƠN sao lục

(tiếp theo)

1.- SƠ CỬU, ĐỒNG NHÂN VU MÔN.

Sơ cửu, là hào ở dưới ở đầu hết về thời đổng nhân, là một người mới bắt đầu ra đời, ở trong lòng vẫn trong sạch, trong mắt chưa có bóng dáng dính với ai, là vì có đức dương cương, nên bắt đầu ra làm việc đổng nhân có đức lượng khoan hồng hợp với công đạo đổng với người mà đổng một cách chỉ công. Nên nó nói rằng: Đổng nhân vu môn.

Vu môn nghĩa là ra ngoài cửa.

Đổng nhân mà được chỉ công chỉ đại như thế thời còn ai trách lỗi mình được.

Đổng nhân mà ra ngoài cửa mà đổng, rang ngoài đổng mà đổng, không đổng với người trong một nhà, nghĩa là chẳng phải đổng với người thân, đầu người trong một nước, trong một sắc tộc nào cũng đổng được cả. Đổng như thế mới là rộng lớn, chẳng mắc vào cái tẻ thiên tư, chật hẹp, nên gọi là Vô Cửu.

TIỂU TƯỢNG, Xuất môn đổng nhân

Hữu thủy cửu dã

Ta với người vẫn thông đổng với nhau, sống sanh ra hạn cách, là vì có cửa, mới sinh ra giới hạn kẻ trong người ngoài, nếu ở trong cửa mà nói đổng nhân, thời ai tin mình. Bấy giờ ra khỏi ngoài cửa mà nói đổng nhân, thời cái Sơ đổng đó không phạm vì khế giới hạn, đã đổng được rộng lớn như thế, lại còn ai trách lỗi mình được nữa.

2.- LỤC NHỊ, ĐỒNG NHÂN VU TÔNG, LÃN.

Hào lục cam ở vị nhị tuy đắc trung chính, nhưng ở vào thời đổng nhân, thời cốt trọng nghĩa đại đổng, mà lục nhị này có ứng riêng với Cửu ngũ, một âm một dương riu rít với nhau, thành ra cái cách đổng chật hẹp lắm; tượng như đổng nhân mà chỉ đổng với người trong họ mình mà thôi, nên nói rằng: Đổng

nhân vu tông, lãn.

Đổng mà chỉ đổng trong hệ thống mình là trại hẳn nghĩa đổng, thiết là đang xấu hổ. TIỂU TƯỢNG: Đổng nhân vu tông, lãn đạo đã đổng mà chỉ đổng với người tông phái mình đổng mà chật hẹp như thế, thật là một lối đang xấu hổ vậy.

Phụ chú: Theo về thế tuyên quẻ thời đức Văn Vương phát minh nghĩa đại đổng, nên lời quẻ nói rằng: ĐỒNG NHÂN VU DẠ HẠNH.

Dạ nghĩa là rộng lớn chỉ cực. Đến đổng nghĩa từng hào, thời Chu Công cốt răn những người làm cách tiểu đổng, nên lời hào nói rằng: Đổng nhân vu tông, lãn. Tông hẹp chỉ cực. Rộng chỉ cực, thời được chữ Hạnh; hẹp chỉ cực, thời mắc chữ Lãn.

Nghĩa quẻ, nghĩa hào đáp đối phát minh cho nhau chúng ta học Dịch phải nhận kỹ cả hai bên.

3.- CỬU TAM, PHỤC, NHUNG VU MẠNG, THẮNG KỶ CAO LĂNG, TAM TUẾ BẤT HÙNG.

Hào cửu, vị tam là dương hào cứ dương vị, mà vị tam lại bất đắc trung, tượng như một người cường bạo; nhưng ở về thời đổng nhân vì phong trào lửa đây, ai cũng muốn được đổng với người là thích, ở trong quẻ chỉ có một hào nhị là hào âm, mấy hào dương kia rất là muốn đổng với nhị, nhưng nhị là người đàn bà trung chính, đã ứng với người rồi.

Cửu tam, người đàn ông cường cường lại ở chen vào khoảng gần nhị, muốn cướp nhị để dặt vào tay mình, nhưng vì lý đã khuất mà thế lực cũng thua, nên chẳng dám ra mặt thắng tay, chỉ muốn đổng một cách rình lén tượng như nấp đầu đồ binh khí ở rừng. (Nhưng đồ binh khí - Mạng là rừng - Phục là rình núp).

Nấp dấu đồ binh khí ở rừng là ý muốn đánh cướp hào Nhị nhưng tam tự biết mình yếu thế, nên phải sợ hãi rút rỏ, thấp thoáng lại đứng lên gỗ cao, nấp rình trông ngóng tình hình Nhị, chờ có dịp gì hay không, tuy nhiên lẽ trong thiên hạ tà bất thắng chính, Tam tuy rình lên đến 3 năm, kết quả chẳng phát được đồng.

Cao lẳng: Còn cao; hào tam đứng trên nội quái, tượng là còn cao, vì thế lực của hắng địch nổi Ngũ, địa vị lại thua lục nhị, nên chỉ núp quân mà chẳng dám dậy. (Hưng: dậy Phục: nấp)

Phụ chú: Hào tứ này miêu tả tình trạng đứa tiểu nhân thiệt rất đúng. Muốn tranh người mà lại lo sức mình địch chẳng nổi. Biết sức mình địch chẳng nổi, nhưng vẫn cứ lo rình cướp người, một giống sâu mọt ở thời đồng nhân chính như bọn Cửu Tam. Ở trong que đồng nhân mà có hào tứ này, chúng ta nên biết rằng: làm đồng nhân thiệt là khổ.

TIỂU TƯỢNG: Phục hung vu mạng, địch cướp đã

Tam tuế bất hưng, an hành đã Cửu tam phục hung vu mạng là muốn kinh địch với dương cương là Ngũ vậy. Tam muốn cướp Nhị, nhưng vì Nhị, chỉ vì thế lực Ngũ quá mạnh, nghĩa là lý Nhị quá chính, Tam phải lùi thối rút rỏ, đến nỗi tam tuế bất hưng, thối thì hành động được cách gì nữa. Lối hào này là thánh nhân mắng bọn tiểu nhân, mà cũng may cho nó biết kiêng sợ, nên hào tứ không có chữ Hung (xấu).

4.- CỬU TỬ THƯỜNG KỶ DUNG, BẤT KHẮC CÔNG, CÁT.

Hào cửu tử là dương cương và lại ở vị bất trung chính, ở về thời đồng nhân, tử cũng muốn đồng với Nhị mà ghen với Ngũ, nên tình hình cửu tam, toan lẳng áp cửu tam mà cướp lấy Nhị, tượng là thường kỷ dung (Thường là cõi, Dung, bức tướng).

Hào tam cách khoảng giữa Nhị với Tứ, tượng là bức tướng, nếu Tứ mà thực hành lý tướng ấy, là đi tà phạm chính, kết quả cũng như Cửu Tam, còn tốt gì nữa. May thay! Cửu tuy thế cương, mà Tứ là chất Nhu, vì dưng ở ng cương pha vào nhu thuận nên biết hồi đầu nghĩ lại, tự biết mình là bất lực không thể áp được Tam mà công được Nhị. Biết được như thế là phục tùng công lý mà chẳng mắc cái họa băng tư tình; một người biết cái quá như thế, nên chẳng điều lành gì lố hơn vậy. Nên hào tứ được chữ Cát (Tốt).

TIỂU TƯỢNG: THƯỜNG KỶ DUNG, NGHĨA, PHÁT KHẮC ĐÃ KỶ CÁT, TÁC KHÔN NHỊ PHÂN TÁC DÃ.

Tứ đã thường kỷ dung, vẫn có thể công được vì sao mà phát công? Là vì khuất phục với nghĩa chính mà đành chịu phát khắc vậy, thế vẫn đánh được, vì nghĩa mà chịu thua, là một người hiểu đạo lý, biết thời vụ, nên kết quả được Cát. Sở dĩ được Cát, là vì khôn khéo mà quay trở lại đường thiên lý vậy.

Phụ chú: Tình hình Cửu Tam, Cửu Tử giống nhau, Tam cận với Nhị mà tranh Nhị, Tứ cận với Tam mà tranh Nhị, hai hào thầy cổ tở tướng xấu, nhưng vì Tứ thời mới phát sinh tứ tướng, mà chưa thực hiện rõ được sự thực chí (Thường kỷ dung) mà thôi, còn Cửu Tam thời đã (phục hung vu mạng) là sự thực đã phát hiện, nên hào Tam thời rằng: Tam tuế bất hưng, mà ở hào Tứ thời nói rằng: phát khắc công, không làm nên chuyện gì.

5.- CỬU NGŨ, ĐỒNG NHẬN, TIÊN HÀO ĐÀO NHỊ HẬU TIỂU ĐẠI SỰ KHẮC TƯỚNG NGŨ.

Cửu Ngũ dương cương trung chính, mà kẻ chính ứng với Ngũ tất là lục Nhị cũng âm nhu trung chính, Trung chính với trng chính gặp nhau, tâm đồng đức đồng, ở vào thời độ nhận như hai người ấy chắc đồng được tốt lắm. Nhưng vì giữa khoảng Nhị với Ngũ có hai hào dương là Tam Tứ, chúng nó thấy Nhị âm như toan muốn cương ép để đồng với Nhị Nhân vì hiểm với Ngũ, nên chẳng khờ giống đem pha, chê bai. Ngũ vì thế mà chưa được đồng với Nhị ngay, thấy bạn đồng tâm mình mà ghen vì hoàn cảnh, nên lúc trước vẫn cũng có than thở kêu rêu. Nhưng vì nghĩa lý đành đồ được hoàn cảnh, bọn Tam Tứ kết quả phải chịu thua. Nhị Ngũ kết quả cũng hội hợp được với nhau, gặp nhau mà cứ đi nói vui vẻ (Hào đảo nghĩa là: kêu rêu). Tà bất thắng chính, tuy đành như thế, nhưng mà Tam Tứ hai hào dương cương, đồng ác tương tặc, mà lục Nhị thời âm nhu sức chẳng địch nổi được họ, nên Cửu Ngũ muốn cứu viện Nhị tất phải dùng đến sức quân mới có thể ngộ hợp được.

Phụ chú: Hào tứ Cửu Ngũ này thánh nhân chỉ mượn hai hào Nhị Ngũ, nói đến sự tương đồng khó khăn như thế, để tỏ rõ được việc đồng nhân chẳng phải dung dị. Xưa nay người đời thiện thưởng ít, mà ác thưởng nhiều, cảnh đời thuận thưởng ít mà nghịch thưởng nhiều, nên bao giờ hòa bình

cũng trải qua vô số chiến tranh, tạo phúc cũng thường phải diệt khổ, tức như; hào Ngũ hào Nhị thấy trung chính, Chính ứng với nhau cũng còn cay co khôn nạn.

TÍEU TƯỢNG:

Đồng nhân chi tiên, dĩ trung trực dã Đại Sư tương ngộ ngôn tương khắc dã Đồng nhân đấng, lẽ là việc rất thuận dị, vì cơ sao trước phải hào đào? Chỉ vì Cửu Ngũ tự xét trong lòng minh văn lý trực, mà bị cách với Tam Tứ nhị dương, nên chưa gặp Nhị, đó là một việc bất bình Hệ tình người chẳng được bằng an thời sanh kêu khổ nào (Hào đào là kêu rêu khổ).

6.- THƯỢNG CỬU, ĐỒNG NHÂN VU GIAO, VÔ HỒI.

Giao nghĩa là đằm đất ngoài quốc đố. Trên soạn tử, nói rằng: Đồng nhân vu dạ, giao mà so với dạ hầy còn hẹp, mà so với môn với Tông thời đã rộng nhiều. Trong cửu ở ngoài quái chi chung, chính là vị ở ngoài mà xa Đồng nhân đã rộng được như thế, cũng chẳng kể bằng chật hẹp, nhưng còn ở trong quái, chưa phải là không phạm vi, không giới hạn, nên nói rằng: Đồng nhân vu giao. Giao là chưa rộng lớn bằng dạ, đặc ở ngoài giao kia mà. Vì chưa được rộng lớn Đồng nhân vu dạ, nên kết quả chỉ khởi ảm nần, mà thôi.

TÍEU TƯỢNG: Đồng nhân vu giao, chỉ dĩ đắc dã

Quân tử xứ về thời Đồng nhân, theo c h i nguyện của mình, ở trong bốn bề tất thấy là anh em mới thích.

Phụ chú: Đọc suốt tuyển quái Đồng nhân, phát minh được hai đạo lý. Một là: Đạo lý trong thiên hạ, chẳng bao giờ tuyệt đối, mà chỉ là tương đối (Đồng với Dĩ là tương đối) ở vào thời Đồng Nhân mà hào Sơ chứa khối cửa, hào Nhị thì chỉ ở trong phe phái mình, hào Tam thì mấp lên rừng, hào Tứ thì cỡi lên tương cao toan kinh dịch với Ngũ, đến hào Ngũ thời câu ứng với Nhị, mà phải cần đến đại sư khắc. Thế mới biết, ng ười nhóm theo loại, vật chia từ bấy.

Cái dĩ biết bao nhiêu mà xoay làm đ ồng thiết là việc khó.

Nhưng có một đạo lý nữa, mỗi ở trong tương đối, tất có một cái tuyệt đối giới ở trong Lửa bao giờ cũng tuyệt đối nóng, nước bao giờ cũng tuyệt đối lạnh, nhưng chúng, ta nhận định theo biến dịch, giao dịch ở trng dịch lý: Đem lửa đốt dưới nước thời nước cũng sôi mà hóa nóng, đem nước xối lên lửa

thời lửa có lúc tắt mà sinh ra lạnh. Chỉ duy ; thông hết vật tình, thấu hết vật lý, đều tề hòa hợp, chẳng thiên về phía nào khiến cho việc gì việc gì, các đặc kỳ nghì giống gì giống gì các đặc kỳ bình, t, h ời tóm gộp bao nhiêu cái dị mà qui kiệt lại làm đồng, vẫn, chẳng phải tuyệt đối là m được.

Hết quẻ Đồng Nhân

LỜI NGƯỜI VIẾT:

Kính thưa Quý vị độc giá, Giá trị bộ Dịch lý, Triết Học Đông Phương đạo lý rất cao sâu thâm thúy, chắc quý vị đã có người nghiên cứu, học hỏi, học thuyết dịch lý rất gần với Phật học, Phật dạy : Tự mình thấp đước lên mà đi. Trong dĩ ch lý từng hào, từng quẻ hiển dương đước điều thiện, át đước điều ác, phát huy vì sao con người bị vật dục dẫn dụ hoặc vì hoàn cảnh giữa xã hội dẫn dắt làm cho cái Đức của bản tâm đến nổi mờ mịt. Đọc Dịch qu ả n triết đước việc thủy chung, mà hiển dĩ ỨC của bản tâm ngày càng viên mãn.

Cư sĩ Đức Kim



Em gái ở Việt Nam

Hôm qua cánh nhạn trắng sa
Em tìm cõi lạ ta bà rừng rưng

Đôi tay mười ngón trắng ngần
Lên ghềnh xuống thác hồng trần mang theo
Sang mùa ngón mọc cheo leo
Điêu hiu trở nụ thuyền neo ngọn triều
Chim đi thả tiếng mông lung
Em gieo rải hạt trên vùng cỏ tranh
Chiều mai hạt nở cây xanh
Chiều kia em dáng mong manh nông trường
Có phai đi nét nguyệt nương
Chỉ rầu ngọn cỏ bên đường ấy thôi
Con chim én chết khô rồi
Mùa xuân tàn tạ trên đời nghiêng nghiêng
Xin em khôn khổ ưu phiền
Cho gầy dáng huyên thơm miền trần sa
Đoạn trường là một bài ca
Suối nguồn trao tặng hằng sa biển hồ
Dầm nghìn sợi tóc buồn so
Ngày qua loáng thoáng khói lò trầm hương
Em đi trên bãi thủy dương
Gót lên gót xuống con đường cũng đau
Sương rơi ướt đầm dóa nhài
Em cô diêm nhỏ dóa dày trần gian
Đã cứu mang phận hồng nhan
Xinh tươi diêu hữu úa tàn chân không

● NGUYỄN HOÀN NGUYỄN
VIỆT NAM 1978

Vòng chuỗi

Đêm lần đêm những vòng sao
Vòm xanh mở rộng trời cao cao dần
Tận nguồn mạch nước sông Ngân
Giòng tuôn sáng lạng thấm nhuần không gian
Hương bay tỏa khắp núi ngàn
Đá thóm rưng ngát đồng hoang nở màu
Trong im sương lãng buổi nào
Cỏ cây biến thể duyên vào hư vô

● NẠI SƠN

Dòng sương ngọt

Lòng tử bi góp muốn sương mát
Thành giếng mưa dào dạt chứa chan
Dưỡng nuôi cỏ nội hoa ngàn
Thấm nhuần mạch đất, tuôn tràn rạch sông
Đây trong vạt một dòng khe nhỏ
Len lỏi trên nền cỏ mượt nhưng
Bằng qua lau lách trùng trùng
Sinh sôi xanh mát rêu rong tháng ngày
Dòng nước vẫn miệt mài tuôn chảy
Đọng thành ao, khơi suối ngọt lành
Tận cùng đáy thắm xanh xanh
Đêm rằm gương ngậm một vành trăng trong
Hồi bắt ngát cá rồng ẩn bóng
Đem mạch xuân diệu nóng đất cần
Hóa mưa từng trận chan dầm
Hồi sinh cây héo, uơm mầm hạt gieo

Sương mầu nhiệm trong veo ngọt mát
Quan Thế Âm Bồ Tát rưới chan
Gặp cây cháy xém thành than
Cũng tươi sống lại trở ngàn hoa thắm
Huyền diệu lắm khơi nguồn nước mát
Từ tấm lòng u uất khổ đau
Khóc đi, vui nhẹ phần nào
Dịu mềm căng thẳng, tiêu hao nén dồn
Dòng sương khép vết thương tâm sự
An ủi người sầu xứ, xa quê
Biết bao tai nạn gần kề
Niềm tin tròn sáng chẳng hề lung lay

Dòng sương tâm đất đai cỏ thuốc
Mùa phục sinh người vượt ồm đau
Mặt như sen ứng hồng hào
Vóc mình tươi nhuận, dạt dào thanh xuân

Dòng sương ngọt gọi nhuần nghiên mực
Ngòi bút lông, bút sắt vẩy tuôn
Lời kinh thâm diệu phi thường
Đem tâm an lạc mọi đường chúng sinh

Dòng sương ngọt thấm tình đất mẹ
Thấy sáng hồn bao kẻ xa quê
Ca dao an ủi, vỗ về
Bao người lưu lạc ước thể hồi hương

● HỒ TRƯỜNG AN



Allgemeine Buddhalehre



Text von Hochehrwürdiger Thích Thiện Hoa
Deutsche Übersetzung von Rev. Thích Như Điển

KAPITEL IV

Zufluchtnahme zur Drei-Kleinode oder die Dreifache Zuflucht (ti-sarana)

A. Zur Einführung

B. Themen:

I. Begriffe und deren Bedeutungen.

Was versteht man unter:

- 1) die Zufluchtnahme(sarana)
- 2) die Drei-Kleinode(ti-ratana)
- 3) die Zufluchtnahme zur Drei-Kleinode(ti-sarana)
oder die Dreifache Zuflucht.

II. Drei Stände von Drei-Kleinode

- 1) Gleicheingenschaftliche Drei-Kleinode
- 2) Die Welt verlassende Drei-Kleinode
- 3) Weltlich verweilende Drei-Kleinode

III. Der äußere Sinn der Dreifachen Zuflucht

- 1) Zuflucht zum Buddha(der Erleuchtete)
- 2) Zuflucht zum Dharma(Lehre)
- 3) Zuflucht zum Sangha(Mönchsorden)

IV. Der innere Sinn der Dreifachen Zuflucht.

- 1) Zufluchtnahme zum Buddha
- 2) Zufluchtnahme zum Dharma
- 3) Zufluchtnahme zum Sangha

V. Die Feierlichkeit der Dreifachen Zuflucht.

- 1) Der Zufluchtnehmer soll zunächst seinen Leib und Geist säubern und besänftigen.
- 2) Seine Willen zur Dreifachen Zuflucht vor Drei-Kleinode klar und deutlich sprechen.

VI. Die Wohltaten der Zufluchtnahme zur Drei-Kleinode.

- 1) In Unwissenheit des weltlichen Weges nicht verfehlen, in das Meer des Leidens nicht untergehen.
- 2) Die Willen zur Dreifachen Zuflucht dienen zur leichteren Aufrechterhaltung der Gelübde des Zufluchtnehmers, da Buddha und Mönchsorden diese bezeugen.

C. Schlußfolgerung.

Buddhistische Anhänger sollen den zweifachen Sinn der Dreifachen Zuflucht ins Herz nehmen, und sie klardenkend fortschreiten.

Fortsetzung

II. DREI STÄNDE VON DREI-KLEINODE

Sie sind nämlich:

- gleicheigenschaftliche Drei-Kleinode
- Die Welt verlassende Drei-Kleinode
- weltlich verweilende Drei-Kleinode

1.- Gleicheigenschaftliche Drei-Kleinode

a/ Unter gleicheigenschaftlicher Buddha versteht man das klardenkende eigene Geschaffenen (Bhāvanā), das sowohl alle Lebewesen als auch Buddhas gleich haben.

b/ Gleicheigenschaftliche Dharma deutet die Barmherzigkeits- und Gleichheitseigenschaften an, die sowohl alle Lebewesen als auch Buddhas gleich besitzen.

c/ Unter gleicheigenschaftliches Sangha versteht man das eigene geschaffenen von Reinheit, Übungen, sinngemäß Verstand und Harmonie, die sowohl alle Lebewesen als auch Buddhas gleich haben.

2.- Die Welt verlassende Drei-Kleinode

a/ Die Welt verlassender Buddha weist auf Sakya Muni Buddha und Amida Buddhas in allen 10 Himmelsrichtungen hin, die aus 3 Lebens existenz (d.h. aus Vergangenheits-, Gegenwarts- und Zukunftsexistenz) stammen. Sie haben sich eigenwillig von den weltlichen Fesselungen befreit.

b/ Die Welt verlassende Dharma weist auf die heilige Lehre Buddhas hin, die alle Lebewesen zur Befreiung von den weltlichen Zügelungen befähigt, zum Beispiel die Lehre über vier Edlen Wahrheiten, d.h. die Wahrheit vom Leiden, von seiner Entstehung, seiner Aufhebung und von dem zu seiner Aufhebung führenden Achtfachen Pfade (āryasatya), die 12 Abhängigkeitsbedingungen zum Entstehen (dvādasāṅga pratityasamutpāda), die Sechs Vollkommenheiten (Freigebigkeit, Ethik, Geduld, Strebsamkeit, Versenkung, Verständnis) (Pāramitās)...

c/ Die Welt verlassendes Sangha weist auf alle heilige Bhiksus hin, die sich von den weltlichen Fesselungen befreit hatten wie z.B. Avalokites'vara (Der Herr, der gnädig herabblickt - Barmherzigkeit - gottes), Kshigarbha, Ananda, Kasyapa, ...

3.- Weltlich verweilende Drei-Kleinode

a/ Weltlich verweilender Buddha zielt auf Reliquien Buddhas (Stūpa) oder Buddha-Figuren ab, welche aus Ton, Metall anderen Materialien geformt, auf Papier gemalt, auf Holz geschnitten oder auf Stoffe bestickt werden.

b/ Weltlich verweilende Dharma deutet die Tripitaka (Dreikorb) an, d.h. Sūtra, Sittenregeln und deren Abhandlungen.

c/ Weltlich verweilendes Sangha weist auf Schüler Buddhas (Bhiksu und Bhiksuni - buddhistische Mönche und Nonne) hin, die die Buddhalehre eifrig praktizieren, die Tugenden ernsthaft behüten und die von Buddha erstellte Sittenregeln streng befolgen.

(Fortsetzung folgt)



GEFANGENER DES VIETCONG

ERLEBNISSE EINES DEUTSCHEN
IN SÜDVIETNAM

1963-1976

VON
RUDOLF PETRI

INHALT

Erster Teil
Von Indien nach Südvietsnam

1. Von Indien nach Südvietsnam
2. Erster Aufenthalt in Saigon
3. Meine Mission für die Buddhisten Vietnams in Südasien
4. Kidnapping oder Mordversuch ? (in Colombo)
5. Seefahrt nach Malaysia
6. Von Singapur nach Saigon
7. Besuch in Japan
8. Wieder in Saigon

Zweiter Teil
Zickzackreisen in Asien

09. Zickzackreisen in Asien
10. Begegnungen mit einem Geist
11. Die Riesenschlange
12. Ein kleines Wunder
13. Der Tiger von Vung Tau
14. Amerikaner wurde Buddhist
15. Der unsichtbare Geist
16. Der Fall Vung Tau's

Dritter Teil
In Vietconghaft

17. In Vietconghaft
18. Selbstmordversuch im Kerker
19. Ich wurde Gefangener "Nummer Eins"
20. Drei Vietcongs in Kerkerhaft
21. Simulierter Selbstmordversuch
22. Tag der Freiheit
23. Wiedersehen mit Deutschland

Copyright C 1977
Dr. R. Petri
Reinbekerweg 50
D- 2050 Hamburg 80

(Fortsetzung)

Bis ungefähr 1972 hatte ich tatsächlich keinen Besuch von Amerikanern. Nur einmal kam ein Mönch mit einem amerikanischen Zivilisten, ein Beamter der United States Aid Organisation; er bot mir Hilfe an, das Vihàra zu vergrössern. Ich verstand zu wohl, man wollte, daß ich nachher das Loblied der Amerikaner singen sollte; ich verweigerte jede Hilfe und machte dem Mann klar, daß ich vollkommen mit der Grösse des Vihàras zufrieden sei, zumal ich hier alleine wohne. Ein grösseres Gebäude würde nur mehr Arbeit verursachen. Beide gingen erstaunt, daß man amerikanische Dollarhilfe verweigerte, war ihnen wohl noch nicht vorgekommen, also Zeit, daß es mal vorkam.

Zuvor hatte ich zwei Dienerinnen, eine Mutter mit ihrer Tochter. Sie waren faul, sie wollten nur essen, auf den Hacken sitzen und rauchen, das Arbeiten lag ihnen nicht. Nach einem Monat schickte ich sie fort. Dann kam eine andere, eine Frau etwa dreißig Jahre alt. Ihr Mann und sie waren Arbeiter, sie hatten mit an dem großen Zementtank gebaut, in dem ich das Regenwasser vom Dach aufspeicherte, weil dieser Berg kein Trinkwasser hatte, und Wasser kaufen wurde teurer und teurer. Ihr Mann, etwa 10 Jahre älter, traute seinem Ehefrau nicht, er kam häufig spionieren. Er hatte nicht ganz unrecht, denn die dralle Frau, braun und keineswegs schön, hatte ein zu großes sehr persönliches Interesse an mir und versuchte immer, sich bei der Arbeit in der kleinen Küche an mich zu drängen. Sie ging mir auf die Nerven und ihr Mann auch. Es tat mir aber leid, sie abrupt zu entlassen. Eines Sonntags blieb sie, ohne mir etwas zu sagen fort, überhaupt arbeitete sie kaum vier Stunden täglich, ich mußte ihr aber vollen Lohn zahlen. Als sie nicht kam, schickte ich sie am Montag Morgen weg, fristlos entlassen. Von jetzt an würde ich alle Arbeit selbst machen, obwohl ich immer noch etwas gehbehindert war und sehr selten zur Stadt ging. Ong Th. ging für mich, das Nötige einzukaufen. Bis 1973 brauchte ich nie etwas zu kaufen, alle Lebensmittel wurde von meinen Freunden in Saigon und teilweise

aus Vung Tau gebracht, aber seit dem der Piaster (auch Dong genannt) mehr und mehr im Wert fiel, blieb mancher Besuch aus, denn man schämte sich wohl, mit leeren Händen anzukommen.

12. EIN KLEINES WUNDER

Zeitweilig bekam ich Besuch meines Freundes M.H. aus Saigon. Einmal als wir beide hinter dem Vihàra standen und darüber sprachen, wie wir diese Partie bis zur Felsenwand bepflanzen könnten, fühlten wir die brennende Hitze der Sonnenglut, und ich sagte ganz spontan: "Ach, die armen Tiere, woher sie bloss Wasser bekommen!". Ich hatte kaum ausgesprochen, als ein kleiner Stein aus der unteren Felswand fiel und ein Strahl Wasser hervorschoß, sich in einem natürlichen Becken ansammelte. Wir staunten, sahen uns ziemlich betroffen an, und wollten das Wunder nicht glauben. Es war ohne Zweifel Regenwasser, welches sich in der Felsenwand angespeichert hatte, so etwas kommt vor. Hoffentlich würde die Quelle nicht so rasch versiegen! Sie hielt drei Monate, aber nur wenig Wasser rann aus dem Loch, doch gerade genug, um die vielen Vögel im Dschungel zu laben. In allen tropischen Ländern ist Wasser kostbar, darum bietet man fast überall Wasser an, wenn ein Gast das Haus betritt. In neuerer Zeit ist das Wasser von besser gestellten Vietnamesen eisgekühlt, denn zum Prestige eines Beamten gehört auch ein Kühlschrank. Ich hatte keinen und wollte auch keinen, Eiswasser liebte ich nicht, es verursachte mir nur Hals- und Magenbeschwerden.

Während der Nacht zog ein recht schweres Gewitter über Vung Tau und über die See. Tausende Blitze und kanonengleiche Einschläge in unmittelbarer Nähe. Fritz, mein Kater, welcher sein erstes Gewitter erlebte, hob den Kopf und schaute mich fragend an, legte dann beim nächsten Einschlag die Ohren an und sprang auf mein Bett und unter die Decke. Dort blieb der Feigling bis zum frühen Morgen. Ich hörte noch einen letzten Blitzeinschlag, so daß das Vihàra erzitterte. Dieser Einschlag mußte wohl gleich neben dem Vihàra in die Erde oder Felsenwand gegangen sein. Bei Sonnenaufgang, ging ich hinaus und schau-

te nach und schon bald sah ich, daß ein Blitz in die Felsenwand gegangen war und zwei handgrosse Platten abgeschlagen hatte, der nackte schwarze Stein, versteinerte Bäume, schaute hervor. Die Felsenwand war aus brüchigen Stein und Versteinerungen. In Urzeiten müssen hier gewaltige Baumriesen gestanden haben.

Oft waren schon im Sturm und Regen Felsblöcke von der Höhe gestürzt, ohne jedoch Schaden anzurichten. Um eventuelle fallende Steine und Blöcke aufzufangen, liess ich hinter dem Gebäude einen Kanal bauen, welcher gleichzeitig dazu diente, in der Regenzeit das Regenwasser abzuleiten. Im ersten Jahr, also im Sommer 1969, rann Regenwasser in das Vihàra und verursachte mir recht viel Mühe, den mit Lehmwasser verschmierten Boden der Buddhahalle zu reinigen. Ein älterer Mann, welcher unten an der Phan Chau Trinh Straße sein Holzhaus hatte, pflanzte vor dem Vihàra zehn Bananenstauden, auf jeder Seite fünf. Die Stauden waren noch jung, aber sie wuchsen rasch in diesem Klima. Im nächsten Jahr hatte ich eine schöne Plantage in Miniatur. Jede Staude trägt nur ein Bündel Bananen, danach muß man sie abhacken. Aber bevor das Bündel reift, wachsen schon Ableger nebenan, das Leben ging weiter, das gleiche und doch nicht das gleiche, wie überall in der Natur. Der Boden rings um mich war nicht gut, zu steinig, nur Elefantengras, mehr als zwei Meter hoch und Dschungellianen wuchsen üppig, die letzteren hatten blaßrosa Blumen und wuchsen das ganze Jahr.

Plötzlich hörte ich einen Kuckuck, er sass auf einem Baum links auf der Höhe, stundenlang rief er Kuckuck. Mein Kater lag scheinheilig auf der Veranda und äugte zum Baum herauf. Ich hob warnend meinen Zeigefinger, er wußte genau, was dies bedeutete. Um mich in Sicherheit zu wiegen, rollte er sich auf den Rücken und strampelte freundlich mit den Beinen. Übrigens, die vier anderen Katzen waren bereits verschwunden, Opfer von Giftschlangen oder der Python geworden. Eines Tages kam Fritz mit einer Geliebten an. Sie fürchtete sich vor mir und verkroch sich zuerst unter dem Wasser -

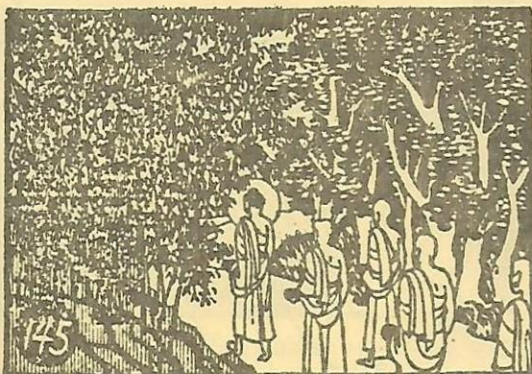
tank; gegen Abend aber als es Bratkartoffeln gab, wagte sie es, auf die Veranda zu kommen, sie blieb vorsichtshalber reissausbereit draußen sitzen. Fritz sass wie üblich auf seinen Hinterbeinen, genau wie ein Hund, ohne das ich ihm das beigebracht hätte. Als ich ass, schaute Fritz gespannt meinen Bewegungen nach, mit seinem Kopf folgte er den Bratkartoffeln, bis sie in meinen Mund verschwanden und machte ein sehr enttäuschtes Gesicht. Aber ich war keineswegs hartherzig, sondern fütterte den Kater recht gut, er war wohl bald der fetteste Umgebung, obwohl er von mir nur vegetarisches Essen bekam, nur Reis, Gemüse, Käse und Bratkartoffeln, aber er ass auch gekochte Kartoffeln. Seine aufgegabelte Freundin dagegen ass nur Käse und Bratkartoffeln. Gemüse verachtete sie. Der Kuckuck überlebte noch einige Zeit, dann fiel er doch Fritz zum Opfer. Ich sah den Vogelmörder die Steintreppe hinaufschleichen, er stutzte erschreckt, als er mich sah; das Tier verstand ganz genau, dass er etwas getan hatte, was ich nicht liebte, denn zuvor hatte er versucht, getötete Mäuse und Ratten ins Vihàra zu bringen. Wenn ich ihn erwischte, jagte ich ihn samt Beute davon. Also Fritz kam mit dem getöteten Kuckuck die Treppe herauf. Mit forschenden Augen sah er mich an, weil er kein Zetter und Mordio meinerseits hörte, ging er weiter und legte den Vogel vor seiner Freundin nieder, welche den Vogel schnappte und sofort hinter ein paar Büsche verschwand. Fritz folgte ihr nicht, sondern ging gelassen an mir vorbei und legte sich erschöpft auf seine Filzdecke im Empfangsraum. Was sollte ich tun oder sagen? Fritz war ein Tier und folgte nur seinem Instinkt, moralische Bedenken hatte er wohl keine, aber immerhin war er doch ein Gentleman, denn wer sonst würde unter seinen Artgenossen so leicht mir nichts dir nichts einen fetten Vogel abgeben, auf den er wohl tagelang gelauert hatte. Fritz tötete überhaupt alles, was da fleuchte und kreichte, meistens Geckos, welche an den Wänden herumkrochen und Fliegen fingen, aber auch andere Lizarden, welche nicht an der glatten Wand hoch konnten, sondern meist am Boden oder zwischen Steinen herumkrochen, sie wurden ein leichtes Opfer. Einmal fing

Lesen Sie bitte weiter auf Seite 33

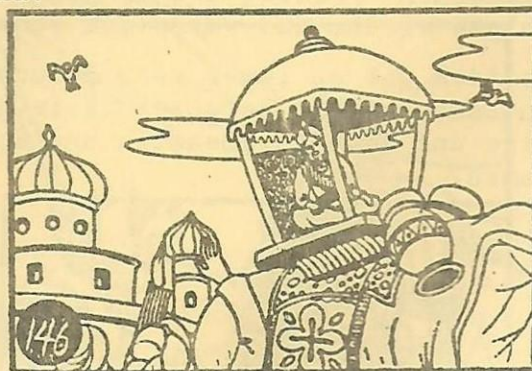
Die illustrierte Geschichte Buddhas

Text von Hoàng Văn - Deutsche Übersetzung von Nguyễn Ngọc Tuấn

(Fortsetzung)

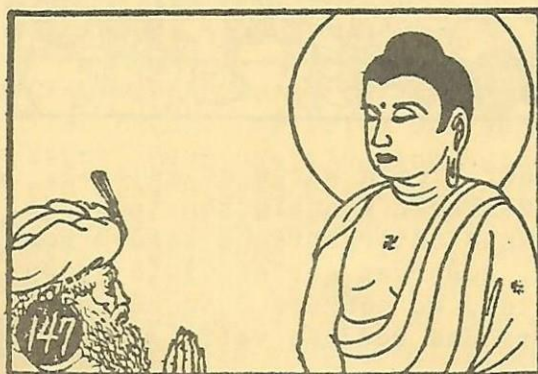


Danach schloßen sich Kassapas Brüder an Buddhismus, nach ihm folgten 1000 Anhänger. Sie gingen mit Buddha zu einem herrlichen Ort, wo Blüten und Früchten die Natur beschmückten, um dort das Mönchenleben zu praktizieren. Nach der Bekehrung der Kassapas Brüder hatten alle noch mehr Respekt für Buddha.

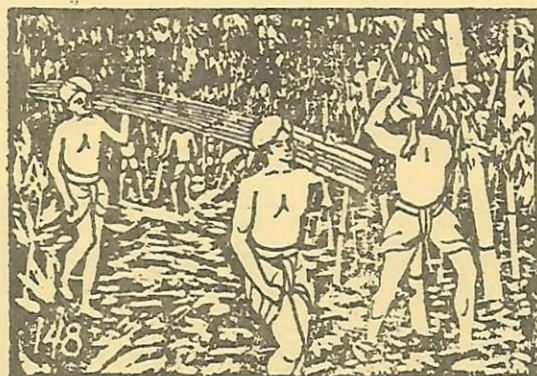


Als König Bimbisara des Nachbarlandes Magadha von der Ankunft des Sakyamuni in seine Residenzstadt Rajagaha erfuhr, ließ er zwei treue Untertanen auf den Empfang vorbereiten. Persönlich ritt er auf einem weißen Elefanten um den Buddha willkommen zu heißen.

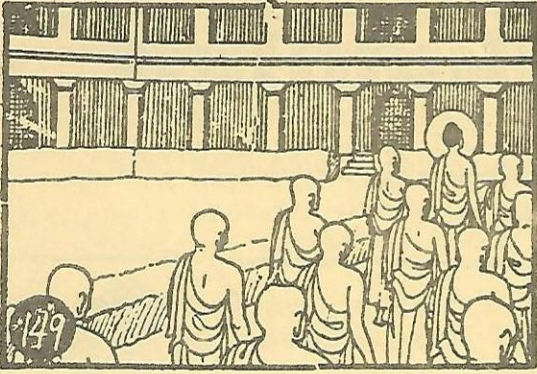
Buddha sei gekommen, dachte König Bimbisara, um sein Versprechen, nach seinem Erleuchtungserlangen wieder hierher zur Errettung des hiesigen Volkes zu kommen, einzulösen. Der König freute sich und die Bevölkerung stand schlange um den edlen Gast zu begrüßen.



Der König kam runter vom Elefanten, beugte sich vor dem Buddha, dann ging mit ihm und seinen mönchischen Begleitern ins Palast. Der Reihe nach knieten die hohen Beamten vor dem Erhabenen nieder. Nach der Befragung über die Gesundheit des Königs fing Buddha an über Leiden aller Wesen, Vergänglichkeit und Nichtigkeit aller Dinge zu predigen. König Bimbisara und seine Hofbeamten verstanden Buddhas Worte und nahmen Zuflucht beim Buddha, Darma und Sangha. Von nun an gehören sie alle zu den Laienbuddhisten.

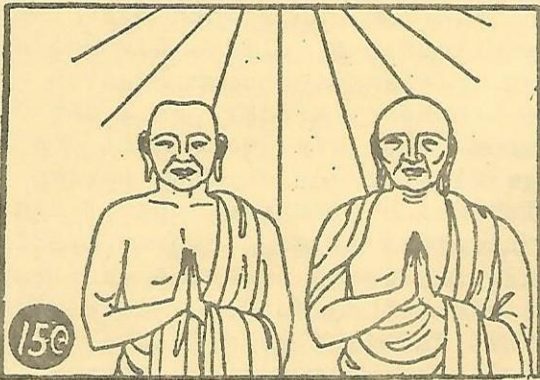


Da König Bimbisara gern hatte, daß Buddha in seinem Land bleibe, trug er seinen Wunsch dem Gast vor, ein Quartier zu errichten, wo Buddha und seine Jünger wohnen und seine Predigten halten kann. Und Buddha gab seine Zustimmung.

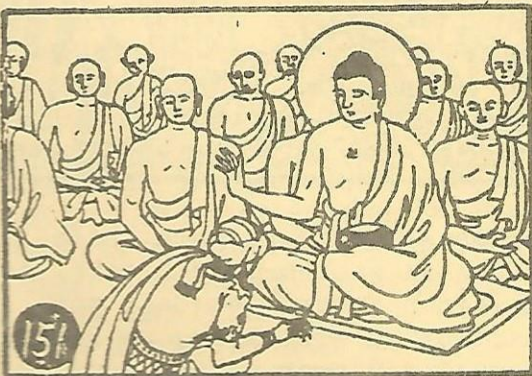


Dieser Vihara wurde so geteilt, daß in mehreren Wohnblöcken tausende Bikkhus untergebracht werden konnten. Außerdem gab es viele große Hallen, wo mehrere Besucher die Lehre des Buddhas verfolgen konnten.

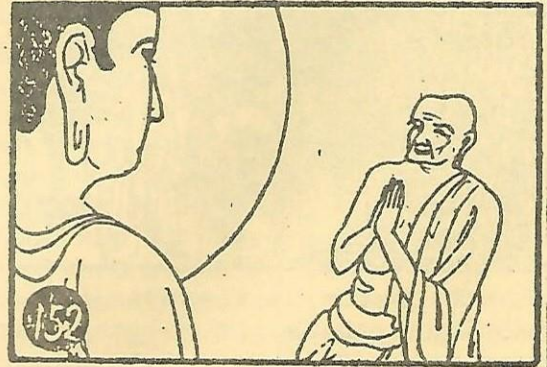
Bei der Einweihung gab Buddha dem Kloster den Namen Veluvana (Bambus-Hain-Kloster).



Mit jedem Tag wuchs die Zahl der Zuhörer. Darunter fand man bekannte Mönche wie Moggallana und Sariputta. Und jeder von ihnen wurde von mehreren Anhängern begleitet.

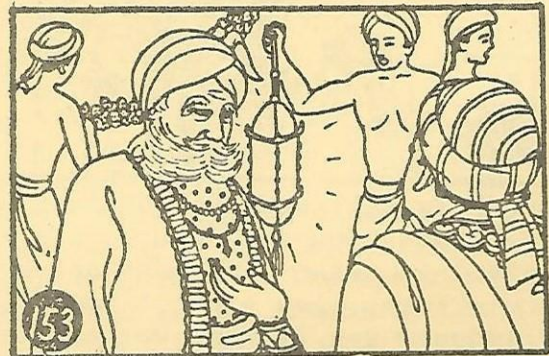


Eines Tages, während Buddha meditierte, kam ein Onkel des Ehrwürdigen Sariputta, um nach der Lehre zu befragen. Nach Buddhas Erläuterung erkannte er, daß es keine höhere Lehre gebe, als die der Erlösung des Sakyamuni. Dann ohne zu zögern erklärte er sich zu bekehren, bei Buddha, bei seiner Lehre und bei der Mönchengemeinschaft Zuflucht zu nehmen.



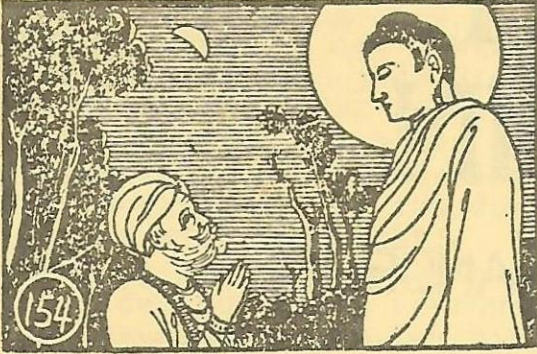
Unweit vom Bambus-Hain lebte ein Brahman namens Maha Kassapa, der von Buddha gehört hatte und sich selbst überzeugen wollte. Er ging zu ihm. Nach einer Wunderkraft wirkenden Predigt des Erhabenen folgte er ihm und wurde zum Jünger.

Seitdem gab es immer mehr Besucher in Bambus-Hain, darunter viele Könige und Fürsten, Beamten und Hof-Damen.

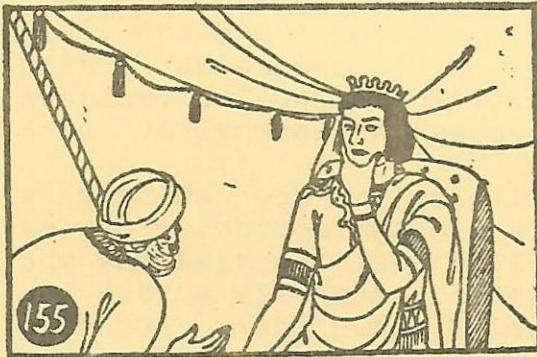


In Rajagaha lebte ein reicher Kaufmann, der sehr oft dabei war, wenn Buddha predigte. Eines Tages ließ er sein Haus schön schmücken, gute Speisen und Getränke vorbereiten, um ein Fest zu Ehren des Buddhas zu geben. Auch alle Jünger wurden eingeladen.

Während der Vorbereitung des Festmahls kam zufällig sein Geschäftsfreund vorbei und fragte nach dem Grund. Ihm wurde gesagt: "Wir empfangen heute Buddha, den Erleuchteten, Lehrer von Göttern aller Himmelsrichtungen und von allen irdischen Lebewesen".



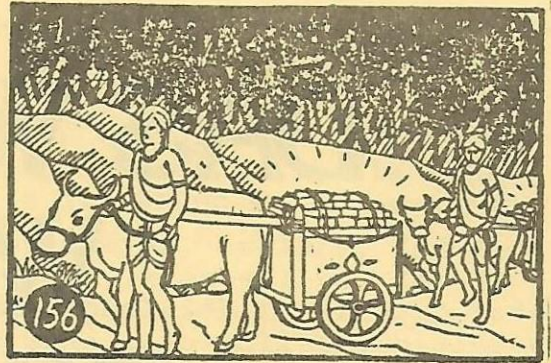
Der Freund des Kaufmannes konnte in dieser Nacht nicht schlafen, deshalb ließ er sein Pferd spannen und ritt zum Bambus-Hain. Dort empfand er sofort eine tiefe Verehrung für Buddha mit seinem von Weisheit strahlenden Aussehen. Auch er sagte dem Buddha seinen Wunsch, ihn zu Hause zu empfangen. Buddha nahm die Einladung an und sagte er werde mit seinen 1250 Mönchen kommen.



Buddhas Gastgeber war diesmal der reiche Kaufmann Sudattadika, wegen seiner Spendenfreudigkeit nannte man ihn Anâthapinkinka.

An diesem Tag wollte er dem Sakyamuni den Park schenken, der dem Prinzen von Sâvatthi gehört und den er für einen Bau des Kloster am geeignetsten fand. Als er nach dem Preis fragte, sagte ihm der Prinz:

"Der Park kostet soviel, wie die Goldblätter, die die Gesamtfläche des Parks bedecken".



Der Kaufmann Sudatta erfüllte diese Kaufbedingung. Der Prinz war sehr erstaunt, denn ursprünglich hatte er zum Spaß diesen Preis genannt und hatte dabei nicht gedacht, daß seine Herausforderung von Anâthapinkinka realisiert werden konnte. Vereinbarungsgemäß mußte er das Objekt des Handels verkaufen. Er sagte: "Du hast bezahlt, der Park gehört dir, aber die Pflanzen, die nicht mit Goldblättern bedeckt sind gehören mir. Du kannst diese Goldblätter zum Bau des Klosters verwenden und den Pflanzenbestand schenke ich dem Sakyamuni.

Dieser Hain trug später den Namen Jetavana (Prinzenbäume-Anâthapinkinka-Park).

(Fortsetzung folgt)

Fortsetzung von Seite 30

der Kater ein Chamäleon, welches ein Gesicht wie ein Drache hatte. Es gelang mir, das Chamäleon zu befreien und Fritz in die Flucht zu schlagen. Das Reptil war nicht tot, aber vor lauter Schreck schockiert. Ich hielt es eine Weile an dem rauhen, dünnen Schwanz, während das Chamäleon sich tot stellte, doch nach einer Weile wurde es ihm in dieser unbequemen Lage zu langweilig, es öffnete die grossen Augen und das Riesenmaul, als ob es sagen wollte: "Bitte, lass mich los!" Ich setzte ihn in einem vor der Veranda stehenden Blumentopf, dort blieb es versteckt lange sitzen, am Abend war es verschwunden.

Fortsetzung

DAS WUNDER, WACH ZU SEIN

EIN MEDITATIONSHANDBUCH
VON
VEN. THICH NHAT HANH

aus dem Vietnamesischen ins Englische übersetzt
von Mobi Quynh Hoa, aus dem Englischen ins Deut-
sche übertragen von Hermann Schiewe

Englische Ausgabe: The Miracle of Being Awake -
A Manual on Meditation for the Use of Young Acti-
vists. Buddhist Publication Society, Kandy (Sri
Lanka) 1976. The Wheel Publication Nos. 234 - 236.

(Fortsetzung)

DAS HALBLÄCHELN

An jedem Tag und in jeder Stunde sollten wir die Achtsamkeit aufrechterhalten. Das läßt sich leicht sagen, aber es in die Praxis umzusetzen, ist nicht einfach. Das ist der Grund dafür, weshalb ich denen, die zu Meditationsseminaren kommen, erkläre, daß sich jeder Mensch einen Tag in der Woche reservieren sollte, den er völlig dem Üben der Achtsamkeit widmet. Obgleich im Prinzip jeder Tag Dein Tag und jede Stunde Deine Stunde sein sollten, bleibt es eine Tatsache, daß sehr wenige von uns einen solchen Punkt erreicht haben: Wir haben den Eindruck, unsere Familie, unser Arbeitsplatz und die Gesellschaft raubten uns unsere ganze Zeit. Und deshalb dränge ich darauf, daß jeder einen Tag der Woche als seinen eigenen auswähle. Den Samstag vielleicht. Wenn es der Samstag ist, dann muß Samstag gänzlich Dein Tag sein, ein Tag, über den Du völlig verfügen kannst. Dann wird man den Samstag als Hebel benutzen, um die Gewohnheit, achtsam zu sein, auszubilden. Auch jeder Arbeiter in unserer Gemeinschaft des Dienens muß das Recht auf einen solchen Tag haben, denn wenn wir es nicht in Anspruch nehmen, werden wir uns schnell in einem Leben voller Sorgen und Tätigkeit verlieren. Welcher Tag auch ausgewählt wird, er kann als der Tag der Achtsamkeit angesehen werden.

Wenn Du einen Tag der Achtsamkeit festsetzen willst, solltest Du Dir ein Mittel ausdenken, das Dich im Augenblick des Erwachens daran erinnert, daß dies Dein Tag der Achtsamkeit ist. Du könntest etwas an die Decke oder an die Wand hängen, vielleicht ein Papier mit der Aufschrift 'Achtsamkeit' oder einen Tannenzweig - irgend etwas, das Dich beim Öffnen der Augen daran erinnert, daß heute Dein Tag der Achtsamkeit ist. Heute ist Dein Tag. Dich daran erinnernd, solltest Du lächeln, ein Lächeln, das bestätigt, daß Du in völliger Achtsamkeit bist, ein Lächeln, das diese vollkommene Achtsamkeit fördert.

Während Du noch im Bett liegst, fange damit an, Deinem Atem zu folgen - ruhigen, langen und bewußten Atemzügen. Dann stehe langsam vom Bett auf (statt wie gewöhnlich sofort herauszuspringen), und stärke mit jeder Bewegung die Achtsamkeit. Wenn Du dann aufgestanden bist, putze Deine Zähne, wasche Dein Gesicht, und verrichte alle morgendlichen Tätigkeiten auf eine ruhige und entspannte Weise, wobei jede Bewegung achtsam erfolgt. Folge Deinem Atem, bemächte Dich seiner, und laß Deine Gedanken nicht umherschweifen. Jede Bewegung sollte entspannt erfolgen. Miß Deine Schritte mit ruhigen, langen Atemzügen. Behalte ein Halblächeln bei.

Zu guter Letzt solltest Du eine halbe Stunde zum Baden verwenden. Bade entspannt und achtsam, so daß Du Dich zu dem Zeitpunkt, wenn Du fertig bist, leicht und erfrischt fühlst. Hinterher könntest Du Hausarbeit verrichten, wie Kleider waschen, Staub wischen und Tische abwischen, den Küchenfußboden scheuern, Bücher in die Regale einordnen. Welche Aufgaben es auch sein mögen, sie müssen langsam, locker und mit Achtsamkeit erledigt werden. Verrichte diese Arbeiten in jedem Fall nicht mit dem Gedanken, sie hinter

Dich zu bringen. Nimm Dir vor, sie entspannt zu erledigen, wobei Deine ganze Aufmerksamkeit auf sie gerichtet ist. Erfreue Dich an ihnen, sei eins mit ihnen. Wenn dies nicht geschieht, wird der Tag der Achtsamkeit keinerlei Nutzen haben. Das Gefühl, daß diese Arbeiten etwas Lästiges seien, wird bald verschwinden, wenn sie mit Achtsamkeit erledigt werden. Denk ans Vorbild der Zenmeister. Gleichgültig, welche Arbeit sie verrichten oder welche Bewegung sie ausführen, sie tun es langsam und gleichmäßig, ohne Widerwillen.

Für diejenigen, die gerade mit dem Üben anfangen, ist es das beste, einen Geist des Schweigens während des ganzen Tages beizubehalten. Das bedeutet nicht, daß Du am Tag der Achtsamkeit überhaupt nicht sprechen solltest. Du kannst reden, Du kannst sogar noch einen Schritt weitergehen und singen. Aber wenn Du redest oder singst, sei völlig achtsam auf das, was Du sagst oder singst, und beschränke das Reden und Singen auf ein Minimum. Natürlich ist es möglich, gleichzeitig zu singen und die Achtsamkeit beizubehalten, und zwar genauso lange, wie man sich der Tatsache bewußt ist, daß man singt und weiß, was man singt. Aber es sollte darauf hingewiesen werden, daß Du, während Du singst oder redest, leichter von der Achtsamkeit abkommen kannst, wenn Deine Kraft der Meditation noch schwach ist.

Bereite Dir zur Mittagszeit Dein Essen selber zu. Koche das Essen und wasche das Geschirr mit Achtsamkeit ab. Am Morgen, wenn Du Deine Wohnung gesäubert und aufgeräumt hast, und am Nachmittag, nachdem Du im Garten gearbeitet oder Wolken beobachtet oder Blumen betrachtet hast, bereite Dir eine Kanne Tee zu, um Dich hinzusetzen und mit Achtsamkeit zu trinken. Trinke Deinen Tee nicht wie jemand, der in einer Arbeitspause eine Tasse Kaffee hinunterstürzt. Trinke Deinen Tee langsam und ehrerbietig, als sei dies die Achse, auf der sich die Erde dreht - langsam, gleichmäßig, ohne in die Zukunft zu stürmen. Erlebe den gegenwärtigen Augenblick. Denn nur dieser gegenwärtige Augenblick ist Leben. Hafte nicht an der Zukunft. Sorge Dich nicht um Dinge, die Du zu tun hast. Denke nicht daran aufzustehen oder wegzugehen, um irgend etwas zu tun, denke nicht ans 'Aufbrechen'. Erinnerst Du Dich der Zeilen in meinem Gedicht: 'Schmetterling über dem Feld goldener Senfblüten'?:

Sei eine Knospe, die still in der Hecke sitzt.
Sei ein Lächeln, ein Teil der wundervollen Existenz.
Bleibe hier! Zum Aufbruch besteht keine Notwendigkeit.
Diese Heimat ist genauso schön wie die Heimat Deiner Kindheit.
Tue ihr bitte nicht Unrecht und singe weiter.

Am Abend könntest Du eine buddhistische Schrift lesen und daraus Abschnitte abschreiben; Du könntest an Freunde Briefe schreiben oder irgend etwas sonst tun, woran Du Dich außerhalb Deiner normalen Pflichten während der Woche erfreust. Aber was Du auch tust, tue es mit Achtsamkeit. Iß zu Abend nur ein bißchen. Später, gegen 22 oder 23 Uhr, wenn Du Dich zur Meditation hing setzt hast, wirst Du mit einem leeren Magen leichter imstande sein zu sitzen. Anschließend könntest Du einen langsamen Spaziergang in der frischen Nachtluft unternehmen, wobei Du Deinem Atem achtsam folgst und die Länge Deiner Atemzüge mittels Deiner Schritte mißt. Kehre schließlich in Dein Zimmer zurück und schlafe achtsam ein.

Bereichern unseren buddhistischen Wortschatz

In Sanskrit, Vietnamesisch, Deutsch

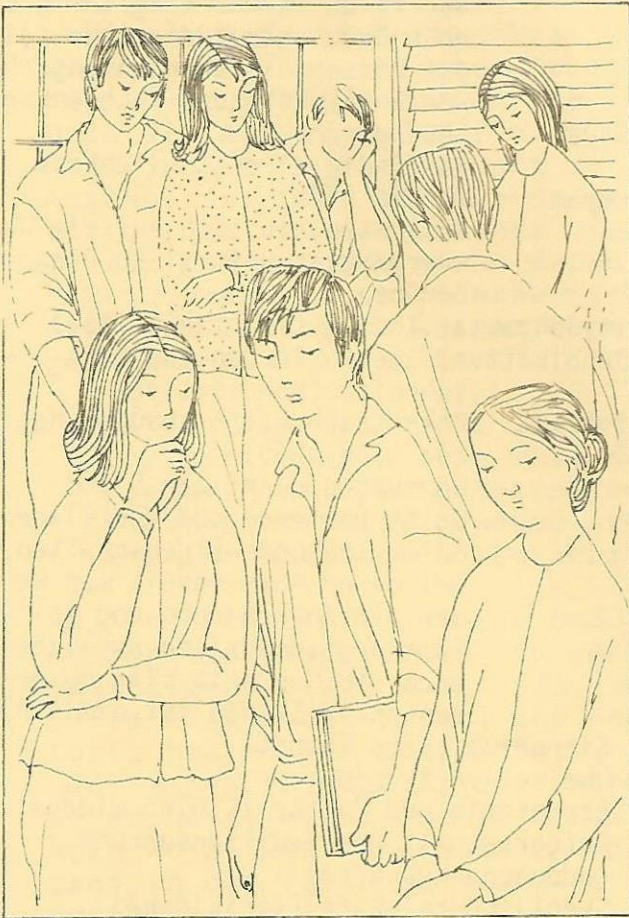
Verantwortlich: Ngô Ngọc Diệp

Dharma Name: Thị Chơn

Antà	:Cực đoan Extrem		
Antaraya	:Nguy cơ Gefährdung, Krise		
Anumana	:Cô tính cách phân biệt, suy đoán Schlußfolgernde Eigenschaft		
Anumanapramāna:	Tỷ lượng (những hình thái nhận thức cô tính cách p h ã n biệt, suy đoán)		
Apāna	:Thở ra Ausatmen		
Apas	:Thủy (nước), một trong tứ đại Wasser (flüssig), eine der vier Elemente		
Apas-dhātu:	Thủy đại flüssiges Element		
Brahmacarya:	Đời sống thiêng liêng p h ạm hạnh, cao thượng ein erhabenes-, heiliges Leben		
Brāhmagosha:	Phạm Âm, Phạm Thinh heilige Stimme		
Brāhmagosha-Buddha:	Phạm Âm Phật heilige Stimme-Buddha		
Catudhātuvavatthāna:	Niệm phân tách tứ đại Achtsamkeit zur Analyse der vier Elemente		
Drsti	:Kiến Anschauung, Ansicht		
Drsti-Visuddhi:	Quan kiến trong sạch reine-, klare Ansicht		
Klista-Manah:	Tâm đau khổ mit Plagen behafteter Geist (Geist-Bewußtsein)		
Kondanna	:Ngài Kiều Trần Như einer der ersten Anhänger in Benares		
Mandala	:Mạn-đà-la (giới đàn, đàn) Kreise, magische Zeichnungen zur Meditationshilfe		
Mandāravas:	Mạn đà la hoa (hoa sen trắng ở cảnh tiên)		
			weiße Lotusblüten in der En- gelswesenswelt
		Mangala Sutra:	Kinh Hạnh Phúc Sutra über die Glückseligkeit
		Mano-dhātu:	Thức đại Geist-Element
		Manōdjna :	Nhạc Musik
		Manōdjnasvara:	Nhạc âm musikalischer Klang
		Nirvikalpajnāna:	Vô phân biệt trí (cũng là vô lậu trí hoặc Bát nhã trí - Prajñā) là mục tiêu của sự hành đạo vì đó là khả năng t r ự c nhận được chân tướng thực tại das Wissen, die Wahrnehmung oh- ne analysierendes Nachdenken
		Nitya	:Thường còn Beständig, Unvergänglichkeit
		Nityam	:Thường kiến Ansichten, die sich auf die Un- vergänglichkeit allen Dingen beruhen
		Nityōdhyukta:	Thường tinh tấn (Bồ tát) (Bohdisattva) Stets klardenkend Fort- schreiten (Bohdisattva)
		Nīvarana :	Pháp triền cái (5 chướng ngại của tinh thân) Hemmungen, nennt man 5 den Geist hemmende und den klaren Blick trübende Eigenschaften, bei deren Anwesenheit man we- der die Angrenzende und volle Sammlung (samādhi) zu erreichen noch die Wahrheit klar zu er- kennen im Stande ist, nämlich:
			- Sinnenlust (Kāma-Chanda)
			- Übelwollen (Vyāpāda)
			- Stumpfheit und Mattheit (thīna-middha)
			- Aufgeregtheit und Gewissensunruhe (uddhacca-Kukkucca)
			- Skeptischer Zweifel (Vicikicchā)
			(Fortsetzung folgt)

NHỮNG NGÀY ĐI ĐĂNG KÝ

HỒ TRƯỜNG AN



Kể về lực lượng, đoàn Sài Gòn I rất hùng hậu. Lúc đầu thành phần kép chánh có Thành Được và Dũng Thanh Lâm. Còn Nam Hùng và Văn Khỏe là kép nhì chuyên thủ vai độc hoặc vai vừa mùi và độc lẫn lộn. Út Trà Ôn giữ vai kép lão pha kép mùi vì nhờ giọng vàng hát Vọng Cổ điêu luyện của anh. Bên giàn đào, Phượng Liên và Mỹ Châu thay phiên nhau thủ vai chính. Út Bạch Lan thủ các vai luống tuổi, có hát Vọng Cổ. Giàn đào nhì đã có Thanh Thanh Hoa, Ngọc Giàu, Hoài Mỹ. Sau đó, Dũng Thanh Lâm vì có quốc tịch Pháp, phải "hồi hương" về xứ Lang Sa. Mỹ Châu vì nghệ thuật diễn xuất chỉ thích hợp các tuồng hương xa trên các sân khấu hạng B, khó đứng trên sân khấu đại ban A, khó diễn chung với các nghệ sĩ lớn, sành sỏi về mặt diễn xuất như Thành Được, Phượng Liên, Ngọc Giàu, Út Bạch Lan, Thanh Thanh Hoa, Nam Hùng... nên phải đi đầu quần quạ gánh khác.

Về phần ca, Út Trà Ôn, Thành Được và Phượng Liên là ba giọng vàng ròng, ngân vang và điêu luyện, không còn những nét láy, nét nhồi huê dạng và bay bướm mà vẫn thấm đậm vào lòng người. Giọng của Út Bạch Lan, giọng của Ngọc Giàu, giọng của Thanh Thanh Hoa là giọng ngọc chuốt, với những nét uốn lượn, với kỹ thuật sắp chữ, xử dụng làn hơi thật diệu nghệ. Giọng của Út Bạch Lan và giọng của Ngọc Giàu thật phong phú, riêng giọng Thanh Thanh Hoa kém dồi dào hơn, nhưng nhờ cách diễn tả cách nhả vuốt thật truyền cam, có một bản sắc độc đáo riêng.

Vào ngày 1.5.75, những nghệ sĩ lớn của kịch giới cải lương có đến chào mừng Ban Chấp Hành Văn Nghệ Sĩ Giải Phóng do Bảo Định Giang, Sáu Chiến, Viễn Phương chủ tọa. Trong dịp đó, Út Bạch Lan và Út Trà Ôn cùng Phượng Liên, Ngọc Giàu mỗi người cầm tờ giấy chép sáu câu Vọng Cổ ca tụng "Cách Mạng", Bác và Đảng của người Cộng Sản.

Trong khóa Bồi Dưỡng Chính Trị, Bảo Định Giang có tuyên bố với các khóa sinh gồm có các văn nghệ sĩ miền Nam phe bại trận rằng - Khi chúng tôi ở Cục R được nghe giọng của các chị Út Bạch Lan, Phượng Liên và Ngọc Giàu. Giọng hát đẹp của các chị đã nung chỉ các anh em bộ đội và chúng tôi. Chúng tôi nghĩ rằng cần phải đánh đuổi Mỹ Ngụy để bảo vệ các giọng hát đẹp ấy. Tuy nhiên, hôm chào mừng Ban Chấp Hành Hội Văn Nghệ Sĩ Giải Phóng, các chị hát sáu câu Vọng Cổ đề cao,

ca ngợi Đảng, tôi e không đúng cách. Muốn ca tụng Đảng là phải dựa thông chủ thuyết Mác Lê, đâu phải là chuyện dễ. Giọng dè dặt của các chị phải hát những lời cổ nhiều chất sống hơn, nghệ thuật hơn những lời ca tụng Đảng nhưng thật khô khan, tư tưởng và sự hiểu biết về Đảng thật còn non nớt quá. Bởi đó, khi nghe chị Út Bạch Lan hát sáu câu Vọng Cổ kia, tôi rất tiếc khi nhớ tới đĩa hát "BỤI MỜ ẮI NHẬN" do chị diễn tấu thật truyền cảm.

Trên sân khấu cải lương, đã có các nghệ sĩ lớn đang thời sắc thính lẫy lừng như Thành Được, Thanh Sang, Thanh Hải, Thanh Nga, Phượng Liên, Ngọc Giàu, nhưng lại thiếu cặp Sóng Thần đã từng làm mưa, làm gió trên sân khấu Dạ Lý Hương là Hùng Cường và Bạch Tuyết. Tôi đem vận sự ấy hỏi nhà văn Cộng Sản Nguyễn Sáng, tác giả "Mùa Gió Chướng" "Bông Tai Cẩm Thạch", "Chiếc Lược Ngà". Anh cho biết:

- Hùng Cường có đến anh Sáu Chiến năm nỉ xin hát trở lại. Hội và Đảng đang còn cửu xét vì anh ta có dính líu với tên Đại Tá Liễu, Tư Lệnh Binh Chung Biệt Động Quân. Còn Bạch Tuyết đã từng tuyên bố trên báo Sóng Thần rằng muốn có hòa bình thật sự phải dội bom xuống Hà Nội...

Hôm đó có mặt Vũ Hạnh, tác giả các quyển: "Vượt Thác", "Bút Máu", "Mùa Xuân Trên Non Cao", một kẻ đã từng "ăn cơm quốc gia, thờ ma Cộng Sản". Anh Vũ Hạnh xen vào:

- Nhà Nước và Đảng cấm Bạch Tuyết hát nghệ trở lại là muốn bảo toàn tính mạng cô ta, vì các anh em bộ đội rất căm phẫn lời tuyên bố trước đây của cô ta, sợ rằng khi cô ta xuất hiện trên sân khấu, họ sẽ liệng lựu đạn giết cô ta chẳng?

Tôi giả bộ ngây thơ hỏi anh Vũ Hạnh:

- Nếu tôi không lầm, bộ đội cũng từng học tập chính trị, có lý nào họ để tâm trước lời tuyên bố của một người dân bà?

Vũ Hạnh cứng họng, lảng qua chuyện khác.

Lại có một giai thoại kỳ thú là kép Hoàng Giang trên sân khấu Thanh Minh, một hôm, lúc đóng tuồng vai người cha dạy dỗ đứa con, anh cao hứng cường ẩu:

- Mày đừng nghe những gì tao nói, mà hãy nhìn vào những gì tao làm...

Đó là câu sửa đổi vài chữ trong câu tuyên bố của Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu hồi đó mà chế độ Đệ Nhị Việt Nam Cộng Hòa là: "Đừng nghe những gì Cộng Sản nói, mà hãy

nhìn những gì Cộng Sản đã làm...". Thế là Hoàng Giang phải đi học tập cải tạo, mất mấy tuần, mặt mày đầy những chấm muỗi đốt vì được học trong phòng giam tối om.

Trong giới nghệ sĩ trình diễn, theo tôi biết chỉ có ba người đi học tập. Một là nghệ sĩ Hương Sắc, đã từng là kép chính anh đoàn Cải Lương Bạch Vân. Anh là anh ruột của nghệ sĩ Hương Huyền và chồng của nữ ca sĩ tân nhạc Trúc Ly. Anh Hương Sắc là Đại Ủy, Trưởng Ban Văn Nghệ ban Hoa Tỉnh Thương thuộc Cục Tâm Lý Chiến. Người thứ hai là nam danh hề Khả Năng, người đã từng đoạt giải Nam Diễn Viên Phụ Xuất Sắc Nhất trong kỳ Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc năm 1974. Anh Khả Năng là Chuẩn Ủy cũng thuộc Cục Tâm Lý Chiến... Người thứ ba là anh Hỷ Vạn, khởi nguyên kịch sinh Trường Quốc Gia Âm Nhạc, đồng khóa với nữ nghệ sĩ thoại kịch Đỗ Anh, anh vốn là Đại Ủy ngành Cảnh Sát Quốc Gia, vẫn phải đi học tập bốn năm chưa về.

Trong giới nghệ sĩ sáng tác lẫn trình diễn còn kháo nhau về một khóa học chính trị cho những người đã từng tham gia trợ cuộc kháng chiến chống Thực Dân Pháp và sau đó nằm vùng cho Cộng Sản trong cuộc chống Mỹ. Về bên kịch giới cải lương có Năm Châu, Bảy Nhiêu, Ba Vân và nữ nghệ sĩ Hai Nữ. Trong cuộc tự phê tự kiểm Năm Châu bị xài xể. Số là Năm Châu đã từng tham gia chống Pháp. Chính ông đã đưa vở kịch thơ "Tây Thi, Gái Nước Việt" của Hoàng Mai Lưu (tức là Hoàng Tân, Mai Văn Bộ và Lưu Hữu Phước) lên sân khấu Việt Kịch Năm Châu, có rạp đèn Hồng Nội Tuyên, Tư Ngoại Tuyên, Cục Lam Quang lộng lẫy, đã đánh dấu một giai đoạn huy hoàng nhất trong giới màn nhung sân khấu. Sau đó, ông còn cho trình diễn một vở kịch tử mật khu đưa ra, phỏng theo một vở kịch Liên Xô do Phong Hòa và Vân Đệ (Vân Đệ tức là nam nghệ sĩ Tám Vân soạn ca khúc. Vở "Người Mặt Cháy" bị phát giác và bị cấm trình diễn dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa do Tổng Thống Ngô Đình Diệm chấp chánh. Sau đó, Năm Châu còn đưa lên sân khấu Việt Kịch Năm Châu vở kịch tuyên truyền "Người Nghèo Trong Khói Lửa" của Phi Vân và cũng bị phát giác, cấm trình diễn nốt. Sau đó, Năm Châu cùng Bảy Nhiêu, Kim Lan, Kim Cúc giao gánh Việt Kịch Năm Châu cho nữ nghệ sĩ Hai Nữ để qua Hồ Đĩnh Kông làm phim "Quan Âm Thị Kính", "Những

"Tấm Lòng Vàng" cho hãng Mỹ Vân. Nhóm Năm Châu, Bảy Nhiêu lại xoay qua chuyển làm các phim Nhật, phim Tàu, và sau hết là phim Ấn Độ cho các hãng Mỹ Vân và Mỹ Phương. Sau nữa, Năm Châu làm đạo diễn cho hãng Mỹ Vân thực hiện các phim cổ tích do Thẩm Thúy Hằng và La Thoại Tân chủ diễn... Tới đây sự hoạt động về sân khấu của ông t h ư a thốt và ông không còn làm công cụ tuyên truyền cho Cộng Sản nữa. Nhưng bà Hai N ữ cùng chồng là nghệ sĩ Năm Thiên đối Việt Kịch Năm Châu thành Phước Chung, đưa giàn đào kép sơn trẻ như Ngọc Đán, Tường Lai, Thanh Kỳ, Thanh Liêm lên đài danh vọng bên cạnh các diễn viên kỳ cựu như Tô Nữ, Hồng Tươi, Kim Đăng, Tử Tâm, Thừa Vĩnh. Sau đó là lượt Lan Chi (Huý Chương Vàng Thanh T ả m 1959), Tấn Ban, Văn Đăng, Thanh Hải (đào Th. Hải chú không phải kép Thanh Hải). Gánh Phước Chung là công cụ tuyên truyền cho Cộng Sản qua hình thức văn nghệ, diễn hình nhất là vở "Nhụy Hoa Lan". Sau đó, vì đứa con cưng của mình bị chết vì bạo bệnh, bà Hai Nữ cho giải tán gánh Phước Chung tại Bãi Xào (Sóc Trăng)...

Dù sao đi nữa, bà Hai Nữ vẫn được t u yên dương công trạng. Riêng Năm Châu bị b a n chủ tịch đoàn khóa chính trị xài xê vì ông để cho vợ ông là nữ nghệ sĩ Kim Cúc đóng vai bà Kỳ trong chương trình "Gia Đình Ông Kỳ" chuyên về tổ cộng trên màn ảnh Tivi. Bảy Nhiêu và Ba Vân thì được đề cao lòng trung kiên hướng về cách mạng. Sau đó, Bảy Nhiêu được chọn làm Cố Vấn cho Hội Văn Nghệ Sĩ Giải Phóng. Trong Cố Vấn Đoàn gồm có cụ Á Nam Trần Tuấn Khải, nhà thơ nữ Ái Lan, nhà thơ Mặc Khải... Còn Ba Vân được cho ra ứng cử quốc hội năm 1976 và đắc cử về vang cùng với nữ nghệ sĩ tiên phong Thanh Loan.

Năm Châu được chọn làm cố vấn cho đ o àn Sài Gòn I bên cạnh nữ nghệ sĩ Phùng Há. Ông có phóng tác tuồng "Nghêu, Sò, Ốc, Hến" đã từng thực hiện thành phim ở Hà Nội. Nếu vợ tuồng này khi thực hiện thành phim lạt lẻo bao nhiêu, thì qua tài chuyển tác của Năm Châu trở nên tuyệt tác về m ặ t trào lộng bấy nhiêu. Vợ tuồng này đã thấp sáng thêm tài nghệ và tên tuổi của Phước Liên, Ngọc Giàu không kém tuồng "Quân Vương và Tôi" như thú miền Nam chưa bị Cộ Sản cưỡng chiếm. Nhưng chỉ trình diễn một tuần vợ này bị dẹp bỏ vì lý do trào lộng dụng

chạm đến đường lối Đảng và Nhà Nước.

Nữ nghệ Kim Cúc bị cấm hành nghề, cũng như nữ nghệ sĩ Năm Sa Đéc. Kể về lĩnh vực trào lộng, trong thập niên 60 và 70, Kim Cúc là nữ trạng hề tài nghệ không thua Túy Hoa, Tường Vi, Bé Bự, Hoàng Vân. Chị Kim Cúc rất điêu luyện về mặt diễn xuất. Chị có t h ư a diễn đủ loại tuồng, đủ loại vai thường, lãng, độc, mũi, mụ... Chính chị đã làm cho tuồng "Tây Thi, Gái Nước Việt" thêm sáng rõ về nét diễn xuất qua vai Tây Thi... Các vợ tuồng đưa chị lên tuyệt đỉnh vinh quang là "Người Điên Khi Biết Yêu", "Gió Ngược Chiều", "Người Mặt Cháy", "Núi Liễu Sông Bã"... Chị là kẻ cùng với Phùng Há đã uốn nắn Thanh Nga về phương diện diễn xuất, tạo cho Thanh Nga một cương vị sáng chói qua các vợ tuồng "Màu Tím Hoa Sim", "Vợ và Tình", "Gió Ngược Chiều"...

Trong giới sân khấu còn có một điều ưu tú nữa là chuyện sơn phấn để hóa trang. Nữ nghệ sĩ Thanh Thanh Hoa cho biết rằng phụ nữ miền Bắc một khi vào Sài Gòn là bỏ tiền ra mua sơn phấn không tiếc của. do đó sơn phấn đã khan hiếm vì không còn được nhập cảng nữa, mà giá thì cứ tăng vùn vụt, lại có chuyện bán chợ đen chợ đỏ nữa... Bởi đó vào giữa năm 1977, trên sân khấu Thanh Thanh Hoa dùng loại sơn phấn d ặ c chế ở Chợ Lớn để hóa trang. Mặt cô n h ư lem luốc, phấn nổi lộn cợn, sơn tô nham nhỡ

Người miền Nam vốn có thành kiến với các nghệ sĩ trình diễn miền Bắc. Họ đã từng đi Liên Xô học về hóa trang, nhưng người miền Nam kháo nhau:

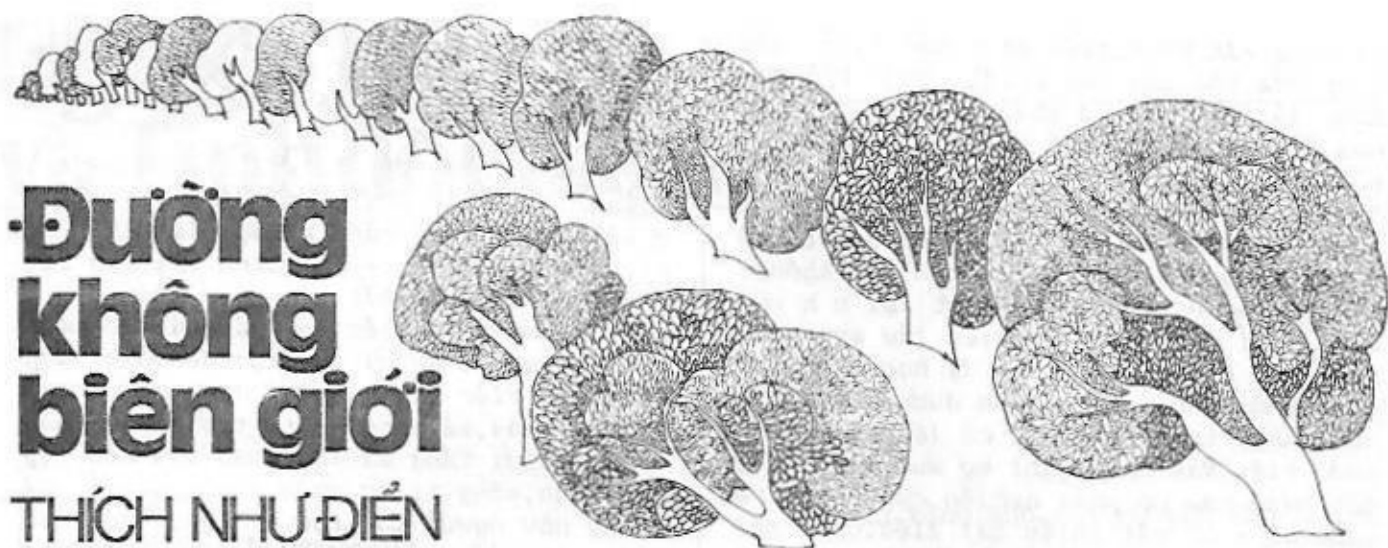
- Tụi nghệ sĩ miền Bắc đánh phấn nổi óc trâu, mặt mày tèm lem. Đứng là mặt kép cáo đào chôn...

Một cô đào cải lương than:

- Lương lậu thì chẳng có bao nhiêu. Sơn phấn thì mắc như vàng. Phen này tui l ấ y với bột quét lên mặt để làm phấn, lấy gạch mài để làm má hồng, rồi lấy huyết heo tô lên môi làm son... cho xong.

(còn nữa)





Đường không biên giới

THÍCH NHƯ ĐIỂN

(kỳ thứ 12)

Lúc còn ở Nhật cũng như khi xa Nhật mỗi khi gặp bạn bè hay người thân thương hay hỏi tôi rằng: "Người Nhật và nước Nhật ra sao?" - Câu trả lời rất đơn giản và được lặp đi lặp lại nhiều lần như sau: "Người Nhật giống như hoa anh đào - có sắc như chạng có hương". Nhiều người bạn Nhật giết mình khi nghe câu trả lời đó và cũng có lắm người Việt Nam trợn mắt bảo tôi rằng "Như vậy làm sao đúng với câu phương ngôn ông bà mình thường hay nói là ăn cơm Tàu ở nhà Tây, lấy vợ Nhật".

Tôi không phủ nhận câu phương ngôn ấy nếu nhìn chung là như vậy. Nhiều người Nhật hỏi người ngoại quốc câu hỏi ấy với mục đích được nghe lời khen tặng, không ai mong mới có một lời phê bình nào. Vì bản tính xã giao của người Nhật đó cũng thường khen ngon, xấu cũng hay khen là đẹp, không biết rằng sau lưng người khác, họ có chê không, thì chính họ biết lấy; chứ trước mắt bất cứ một người khách nào họ vẫn lễ phép lịch sự cả.

Cách đây chừng 8 năm tôi có viết một bài dưới tựa đề là: "Nihon no Watashi no me no shita" - nghĩa là: "Nhật Bản dưới mắt tôi" - đăng trong tạp chí NIHON TOSHO - tiền nhuận bút trả rất hậu; nhưng có lẽ họ phải bóp bụng để đăng bài ấy. Vì tất cả là sự thật. Sự thật như hoa Anh Đào - tượng trưng cho linh hồn của người Nhật. Hoa đẹp vô ngần, mỗi năm chỉ nở một lần và mỗi một lần nở kéo dài suốt một tuần lễ. Trong khi hoa nở không bao giờ có một chiếc lá non chen lẫn vào. Màu sắc thật tươi như á n h

Xuân sang; nhưng tuyệt nhiên không có một loại hoa anh đào nào có mùi hương ngào ngạt cả.

Nếu ép người Nhật vào một câu nói ấy k ể cũng tội cho họ, vì họ còn những đức tính tốt khác mà các dân tộc Á hoặc Âu ít có được. Đó là tinh thần đoàn kết, tôn trọng trên dưới phân minh, chủ tớ không lập lờ. Tôi chê Nhật mà cũng thích Nhật giống như biết rằng ăn khổ qua vẫn đắng; nhưng vẫn muốn dùng khi nhớ đến mùi vị của quê hương. Ngày nay nước Nhật đã đứng ngang hàng với các nước dân anh trên thế giới, chỉ có một điều để hiểu là họ biết thương yêu nhau, đoàn kết lẫn nhau và cố tạo dựng một nước Nhật không còn là một nước nghèo đói sau đệ nhị thế chiến nữa.

Nhật và Đức đã thua Mỹ sau đệ nhị thế chiến mà ngày nay các dân tộc này đã tiến bộ đến đâu, chắc không cần nói ai cũng biết. Trong khi đó - Việt Nam chúng ta - vào thời điểm 75 - người Cộng Sản luôn luôn tự hào rằng họ đã thắng Mỹ - nhưng để làm gì? hay để ngày nay đi ẩn xin trên thế giới? Nhiều người Nhật rất giận Mỹ, căm thù Mỹ nhất là những người bị nạn bom nguyên tử tại hai nơi Hiroshima và Nagasaki. Nhưng cũng có lắm người Nhật ca tụng Mỹ và cảm ơn Mỹ. Có người nói rằng: "Sau đệ nhị thế chiến, nếu không nhờ bo bo của Mỹ thì nước Nhật không có ngày nay". Có lẽ cũng chính nhờ cái nhục nhã thua trận và đói khát đó mà người Nhật đã ý thức được tinh thần đoàn kết, xây dựng quê hương họ. Nếu chẳng may họ giống như dân tộc Việt Nam chúng ta, không biết bây giờ họ đã ra sao rồi?

Ngày xưa khi đặt chân đến Nhật, thấy cái

gì cũng văn minh, tiến bộ - cảm nghĩ đầu tiên của tôi hay của nhiều người Việt Nam khác lúc bấy giờ là phải tìm học những cái hay ấy, thấu thập tinh thần ấy cũng như văn hóa, lịch sử v.v... để mang về quê hương trao đổi kinh nghiệm sống với người quốc nội - Trên bình diện khác có thể được; nhưng bình diện Tôn giáo lại không - hầu như hoàn toàn trái ngược lại như ứng điều nghĩ lúc ban đầu. Nhiều lúc suy đi nghĩ lại không biết mình đi học ở Nhật có đúng không? hay đã đi lầm đường? - Các nước khác trên thế giới có lẽ khác hơn nước Việt Nam nhiều; khi họ muốn đi học ở một nước nào họ phải nghiên cứu nhiều về nước đó - có rất nhiều tài liệu. Còn tại Việt Nam ta thuở bấy giờ hầu như không có một quyển sách nào hướng dẫn về đời sống của người sinh viên Việt Nam và ngày quốc ở tại Nhật cả. Nếu có chẳng đi nữa - lâu lâu có người tốt nghiệp ở Nhật về diễn thuyết một vài lần tại vài nơi ở Sài Gòn rồi đầu lại vào đây. Người nào đi nghe để thì biết còn người nào không đi nghe coi như bị mù. Riêng về lãnh vực Tôn giáo thì lại càng mờ mịt. Trước đó có nhiều vị Thầy Tòa Đại Đức du học Nhật về, làm việc tại Việt Nam; nhưng cũng chẳng hề đá động gì hết - có lẽ quý Thầy ngại viết về sự thật của một nước - mà nước đó quý Thầy đã bao năm đối mặt kinh sử chẳng?

Ở Việt Nam ta có lúc nhiều người báo rằng phong trào Tân Tăng tại Nhật thành hành lắm. Nghe như vậy, chỉ để hiểu như vậy thôi. Khi qua đến Nhật tôi có đề cập với các tu sĩ Nhật Bản về vấn đề này, nhưng ai cũng ngạc nhiên và chữ Shinsò (Tân Tăng) không ai hiểu là gì và trong tự điển của Nhật cũng không có nữa. Vì Phật giáo của họ đâu có người theo phái cũ mà bảo rằng mới! Người Tăng Sĩ Nhật đã lập gia đình, có vợ con từ hồi thế kỷ thứ 13 mà mãi đến nay người Việt Nam vẫn chưa biết, nên mới gọi họ là Tăng mới - chứ thật ra họ không mới họ đã cũ lắm rồi. Ngài Thân Loan Thích Án Nhôn (Shinran Shonin) là Tổng Trưởng của phái Tịnh Độ Chơn Tông (Jodoshinshū) đã có vợ có con từ đời nhà Trần của Việt Nam và kể từ đó các Tăng Sĩ của Tông này đều để quyền lấy vợ. Hỏi ra mới biết nguyên do rằng: Thuở bấy giờ trong Tăng chúng có người muốn tu và có kẻ muốn hoàn tục - Của Thiên hay nào động luôn nên Ngài đã cho phép đệ tử của Ngài lập gia đình như vẫn

tu theo phương pháp tức thân thành Phật. Và chính Ngài cũng đã lấy một vị Công Chúa của Triều đình để làm vợ.

Câu chuyện xưa thật là xưa - gần như là Thần Thoại Nhật Bản; nhưng Việt Nam mình ở kề sát vách mà cũng không biết tích sự gì. Và gần đây nữa - hội Minh Trị Duy Tân (1868) - nhà Vua bắt buộc giới Tăng Sĩ phải có công ăn việc làm và phải có một cuộc sống như người thế tục để đóng góp vào công việc xây nước và dựng nước theo lối Âu Châu, và cũng kể từ thời điểm này tất cả giới Tăng Sĩ Nhật Bản 95% đều lập gia đình, sống trong chùa, sinh con đẻ cái giống như người thế tục - nhưng Việt Nam chúng ta vẫn không biết - chúng tôi tin rằng biết được sự việc trên trước vẫn hơn vì người Tăng Sĩ Việt Nam có dư thì giờ và điều kiện để đối phó với những khó khăn sắp tới. Ai ngờ - khi gặp họ, mình bảo rằng: Tu gì mà lập gia đình sinh con đẻ cái trong chùa coi chẳng giống cái gì hết - thì họ lại bảo rằng: Tu như mấy ông mới kỳ chứ. Tu gì mà không có người nối dõi tông đường thì làm sao ngôi chùa được đứng vững! - Tôi thật buồn cười cho lối lập luận trên. Vì trong một đám người da đen mà bị lột một người da vàng hay da trắng vào - mình cũng trở thành một người lạc hậu thật và ngược lại cũng thế!

Vì thế cho nên ở Nhật không có chế độ phát tâm xuất gia - mà xuất gia như là bổn phận và trách nhiệm để gìn giữ Tông môn mà thôi. Nếu vị sư trụ trì đó có một hay nhiều người con trai, bắt buộc ít nhất là một người phải đi tu mới được. Nếu vị sư trụ trì đó chỉ có một người con gái thì bắt buộc chàng rể kia phải đi tu. Từ sinh ra cho đến khi học hết Trung Học Đệ Nhất Cấp, người con trai ấy có thể học ở bất cứ một trường nào giống như bao nhiêu người Nhật khác; nhưng khi thi vào Đại Học bắt buộc người con trai của vị sư trụ trì ấy phải học phân khoa Phật Học, thuộc Tông phái của ngôi chùa đó. Ở Nhật có 13 Tông và hơn 50 phái. Mỗi Tông có nhiều Đại Học và ngày nay trên toàn cõi nước Nhật có gần 1000 Đại Học thì Phật Giáo đã chiếm hơn 50 cái rồi.

Khi người con trai ấy tốt nghiệp Đại Học - có thể là Cử Nhân, Cao Học hay Tiến Sĩ - phải đi tu luyện khổ hạnh 3 tháng trường

Xem tiếp trang 54

Nghiệp báo và Tịnh độ pháp môn

NGUYỄN VIỆT QUANG

(tiếp theo)

Kính tặng anh chị Nguyễn Hào Nghĩa

3) NIỆM PHẬT, VẮNG SINH

Mỗi A Lại Gia Thức của chúng sinh là một cõi phức tạp của nhiều loại chủng tử lành, dữ lẫn lộn nhau. Theo Thượng Tọa Nhất Hạnh trong quyển "Văn Đề Nhận Thức Trong Duy Thức Học" thì: "Giáo lý Tịnh độ dạy người tín đồ phương pháp trì danh niệm Phật và quán tưởng niệm Phật để huân sinh và huân trưởng những chủng tử Phật vào A Lại Gia bằng âm thanh (trì danh) và hình ảnh (quán tưởng). Âm thanh (tên một đức Phật là Phật A Di Đà) và hình ảnh (hình ảnh đức Phật A Di Đà của ánh sáng hào quang, của thọ mạng vô lượng và của thế giới Cực Lạc thanh tịnh không phiền não) có tác dụng phát sinh và nuôi dưỡng chủng tử thanh tịnh và lần lượt các chủng tử xấu ác, ngăn ngừa sự lớn mạnh của những chủng tử này. Được thâm nhuần chủng tử tốt, A Lại Gia sẽ thanh tịnh hóa dần dần. Đó là điều kiện căn bản để vắng sinh Tịnh độ, tức là điều kiện để tái sinh vào thế giới Công nghiệp tốt đẹp của Phật A Di Đà và của Cộng đồng Liên Trì Hải Hội, trong đó Phật A Di Đà là sư trưởng."

Các chủng tử như đã nói ở phần Công nghiệp là phải đợi cơ duyên chín muồi mới hiện hành. Nếu A Lại Gia được gọi là nghiệp quả thức thì danh tử "Dị Thục Thức" bao gồm ý nghĩa nghiệp quả đã đến thời điểm chín muồi để trào vỡ, đến hiện hành. Đây là lúc chúng sinh phải trả quả báo: được hưởng phước hoặc phải đền tội trong những vụ đầu thai, hoặc nhận chịu những hoàn cảnh tốt, xấu trong kiếp sống hiện tại trong vấn đề Vãng Sinh, theo Thượng Tọa Nhất Hạnh thì: "Sự Vãng Sinh này sẽ được thực hiện theo luật nghiệp báo: A Lại Gia phát hiện quả Dị Thục mới và tham dự vào giới địa mới tức là cõi Cực Lạc của A Di Đà. Vậy thì những ai đang tu Tịnh độ có thể được xem như là đang cùng tạo một Công nghiệp (Công nghiệp Tịnh độ)."

Trung hòa một chủng tử ác bằng một chủng tử lành đối lập rồi chuyển hóa nó thành chủng tử lành, đó là trong phạm vi tạo nhân tốt ở đời sống thường nhật. Niệm Phật và quán tưởng đức Phật A Di Đà tức là ta gieo trồng, huân tập chủng tử thanh tịnh (lành) vào đức bát thức A Lại Gia, vì Phật A Di Đà và cõi Cực Lạc là hiện thân cho sự thanh tịnh mẫu nhiệm, khó nghĩ bàn. Chủng tử thanh tịnh này có công năng phi thường, có thể làm trung hòa và chuyển hóa đủ loại chủng tử phiền não (chủng tử ác). Ở đây cũng cần nên nhấn mạnh là chỉ một chủng tử lành do niệm Phật hoặc do quán tưởng đức Phật A Di Đà thôi mà ta có thể đối trị đủ loại chủng tử ác, khác hẳn trường hợp một chủng tử lành chỉ đối trị có hiệu quả đối với chủng tử ác đối lập mà thôi. Chủng tử thanh tịnh có tác dụng đối lập với đủ loại chủng tử ác (mọi điều ác đều là phiền não, và mọi phiền não đều đối lập với thanh tịnh).

Để soi sáng vấn đề này, chúng ta có thể suy gẫm những thí dụ cụ thể như sau: khítasân
hận

thì ta gieo vào đê bát thức chúng tử sân hận, khi ta hung bạo tức là ta gieo chúng tử hung bạo, khi ta ganh ghét tức là ta gieo chúng tử ganh ghét, khi ta câu chấp tức là ta gieo chúng tử nê chấp. Muốn trung hòa và chuyển hóa sân hận, ta phải huân tập n h i ê u chúng tử tử (metta), và muốn trung hòa và chuyển hóa chúng tử hung bạo ta phải d ù n g nhiều chúng tử Bi (karunā); rồi cứ theo phương pháp đối trị, thì những chúng tử h i (mu -ditā) trung hòa và chuyển hóa chúng tử ganh ghét, và sau hết những chúng tử xả (upek -khā) trung hòa và chuyển hóa chúng tử câu chấp. Nhưng khi ta trì danh niệm Phật hay quán tưởng Phật A Di Đà thì ta huân tập càng lúc càng nhiều chúng tử thanh tịnh vào A Lại Gia thức để rồi chúng sẽ trung hòa và chuyển hóa chẳng những các chúng tử sân hận hung bạo, ganh ghét, câu chấp mà còn đối trị và chuyển hóa trăm nghìn thứ chúng tử ác khác giống như thứ thuốc trị mọi chứng bệnh.

Đứng trên bình diện Duy Thức Học thì việc niệm Phật để cầu Vãng Sinh là một chuyện tất yếu, đương nhiên và hợp lý, không phải huyền hoặc, hư truyền. Chúng tử do niệm Phật cầu Vãng Sinh đã có công năng phi thường như thế nên Thượng Tọa Thích Thiên Tâm trong quyển "Niệm Phật Thập Yếu" đã viết: "Thế thì biết, phải có nhiều căn lành phước đức mới được vãng sinh Cực Lạc. Nhưng nhiều căn lành không chỉ hơn phước Bồ Đề Tâm, nhiều phước đức không chỉ hơn trì danh hiệu; nhiếp tâm niệm Phật giây phút hơn bố thí nhiều năm, chân thật phát lòng Bồ Đề hơn tu hành nhiều kiếp.

Những ai đã gây nghiệp báo ác chống chọi nếu sớm tỉnh ngộ niệm Phật cầu vãng sinh vẫn có thể được đức A Di Đà Phật cùng hai vị Bồ Tát thị giả là Quán Thế Âm và Đại Thế Chí tiếp dẫn về cõi Tây Phương Cực Lạc nếu họ có đủ tín, nguyện, hạnh. Gieo trồng, huân tập các chúng tử thanh tịnh qua công đức trì danh niệm Phật cũng đủ rửa sạch lần lần các ác nghiệp, tiêu diệt đủ loại chúng tử ác rồi. Cõi A Lại Gia thức nhờ đó mà thanh tịnh dần dần đến thời điểm đưa vào Di Thức Thức, và sau hết tương ứng và đồng hóa vào cõi Tịnh Độ.

Giữ niềm tin sâu xa vào sự vãng sinh và chí thiết, thành khẩn nguyện vãng sinh, rồi trì danh niệm Phật A Di Đà không tán loạn, không biếng trễ, như thế ta có đủ điều kiện vãng sinh rồi đây. Trong quyển "Chìa Khóa Học Phật", Thượng Tọa Thích Thanh Từ có viết: "Tụng kinh không loạn tưởng mới đầy đủ phước đức; trì chú, tâm không giao động mới linh nghiệm; niệm Phật nhất tâm mới được vãng sanh; tọa thiền, tâm lặng lẽ mới được c h á n h định". Và theo lời ngài Thiện Tâm thì pháp môn Tịnh độ (niệm Phật) thống nhiếp phần Giáo (tụng kinh), Mật (trì danh hiệu A Di Đà có công năng như một câu thần chú), và Thiền (giữ tâm không tán loạn để vào chính định). Như thế, ta thấy khi ta niệm Phật không tán loạn thì ta có nhiều công đức ở các pháp môn: Giáo, Mật, Thiền... vì một lẽ dễ hiểu là chúng tử do sức niệm Phật từ cơ bản là chúng tử thanh tịnh nếu ta biết nhiếp tâm trong lúc niệm Phật thì ta gieo vào A Lại Gia Thức một chúng tử thanh tịnh nguyện vẹn có một công năng đối trị phi thường đối với các chúng tử phiền não dù mọi hình thức.

Người Phật tử tu pháp môn Tịnh Độ một khi đứng trên bình diện Duy Thức Học không còn vướng mắc vào lưới nghi ngờ nữa. Giữ được đầy đủ tín, nguyện, hạnh thì tới khi lâm chung sẽ được vãng sanh. Gieo chúng tử thanh tịnh vào A Lại Gia Thức để chúng huân tập thêm nhiều, huân sinh thêm những chúng tử thanh tịnh mới, huân trưởng tất cả những chúng tử đó đến một thời điểm chín muồi nào đó, quả cùng nhân tương ứng, A Lại Gia Thức sẽ thanh tịnh như cõi Cực Lạc và đồng hóa vào cõi Cực Lạc, và người tu tập sẽ vãng sinh vào cõi Cực Lạc vậy.



QUAN NIỆM CỦA PHẬT GIÁO

VỀ VẤN ĐỀ HÔN NHÂN

GIỮA NGƯỜI CÙNG VÀ KHÁC ĐẠO

Thích Nhu Điển

Đã từ lâu, có lẽ chưa có kinh sách nào hoặc chưa có Thầy nào đề cập trực tiếp vấn đề trên như hôm nay. Sở dĩ các kinh sách của Phật giáo và quý Thầy không đề cập đến vì có nhiều nguyên do, nhưng nhận thấy gần đây có nhiều người Phật tử gặp nhiều vấn đề khó khăn trong việc hôn nhân giữa người cùng đạo và khác đạo. Do đó chúng tôi cảm thấy có bổn phận phải hướng dẫn những Tân đồ của Phật giáo đi đúng với tinh thần trong giáo lý của Đạo Phật.

- Đối với Đức Phật - Ngài chưa hề khuyến khích chuyện lứa đôi; nhưng Ngài chỉ có dạy bốn phận của vợ đối với chồng, chồng đối với vợ, con cái đối với cha mẹ, cha mẹ đối với con cái v.v... Những điều giáo huấn đó quý vị có thể tìm đọc trong kinh T h iệ n Sanh. Ngoài ra không còn một kinh điển nào đề cập đến cả. Vì Đức Phật quan niệm rằng cuộc đời này là vô thường, thế gian là giả hợp - nhân loại muốn thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi phải mau mau đoạn lìa việc sanh và việc tử. Cho nên việc khuyến khích đi đi đâu thai luân quần trong lục đạo (Trời, Người, A Tu La, Địa Ngục, Ngạ Quỷ và Súc Sanh) tuyệt nhiên không có. Và trong thời Đức Phật tại thế tuyệt nhiên chưa có lần nào Ngài đứng làm chủ lễ cho một đám cưới nào cả. Ngài chỉ có dự lễ đám tang thì nhiều hơn.

- Đối với chư Tăng - là những người được truyền thừa bởi giáo lý của Đức Phật - Việc cưới hỏi của Phật tử không làm trọng mà chuyện quan trọng hơn cả là lúc chết phải cầu nguyện vãng sanh về thế giới khác, để không còn bị luân hồi sinh tử nữa. Ngay cả Đại Thừa hay Tiểu Thừa Phật giáo cũng đều quan niệm như vậy. Nhưng người Việt Nam chúng ta - ở trong cũng như ngoài nước - đa số là Phật tử. Có lẽ vì họ thấy thiếu thốn thế nào đó so với các Đạo khác - có những lễ nghi rằm rộ hơn lúc cưới hỏi, họ bảo rằng Đạo Phật chỉ lo độ tử chứ không độ sinh. Nên mới đề nghị chư Tăng đứng ra chứng minh và làm lễ cưới cho Phật tử. Lời đề nghị đó vô hình chung đã được chư Tăng chấp nhận - chỉ biết từ bao giờ - có lẽ bắt đầu từ thế kỷ 20 - nhất là khi có những đám cưới có tinh cách lai Âu mang vào đất nước Việt Nam của chúng ta. Chư Tăng vì phương tiện độ sanh để dẫn dắt Phật tử đi trên con đường thiện. Điều đó cũng có thể châm chước được. Vì căn cơ của chúng sanh trong thời mạt pháp này như thế nào thì chư Tăng cũng phải phương tiện như vậy thôi.

- Đối với Phật tử - là những người sống tại gia, có bốn phận nuôi dưỡng đức tính của mình, hộ trì Phật pháp và tạo cho được nhiều điều kiện để thoát ly sanh tử luân hồi. Nhưng ngày nay - Phật tử - người hiểu đúng đạo lại ít mà hiểu sai đạo lại nhiều. Thay vì đi chùa, lễ Phật để học những hạnh lành, thì đi chùa phần đông chỉ mong được cái n ấ y hay cái n ọ. Nếu điều yêu cầu của họ không được thì họ sẽ bảo rằng: Đạo Phật chẳng giúp ích gì cho đời cả - rồi tìm cách nói chuyện này qua chuyện nọ, chuyện nọ qua chuyện kia, làm náo động cả của Thiên. Phật tử có nhiều vấn đề khó khăn phức tạp - nhất là chuyện dựng vợ gả chồng cho con cái của họ. Đối với người cùng Đạo thì chẳng có vấn đề gì để nói; nhưng đối với những người khác Đạo thật phức tạp vô cùng.

- Đối với người cùng Đạo. Nếu hai Phật tử là người đã quy y Tam Bảo rồi, hoặc chưa quy y chẳng nữa. Nhân ngày cưới, sắm sửa lễ vật nhang đèn hoa quả đến chùa nhờ Thầy làm lễ chủ nguyện cho hai Phật tử có sự chứng kiến của hai họ. Quý Thầy sẽ tụng kinh, trì chú

đọc lời dạy của Đức Phật theo như trong tinh thần của kinh Thiện Sanh. Sau đó hai nư^g.
đọc lời phật nguyện trước Tam Bảo và sau cùng là lễ trao nhẫn cho nhau.
Sau phần tụng kinh lễ Phật cô dâu chú rể đến lễ ông bà và cảm ơn những người tham dự
cũng như đón nhận những lời chúc tụng hoặc quà cưới và cuối cùng là tiệc trà Đạo vị.

- Đối với người khác Đạo - Đối với Đạo Phật. Đức Phật quan niệm rằng: "Không có sự
phân biệt Tôn giáo và giai cấp, khi trong máu người cùng đổ và nước mắt người cùng mặn"
Lời dạy ấy chứng tỏ rằng: Đối với Ngài hay đối với Đạo Ngài - Ngài không phân biệt
ai cả. Ai tin thì theo Phật, ai không tin Ngài cũng không sao. Câu nói ấy cũng chứng tỏ
rằng: Ngoài Đạo Phật, Ngài còn công nhận nhiều Đạo khác nữa. Trong khi đó những Đ a o
khác có tinh cách cực đoan hơn chỉ biết công nhận Đạo của mình, còn những ai không tin
mình đều là ngoại Đạo cả. Từ đó mới phát sinh ra chuyện khô khan giữa một chàng trai
Phật tử đã quy y Tam Bảo đi yêu một cô gái theo đạo Thiên Chúa. Cuộc tình nào cũng đẹp
nhưng cũng lắm đắng cay. Nếu chỉ có hai người không thì họ đã tự quyết định rồi; nhưng
ngặt còn cha mẹ của hai bên và còn chuyện tương lai của con cái nữa. Có nhiều c u ộc
tình rất đẹp; nhưng đến ngày cưới lại tan vỡ vì bên này không chấp nhận lễ nghi b e n
kia, hoặc bên kia không chấp nhận lễ nghi bên này. Thật ra thì Phật tử chưa hiểu Đ a o
vẫn có người cực đoan, mà con chiên của Chúa cực đoan cũng không phải là ít.
Điều mà người Phật tử phải nhớ là đã quy y Phật, Pháp, Tăng rồi thì dầu cho không gian
và thời gian có thay đổi cũng không được quyền thay đổi đạo của mình. Đối Đạo tức là
đã phạm vào những giới của mình phát nguyện lúc quy y Tam Bảo. Và Phật giáo cũng không
bắt buộc một người nào theo Đạo của mình dưới bất cứ một hình thức nào cả.

Một vị Tăng sĩ có thể đứng ra chủ lễ cho một đám cưới hai Đạo khác nhau; nhưng chúng
tôi đoán chắc rằng một vị Linh Mục Việt Nam không làm điều đó. Vì cho rằng chủ rể hoặc
cô dâu kia là người ngoại đạo. Nhưng đó chỉ là những vị Linh Mục Việt Nam bắt buộc
như thế thôi, còn các Linh Mục Âu Mỹ vẫn khuyến khích Đạo ai nấy giữ - có có đi chăng
nữa là tư hồi xưa - lúc họ còn ít tín đồ - chủ bây giờ có lẽ vì bị sự chống đối của Tín
hữu nên không thấy nói.

Chúng tôi thấy Phật tử của mình bị mất mát quá nhiều; vì một cậu Phật tử đi lấy vợ theo
Thiên Chúa hoặc một cô Phật tử đi lấy chồng theo Thiên Chúa là sự đi chùa của cô hay
cậu đó hoàn toàn trống vắng mà lâu nay quý Thầy không nói có lẽ còn nề tình, hoặc báo
rằng chuyện không đáng. Vì Phật giáo không có chủ trương thu nhận tín đồ cho lắm nhiều
mà chỉ tự nơi tâm thôi.

Nhiều Phật tử có tâm đạo hay nói với chúng tôi rằng: "Nếu chỉ theo Đạo Chúa để l a ý
được vợ thì sau khi lấy vợ xong con phải dẫn vợ về chùa, chứ không đi nhà thờ nữa".
Nhưng thông thường thì đàn ông theo đạo vợ hơi nhiều chứ đàn bà thì ít theo đạo chồ
- có lẽ niềm tin của các ông chồng còn yếu.

Gần đây bên Giáo Hội Thiên Chúa có cho xuất bản bộ giáo luật mới có đề cập đến v a n
đề hôn nhân giữa người khác Đạo. Chúng tôi thấy rằng Giáo Hội Thiên Chúa giáo có cho
tự do kết hôn giữa người khác Đạo (nghĩa là Đạo ai nấy giữ) nhưng đến đời con, cháu phải
theo Đạo Chúa. Chúng tôi nghĩ rằng đó cũng chỉ là tự do trong một giai đoạn ngắn thôi.
Điều quan trọng là ở tương lai chứ hiện tại cũng không có gì đáng nói lắm.

Chúng tôi thấy hơi lạ là bên Đạo Thiên Chúa cứ bắt buộc người khác rửa tội mới được
làm lễ nhà thờ. Trong khi đó Đạo Phật thì không bắt buộc gì cả. Đạo ai nấy giữ. Nếu c ú
tình trạng này thì con chiên của Chúa cứ tăng dần mà Phật tử càng ngày càng ít. N e n
chúng tôi có một số ý kiến như sau:

- Việc viết lên bài này không nhằm để kích giữa Tôn giáo này hay Tôn giáo khác m à
chỉ nhằm mục đích nói rõ, nói thẳng cho người Phật tử cũng như con chiên của Chúa hiểu
được Đạo là gì - theo một Tôn giáo không phải là thay cái áo cũ mặc cái áo mới, mà
theo một Tôn giáo là trọn đời của mình phải phục vụ cho một niềm tin cao thượng, giải
thoát - chứ không phải theo một Tôn giáo để lấy vợ hoặc chồng rồi lại thôi k h ông
theo nữa.

- Chúng tôi thấy có nhiều gia đình sống không có hạnh phúc với nhau vì khác Đạo. Nên chúng tôi khuyên những vị sắp lập gia đình nên tìm những người cùng Tôn giáo để' lâu lâu vẫn hơn là khác Tôn giáo. Vì con cái của quý vị sẽ khổ' số, không biết nên theo Đạo của cha hay Đạo của mẹ. Người Phật giáo luôn luôn quan niệm rằng Đạo nào cũng tốt; nhg cuối cùng người Phật tử' để' bị đồng hoá trở thành con chiên của Chúa hơn là con chiên của Chúa trở' thành Phật tử'.

- Chúng tôi cũng đề nghị với quý vị Linh Mục Việt Nam rằng: "Không nên bắt buộc nhg người Phật tử' phải bỏ Đạo Phật để' theo Đạo Chúa. Vì điều đó Chúa cũng không dạy mà Phật cũng không muốn."

Chúng tôi chỉ trình bày sơ lược một số vấn đề có liên quan về việc hôn nhân giữa ngr: cùng Đạo và khác Đạo. Hy vọng sẽ nhận đợc những ý kiến đóng góp tích cực của những bậc Tôn Túc, quý vị lãnh đạo tinh thần giữa Phật giáo cũng như Thiên Chúa giáo.



VIETNAM LADEN TUNG HUONG



MÜNCHEN

Schwanthalerstr. 63 (Eingang Paul-Heyse Str.)

T. (089) 533298

THỰC PHẨM - SÁCH BÁO - BANG NHẠC

--- LỜI BẠN YÊU QUAY TRỞ LẠI ĐẾN PHỤC THỔ ---

- Bày đủ các loại thực phẩm khô và đóng hộp
- Nhiều thủ rou tươi
- Đồ ăn điện, lẩu điện, gỏi lúp v.v...
- Đồ mỹ nghệ 1-Châu lán quà cho bạn bè Việt-Liên và ngoại quốc
- Băng nhạc, tuyển tập nhạc
- Tủ sách gia đình, sách văn học, sách lý thuyết nấu ăn, kiến trúc, tiểu thuyết v.v...
- Nhiều loại tự điển hữu ích (Đức-Việt, Việt-Đức, Anh, Pháp v.v...)



BẢN ĐỒ HƯỚNG DẪN
CỬA TIỆM **Tung Hường**

- Đi xe U-Bahn, U-Bahn xuống trạm Schwanthalerhof (đi bộ chừng 5 phút tới tiệm).
- Đi xe điện số 14, 19, 29 và xe bus số 50, xuống trạm Holzkirchen Bahnhof (đi bộ chừng 2 phút tới tiệm).

Vu Lan và những đóa hồng từ Sikiw Thái Lan

Khuu Ban Lãm

Giữa những cơn mưa rào thường trực, làm băng giá thêm nỗi thê lương của những người Việt Nam xa xứ. Mùa Vu Lan Phật Lịch 2527 đến với trại tị nạn Sikiw như một bệp lễ u' a hồng sưởi ấm những tâm hồn bơ vơ, lạc lõng của những người Phật tử Việt Nam mất nước.

Trong hoàn cảnh của vòng rào kẽm gai chằng chịt vây hãm, hơn 6000 Phật tử Việt Nam nhất tâm, gắn bó lòng mình với Phật sự, lo tổ chức ngày rằm tháng bảy xá tội vong nhân

LÁ LÀNH ĐÙM LÁ RÁCH

Trên loa phóng thanh - Tiếng nói của Cộng đồng người Việt tị nạn trại Sikiw, vừa thông báo đến đồng bào một tin đại hỉ: "Danh ca Cao Thái vừa trao cho Trại số tiền 2000 Dollars". Đây là số tiền quyên góp của Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam hải ngoại gửi tặng. Trong hoàn cảnh bi thương, chật vật khó khăn này, mà lá lành đùm lá rách, thật không có gì cảm động tha thiết cho bằng. Nhất là trong mùa Vu Lan - Mùa của hiếu đễ và tri ân. 2000 dollars cho tị lệ 10000 người không phải là nhiều, nhưng tâm tình của người đi trước đối với kẻ đến sau bằng bạc gói trọn một mối thâm sâu chỉ thiết vô cùng.

NIỀM ẬU LO

Trong những ngày trước đó, chư tăng Phật tử ở trại đều chung một nỗi ưu tư. Tất cả cùng một ý nghĩ, âu lo cho ngày Vu Lan đến trong nỗi thiếu thốn, cơ cực căn bản của người tị nạn.

2000 dollars của Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam hải ngoại gửi đến, như một chùm hoa tươi mát, rọi chiếu vào nỗi khắc khoải của những tâm hồn Phật tử Việt Nam ở trại. Tất cả như bừng lên một niềm tin bởi sự hiện diện trợ giúp của món quà quý giá này. Mỗi cành hoa là mỗi giọt nghĩa ân chúa chan tình dân tộc, đầy nhân duyên đạo pháp. Ít mà nhiều, nhiều mà ít. Trong tinh thần hủ vô, vô hữu. 6000 Phật tử Việt Nam ở trại xin gửi lời tri ân đến Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam hải ngoại, đã gom lại ngọn lửa tâm tình gửi đến đây làm rục chảy, dịu dàng và ấm cúng cho ngôi chùa bé nhỏ Sikiw được bừng lên trong mùa Vu Lan, thiếu đốt mọi nhân dục thế gian của những ngàn năm trước đã tụ kết trong chén cơm hiếu nghĩa Đức Mục Kiên Liên.

CHIA XẺ CƠM AÓ

Anh Tr. K. Thanh trong ban đại diện chùa Sikiw cô cho chúng tôi biết: Số tiền 2000 dollars tương đương với 45000 Baht tiền Thái. Cộng đồng tị nạn Trại quyết định dành 10000 Baht cho một buổi chiếu phim để đồng bào giải trí (đây là phương tiện duy nhất cho đồng bào ở trại lãng quên được nỗi thống khổ của đời người tị nạn). 30000 Baht mua quà tặng cho đồng bào nghèo khổ và cô hoàn cảnh bi đát trong cuộc sống; phần còn lại dành tổ chức cho buổi lễ Vu Lan ở chùa.

CÁNH HỒNG VÀ LÒNG HIẾU NGHĨA

Từ chiều ngày 14.7 âm lịch. Đồng bào Phật tử Trại đã đến viếng chùa và lễ Phật. Trầm hương nghi ngút, quỳn trong cõi bao la của trời đất là những tiếng kinh cầu. Màu áo

vàng chen lẫn màu áo nâu sồng, cánh sen trộn lẫn trong cánh hồng. Tình người dính liền với Bi-Trí-Dũng của đạo pháp. Muôn lòng như một, hướng tâm mình về quê hương. Ở đó, dân tộc, mẹ cha, anh chị đang bị trầm luân trong sắt máu của bọn vô thần.

Ngoài những nghi thức tôn giáo: cầu an, cầu siêu, sám hối. Còn nổi bật lên trong n g ày lễ là những cánh hoa hồng, đỏ, trắng; cài lên màu áo đơn sơ của những người Việt lyhương lưu đầy bất hạnh.

Tôi có người Mẹ
Tuổi già non thế kỷ
Lưng cong uốn mãi kiếp long đong
Nắng mưa từ buổi tang chồng
Tơ tằm rút mãi cho lòng héo sâu
Mẹ già lệ ước thâm bầu
Tóc đen hóa trắng vì sầu xa con.

Chen trong những cánh hồng hiếu nghĩa là những bé thơ. Hàng trăm em tung tăng, rạo rỡ với đôi mắt đen nhánh, trên tay nặng gói quà của nhà chùa trao tặng (trích ra từ số tiền của Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam hải ngoại). Nhìn những bước đi vội vã ngây thơ của các em - Với những gói quà áp sát vào ngực - Nhiều Phật tử cũng rưng rưng đôi mắt buồn. Đó là những bậc cha mẹ vì hoàn cảnh ra đi mà không theo được con cái mình.

PHẦN KẾT

Bài Kinh - Ca Mục Kiên Liên hiếu tử - từ chùa vọng ra và lan rộng vào khoảng khê bao la của trại dẫn mọi người về với cội nguồn dân tộc, những luyện thương mẫu tử, t h ã n sinh. Đêm Vu Lan ở trại, rục ánh đèn. Thầy Thích Minh Pháp và chư tăng, dù dằng dấp mỗi một sau nhiều ngày hành lễ liên tục, nhưng vẫn còn quý trước bệ Phật hướng dẫn chúng sinh cầu kinh chiếu hồn thập loại. Giữa cái mênh mông của đất trời, cái hư vô của kiếp người, 6000 Phật tử Việt Nam tị nạn lắng chìm lòng mình vào đường Đạo. Dù ở đây hay ở đâu, trong mùa đại lễ này mọi người đều vọng nguyện. Một ngày về Quê Hương và phục danh ĐAO Pháp.

SIKIW 1983



Fortsetzung von Seite 36

Quang, irgendwie müssen wir einen Weg finden, jedem Sozialarbeiter einen Tag der Achtsamkeit zu ermöglichen. Einmal wöchentlich ein solcher Tag ist entscheidend. Sein Einfluß auf die anderen Tage der Woche ist unermesslich. Vor zehn Jahren waren Chu Van und unsere anderen Schwestern und Brüder im Tiệp-Hiễn-Orden dank eines solchen Tages der Achtsamkeit in der Lage, sich durch viele schwierige Zeiten zu manövrieren. Wenn Du nur drei Monate

lang einen solchen Tag der Achtsamkeit einmal pro Woche einhältst, so wirst Du, das weiß ich, eine bedeutsame Veränderung in Deinem Leben feststellen. Der Tag der Achtsamkeit wird anfangen, die anderen Tage der Woche zu durchdringen, und er wird Dich schließlich befähigen, sieben Tage der Woche in Achtsamkeit zu leben. Ich bin davon überzeugt, daß Du mit mir über die Wichtigkeit des Tages der Achtsamkeit einer Meinung bist.

(Fortsetzung folgt)

Hạnh phúc của Thi

Yên Nữ Hiền Thùy

(tiếp theo)

Sau khi kể xong cô Ôm Thảo vừa khóc vừa nói: "Bây giờ ông bà Nội đã già yếu, cô thì còn đi học đâu làm gì có tiền để báo bọc Thảo. Cô có một người bạn thân hiện nay làm huynh trưởng trong một cô nhi viện. Cô định gọi Thảo vào trong đó ở với các bạn đồng lứa Thảo chịu không?" Chứ Cô vào trước hè năm sau mới về, ở nhà với dì Thu làm sao Thảo chịu dòn roi cho nổi. Thảo bướng lòng. Cô Út bèn đem việc này thưa lại với ông bà Nội, bà Nội và Ba chấp nhận ý kiến của Cô Út. Trước khi đi Thảo xin Ba được trở về nhà thăm Dì Thu và tứ giả các em.

Xe ngừng lại trước cổng, Cu Tuấn và Bé Nga chạy ra mừng: "A! Chị Thảo mới về". Thảo xa nhà đã hơn hai tháng, nay về lại Thảo sung sướng ôm hai em vào lòng. Nghe tiếng ồn ào Dì Thu chạy ra xem. Thảo đến trước mặt Dì vòng tay lại và nói: "Thưa Dì, hôm nay Cô Út Hiền đưa con vào cô nhi viện". Nói đến đây Thảo không cầm được hai hàng nước mắt tuông dài! Thảo run run nói tiếp: "Trước khi ra đi con xin Cô Út đưa con về đây tứ giả hai em!" Nhưng lời nói kia của Thảo không run cảm được con người sắt thép đó. Bằng một giọng mỉa mai Dì đáp: "Thôi, con đi mạnh giỏi" và tiễn Thảo ra cổng mặc cho hai con Dì gào khóc.

Thảo vào đây đã hơn ba năm qua. Ở đây Thảo được đi học, ăn uống tử tế dàng hoàng, mọi người yêu mến Thảo chứ không như ở nhà. Dù vậy thỉnh thoảng Thảo cũng buồn nhớ nhà, nhớ Ba, ông bà Nội, Cô Út Hiền, em Nga, cu Tuấn. Thảo nhớ luôn cả Dì Thu dù Dì không yêu thương Thảo. Các anh chị trong gia đình Phật tử đối xử với các em như ruột thịt, chăm sóc thường yêu từng đứa một chẳng bỏ rơi ai. Thi nhìn Thảo và nói: "Các anh chị hiền quá Thảo nhỉ?" Thảo nói tiếp: "Thì biết không? Những huynh trưởng cũng như đoàn sinh ở đây đều xuất thân trong các cô nhi viện đó, mỗi người gặp một hoàn cảnh khác nhau. Như chị Mỹ Liên cũng mồ côi cha mẹ từ thuở nhỏ, người ta đem chị gởi vào đây. Chị lớn lên trong sự giáo huấn chăm sóc của trại, và bây giờ chị tiếp tục chăm nom lại những em khác. Anh Lâm cũng vậy đó. Thi thấy tội nghiệp cho Thảo, bèn hỏi: "Này Thảo! Ba Thảo có thương đến thăm Thảo không?" Thảo thông thả nhìn Thi và trả lời: "Có chứ! lâu lâu Ba đến thăm và mua quà cho Thảo cả Cô Út cũng đến đây chơi với Thảo những ngày Cô về hè..."

Mặt trời đã đứng bóng, thôi chúng ta vào rửa tay ăn cơm trưa Thi ạ! Sắp đến giờ rồi đó thời giờ trôi qua nhanh quá Thi nhỉ! Thế là chiều nay chúng ta phải chia tay. Khi ông biết hè năm tới Thi có đến chơi nữa không? Thi cười đáp: "Thì không biết nữa Thảo ạ! Nói đến đây, ba tiếng còi tập họp được thổi lên. Các oanh vũ xếp thành hàng đôi để chờ nhận phần cơm trưa của mình. Thi đang đứng bên Thảo bỗng nghe Bích Thuyền gọi vang: "Thi ơi! Thi à!" Tiếng gọi vừa dứt Bích Thuyền đã trông thấy Thi, nó nhận ra cạnh bạn mình có người bạn mới. Bích Thuyền không nói gì thêm, nó lặng lẽ đi ra phía sau xếp hàng. Thi thấy vẻ mặt của Thuyền không vui khi thấy mình đứng với Thanh Thảo. Thi thầm nghĩ: "Đành chịu vậy! Chắc là Thuyền nó giận mình rồi..."

Cơm trưa xong chị V. phát loa nói: "Các em trong gia đình CG chuẩn bị đồ đạc để về, xe

sắp đến". Thế là Thi, Thảo nhìn nhau buồn 5 phút! Đúng 2 giờ xe đến, anh D. ra hiệu cho các em tuân tự lên xe ngồi vào chỗ của mình. Đầu đó xong xuôi, xe tứ tứ chuyển bánh ra khỏi sân cỏ nhi viện. Thảo rưng rưng nước mắt trông theo đoàn xe, nó giờ bàn tay bồng vẫy chào Thi... Ra khỏi cổng, xe bắt đầu vọt nhanh bóng Thảo khuất dần... khuất dần sau rừng tre xanh...

Xe chạy thẳng ra xa lộ. Trời về chiều, gió thổi hây hây mát khiến cho các oanh vũ mệt nhoài và ngủ gục trên vai bạn. Thấy các em có vẻ mệt mỏi không hào hứng như lúc khởi hành. Anh D. phát loa hỏi: "Các em đi chơi có vui không?". Tức thì cả bọn đồng thanh trả lời anh D. "Vui lắm". Chị V. tiếp lời các em: "Thôi bây giờ để phá tan bầu không khí mệt mỏi của các em V. đề nghị anh D. kể vài mẩu chuyện vui cho các em nghe". Chị V. vừa dứt lời cả bốn đội oanh vũ của mình thức giấc nghe chị V. nói chúng liền tiếp hỏi: "Đúng rồi! Anh D. kể chuyện vui cho tụi em nghe đi". Anh D. nhìn chị V. cười nói: "Thôi được, để đáp lại nhu cầu của chị V. và các em. Anh sẽ kể chuyện Thái tử Chu Ngột cho các em nghe nhé...". Anh bắt đầu vào chuyện...

Thuở xưa, có một ông vua rất hiền từ nhân đức tên là Ma Ha Xa Cửu Lợi. Vua này thống trị năm trăm cõi nước nhỏ và có đến năm trăm vị phu nhân, nhưng chưa bà nào hạ sinh cho ông được một hoàng nam. Nhà vua lấy làm buồn bã tự nghĩ rằng: "Tuổi ta nay đã cao lại không có con để kế vị, nếu một sớm ta băng hà thì lấy ai bảo tồn chính thể của quốc gia trị vì thiên hạ. Tất nhiên trong nước sẽ có sự thi nhau tranh giành ngôi báu tàn sát lẫn nhau nhân dân sẽ lâm cảnh khốn khổ nguy ngập". Nghĩ như thế rồi ngài chưa biết giải quyết ra sao? nên lúc nào ngài cũng âu sầu buồn bã!...

Vua Đế Thích trên thiên cung biết được sự lo lắng của nhà vua như thế, liền từ trên trời bay xuống hóa làm một ông thầy thuốc đến vương cung xin vào yết kiến vua, và hỏi ngay ý nghĩ lo buồn của nhà vua. Thấy vậy, ngài mới bày tỏ thật những ý nghĩ của lòng mình với ông thầy thuốc rõ. Nghe xong ông trả lời rằng: "Xin bệ hạ chớ lo! để tôi đi vào núi tuyết lấy thuốc cho các vị phu nhân của Bệ Hạ uống vào sẽ có thai". Nhà vua nghe nói tâm buồn đã vơi đi phần nào, và bảo thầy thuốc rằng: "Thưa Ngài! nếu được như thế còn gì hay hơn nữa". Thấy thuốc tử biệt lên đường vào núi. Ít ngày sau ông trở về mang theo rất nhiều dược thảo dâng lên nhà vua, bạch rằng: "Tâu Bệ Hạ! đây là một loại thuốc quý mà kẻ thường dân không làm sao có được vì nó rất quý và hiếm có lắm. Bệ Hạ nên cẩn thận giao cho người nấu với sữa dùng sẽ có hiệu nghiệm". Nói rồi vua chào ra về, vua hỏi: "Thưa Ngài thuốc này sẽ lấy bao nhiêu tiền?" Đáp: "Tâu Bệ Hạ, việc này tôi xin giúp Bệ Hạ chứ không lấy tiền, nói xong ẩn hình biến mất, nhà vua thầm nghĩ: "Người này là thần nhân ủng hộ có lẽ hay lắm sẽ mang lại kết quả tốt cho ta". Sau khi Đế Thích về, nhà vua sai người lấy sữa nấu lẫn với thuốc, dâng bà Đế nhất Phu nhân uống. Song bà chê bán và không tin, nên không chịu uống thuốc đó. Các bà Tiểu Phu nhân bèn chia nhau uống hết quả nhiên được ít lâu các bà ấy đều thụ thai, và đem sự kết quả uống thuốc trình cho bà lớn hay. Nghe xong, bà lớn có ý hối hận hỏi: "Thuốc ấy có còn thừa chút nào không?" Các bà đáp: "Thưa bà! hết cả!". Bà lớn hỏi tiếp: "Vậy các thứ dược thảo có còn không?". Các bà đáp: "Thưa bà hãy còn một ít!". Bà Đại Phu nhân sai người lấy sữa nấu thuốc dùng được ít lâu thấy có thai, bà vui mừng thầm mừng dạ và cũng không nói cho các bà biết.

Các bà Tiểu Phu nhân đây tháng đều sinh con trai, nhan tướng khôi ngô tuấn tú nhà vua rất sung sướng! Vì các bà đã sanh nhiều quý tử. Nhưng vua vẫn áy náy trong lòng, là vì Đại Phu nhân chưa có con!! Một thời gian sau trăng tròn nguyệt mãn, bà Đại Phu nhân sinh được một hoàng nam. Nhưng rất buồn thay cho bà, cậu con trai của bà xấu quá mặt mũi xù xì như hình quỷ sứ! Bà buồn khổ đặt tên là Đa La Hậu Đa. Tàu dịch là Chu Ngột hoàng hậu giao Thái tử cho người vú già nuôi nấng ở một nơi kín và không cho ai biết

Từ đó trở đi trong nước vẫn thanh bình nhân dân an lạc. Sau khi các Thái tử trưởng thành nhà vua đều cưới vợ cho con, duy Chu Ngột vì xấu quá nên không được nhà vua để ý tới. Bấy giờ nước bên cạnh có sự bất bình với vua Ma Ha Xa Cửu Lợi mang binh tiến sang để khởi chiến. Bốn trăm bốn mươi chín Vương tử kia mang quân ra chống cự, song bị

thất bại chạy về. Chu Ngột thấy thế hỏi: "Hôm nay các anh chiến đấu thắng hay bại coi có vẻ sợ hãi thế?". Các anh đáp lời Chu Ngột: "Hôm nay bọn ta chiến đấu bất lợi, giặc đuổi lui!". Chu Ngột nói: "Các anh chớ lo tôi sẽ đánh đuổi cho bằng hết. Tổ tiên chúng ta trước làm Chuyên Luân Thánh Vương còn để lại trong Thiên Tự một cái cung lớn và 1 cái bói. Tôi sẽ dùng hai bảo vật ấy mà đánh đuổi giặc nhất định phải chiến thắng. Chu Ngột vào Thiên tự lấy cung và bói đem ra giường thư' tiếng kêu như sấm, vang xabôm' mới dậm. Rồi một mình ra đi, khi tới chỗ giặc đóng quân, Chu Ngột cầm bói thổi tiếng v a ng như sét đánh, giặc nghe sợ kinh hồn chạy tán loạn và rút về nước. Khi dẹp yên được quân địch xong trở về nhà vua và quần thần văn võ bá quan ra đón chào về cung. Từ đó C h u Ngột mới được sự yêu dãi của Vương phụ.

Sau cuộc ăn mừng chiến thắng nhà vua nghĩ đến việc thành gia thất cho Thái Tử, nhưng cũng khó tính cho Ngài vì Thái Tử quá xấu. Thời đó có vua nước láng giềng có 1 người Công Chúa rất xinh đẹp nhưng chưa lấy chồng nàng tên là Đào Liên Thanh. Một hôm n h à vua cho gọi quan Đại thần vào châu và phán rằng: "Vua láng giềng nước ta có một Công Chúa ta nghe chưa lấy chồng nên ta muốn nhờ người sang xin đẹp duyên cùng Thái Tử Chu Ngột". Nhưng nếu nhà vua có hỏi đến tướng mạo của Thái Tử thì người coi tướng của anh Thái Tử mà diễn tả bộ dạng cho biết. Đại thần vâng lệnh ra đi, sang tới nơi lên tâu vua rằng: "Tâu Bệ Hạ! Tôi là sứ thần của vua Ma Ha Xà Cửu Lợi vâng lệnh sang đây, xin B ệ Hạ cho Thái Tử Chu Ngột được gả duyên cùng Công Chúa". Nhà vua hỏi: "Thái Tử bao nhiêu tuổi? Hình dáng thế nào? Học văn ra sao?" Đáp: "Thái Tử năm nay vừa đôi tám tướng ng. đẹp dễ sức lực hùng mạnh trí óc thông minh". Nhà vua rất đẹp lòng gật đầu nói: "N h à người về tâu vua; ta đồng ý gả Công Chúa cho Thái Tử".

Đại thần về tâu vua sự thỏa thuận của Quốc Vương láng giềng hứa gả Công Chúa cho Thái Tử. Nhà vua rất hoan hi! Sai người sửa soạn lễ vật đính lễ nghinh hôn, cuộc lễ này diễn ra cũng rất buồn cười là vì chú rể mù! Khi về đến Hoàng cung yến tiệc rất linh đình mọi người vui vẻ ca hát mừng đôi loan phượng. Nhưng có một diễm lạ Công Chúa khi về tới Hoàng cung không nhìn thấy mặt chồng. Nhà vua dặn Chu Ngột ban ngày chớ để vợ n h ì n thấy mặt. Theo lời Vương phụ chỉ dạy, cứ khuya tối im lặng, Chu Ngột đến vui thú c ù ng vợ...

Chu Ngột đến Công Chúa hỏi: "Lúc ban ngày anh đi đâu không thấy?". Đáp: "Ban ngày anh phải đem quân ra trấn các cửa ải, hồi này nước ngoài luôn luôn đem quân sang xâm lược nước nhà, anh đều đẩy lui được bọn chúng, nên mới có trọng thưởng của nhà vua...

(còn tiếp)



Trang Giáo lý GDPT Bậc Chánh Thiện

(tiếp theo)

B/ SỰ LIÊN LẠC GIỮA GIỚI ĐỊNH VÀ HUỆ

1) Do Giới sanh Định, phát Huệ do trí giới mà thân tâm không loạn động; thân tâm không loạn động, tâm trí không theo các duyên nên được định; do loạn duyên dấy sạch trí huệ được phát chiếu thấy rõ sự thật. Ví dụ :

Do 3 nghiệp thân khẩu ý không làm các điều ác (giới) thì tâm được trong sạch an lặng (Định); tâm được đứng lặng thì trí chiếu vạn vật (Huệ).

2) Giới Định Huệ đều tương trợ, tương duyên. - Muốn có Định phải giữ Giới, muốn có Huệ phải tu Định, nhưng muốn giữ Giới cho đúng phải Huệ soi sáng. Có nhờ Huệ soi sáng, mới rõ sự lợi ích của Giới để giữ gìn, nhưng giữ Giới cần phải có Định, vì tâm lý tán loạn thì không thể kiên trì Giới luật. Lại Huệ cũng phải nhờ Giới thân tâm mới thanh tịnh, thân tâm có thanh tịnh thì trí Huệ mới chiếu sáng.

3) Giới Định Huệ đều dung nhiếp, t h ể nhập cùng nhau. - Trong Giới đủ cả Định Huệ, nên người giữ Giới hoàn toàn thì Định lực rất mạnh liệt, trí Huệ được phát chiếu Trong Định đã có Giới và Huệ nên người tu Định hoàn toàn thì thân tâm được hòa an toàn thanh tịnh (Định cộng Giới) và phát chiếu được sự thật (Huệ): trong Huệ có đủ Giới và Định nên người tu Huệ hoàn toàn thì soi sáng được sự vật, thân tâm ngoại cảnh đều tiêu trừ, đều thanh tịnh (Huệ cộng Giới tức là Đạo cộng Giới) và an tịnh vắng lặng (Định).

C/ CÔNG NĂNG VÀ SỰ QUAN HỆ CỦA GIỚI ĐỊNH HUỆ

1) Giới Định Huệ là ba môn học căn bản đưa đến Niết bàn an tịnh, thoát khỏi luân hồi, không còn sống chết trong 3 cõi.

2) Giới Định Huệ là nguyên tắc căn bản

của giác ngộ và giải thoát. Nghĩa là yếu kiện cội gốc của giác ngộ và giải thoát, ngoài Giới Định Huệ không thể giác ngộ và giải thoát.

3) Giới Định Huệ là con đường, là phương pháp duy nhất của chư Phật. Tất cả các Đức Phật đều áp dụng phương pháp Giới Định Huệ trong sự tu hành chứng quả.

4) Giới Định Huệ áp dụng trong tất cả pháp môn của Phật dạy như trong 8 Chánh Đạo (bát Chánh Đạo) chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn thuộc về Giới, chánh niệm, chánh định thuộc về Định, chánh tư duy, chánh tri kiến thuộc về Huệ.

Trong pháp môn 6 độ, bố thí, trì giới, tinh tấn thuộc về Giới, nhân nhục thuyến định thuộc về Định và trí huệ thuộc về Huệ.

Trong pháp môn niệm Phật, thân tâm thanh tịnh là Giới; tâm trí chuyên chú vào Phật vào Kinh là Định, hiểu rõ nghĩa kinh, chứng rõ sự thật là Huệ.

IV.- SỰ THẬT HÀNH GIỚI ĐỊNH HUỆ TRONG ĐỜI TU HÀNH CỦA ĐỨC PHẬT THÍCH CA

Đời Ngài từ khi xuất gia cho đến thành đạo trải qua 3 giai đoạn:

GIỚI. - Ngài thiết hạnh theo giới từ khi Ngài rời bỏ thành Ca tỳ la vệ, lánh xa tiên tài, danh vọng, sắc dục, khát, thực, tu hành khổ hạnh luôn trong 6 năm.

ĐỊNH. - Ngài ngồi dưới gốc cây trơ 49 ngày vận tướng nội tâm, chuyên chú một cảnh, tu thuyên nhập định.

HUỆ. - Đến ngày Ngài thành đạo, trí huệ chói sáng, Ngài chứng được Thiên nhãn minh soi rõ mọi vật, chứng Túc mạng minh biết hết

tất cả kiếp trước của mình của người, chúng
lâu tận mình dứt sạch nguồn gốc mê
lầm thành bậc Đại giác.

V.- SỰ ÁP DỤNG GIỚI ĐỊNH HUỆ TRONG ĐỜI SỐNG CỦA MỘT PHẬT TU

Phật tử muốn tiến trên đường Đạo, muốn được Giác ngộ và Giải thoát phải luôn luôn áp dụng phương pháp Giới Định Huệ trong đời sống hàng ngày của mình, không được xao lãng, gián đoạn.

1) Phật tử giữ giới tự mình đã lãnh thọ, làm những việc lành và giúp đỡ người khác chúng sanh (giới) như một người tại gia phải giữ 5 giới làm 10 điều thiện và tập thực hành 4 Nhiếp pháp và 6 Ba La Mật.

2) Định : Phật tử tu định bằng cách tập Sô tức, thiền định, niệm Phật để tăng trưởng định lực, đào thải vọng d u y ê n chuyên chú vào một cảnh.

3) Huệ : Phật tử luôn luôn học hỏi Phật pháp (Văn Huệ) suy nghĩ chánh pháp nghiên tâm sự vật (Tu Huệ) và hành trì pháp môn Phật dạy để hiểu được thực tánh sự vật (Tu Huệ).

VI.- KẾT LUẬN

Chủ đích của Phật là muốn toàn thể chúng sanh giác ngộ được sự thật, sống tự tại và giải thoát; muốn vậy cần phải hành trì. Nguyên tắc chính của tất cả sự hành trì là Giới Định Huệ nên tăng căn bản của giải thoát và giác ngộ. Vậy một Phật tử phải đặc biệt chú trọng đến sự thật hành. Và phải nhận rõ rằng chỉ có sự hành trì theo đúng nguyên tắc căn bản là Giới Định Huệ mới đưa đến mục đích giải thoát và giác ngộ của Đạo Phật.

Tiếp theo trang 42

Ba tháng nầy gọi là Aragyo như Tông Nhật Liên vẫn thường gọi - 3 tháng lạnh nhất trong năm - người tu khổ hạnh không được cạo tóc râu, mỗi ngày tắm nước lạnh sáu lần, tụng kinh, ngồi Thiền 6 giờ. Ăn cơm 1 lần và ăn cháo 2 lần. Có nhiều người theo không nổi bị bệnh nặng giữa đường thì phải chờ năm khác hoặc có khi cũng có

người chết vì cơ thể quá yếu đuối. Nhưng nếu không trải qua giai đoạn tu hành cam go này thì không thể nào làm trừ tri dặc. Sau khi tu khổ hạnh 3 tháng xong, người Tăng Sĩ ấy về chùa của sư phụ mình. Lúc này sẽ được đàn gia và tín đồ đón rước tử tế và vị thì chú nào giàu nhất, có con gái đẹp nhất sẽ đem gả cho vị sư này. Danh vọng, địa vị, tiền tài, quyền thế chẳng thiếu gì. Nhiều lúc còn hơn những tay cự phú ở thế gian. Vì thế có nhiều cô thiếu nữ Nhật lớn lên chỉ mong được làm vợ ông Thầy chùa là đủ rồi. Đó là sự thật - khi ngoa một chút nào - nếu ai đó có tò mò thì hãy sang Nhật một chuyến cho biết sự tình - biết để mà biết - chứ biết mà thực hành theo thì nguy cho Phật giáo Việt Nam đây.

Hồi trước năm 1975 có nhiều vị Thượng Tọa sau khi đi Nhật về đã đề xướng phong trào này lên; nhưng chưa thực hiện đã bị phán đoán, vì Phật tử quan niệm rằng - cuộc đời còn quá nhiều đau khổ thì quý Thầy vui chimà sung sướng riêng một mình. Do đó mọi dự án đã bị hủy bỏ. Tuy nhiên vẫn có nhiều người thực hiện bán công khai - nhưng như thế vẫn tội lỗi. Thà rằng cứ thanh thiên bạch nhật như Phật giáo Nhật Bản còn tốt hơn là làm hoen ô cửa Thiền. Vì nếu tu trong chùa không được mà bị ép buộc ở lại với chùa thì chuyện đó không nên; mà bỏ dở giữa đường, quên đi lời nguyện lúc ban đầu thì cũng sợ hổ phẫn với mình, với cha mẹ và bằng hữu. Thật là thiên nan vạn nan. Vì thế Phật giáo Việt Nam chắc cũng phải có lối thoát mới giúp được những trường hợp như trên vừa kể.

Trên đây chỉ là một số vấn đề mặt trái của Tôn giáo Nhật Bản - chúng tôi định viết nhiều hơn nữa nhưng e rằng độc giả quá phiền, nên dừng lại nơi đây. Hy vọng kỳ tới, nếu có thì giờ sẽ đề cập thêm về vấn đề Tôn giáo, nếu không, chúng tôi sẽ trình bày với quý vị về văn hóa, phong tục, tập quán, ngôn ngữ của Nhật Bản.

Mong rằng sự thật không mất lòng những người hạn Nhật - và mong rằng quý vị độc giả Việt Nam hiểu cho một người - mà người đó trước đây đã ở chùa Nhật 1 năm - nên mới viết lên đây đôi giòng để biết đâu là chơn, đâu là giả, hầu có thể hiểu người Nhật và Tôn giáo của Nhật Bản một cách sâu xa cận kề hơn.

(còn tiếp)

GIA CHÁNH CHAY

MINH LOAN phụ trách

Tàu hủ chiên muối sã

VẬT LIỆU: 1 miếng tàu hủ tươi
2 tép sã
1 cọng poireau nhỏ
1 trái ớt hiểm đỏ
1/2 muỗng cà phê curry loại ngon.

GIA VỊ: đường, muối, bột ngọt, dầu.

CÁCH LÀM: Tàu hủ rửa sơ, xắt ngang từng miếng dày khoảng 2cm, xong khứa chéo hoặc con cờ để sã. Sã, poireau, ớt băm nhuyễn, cho curry vào trộn chung gia vị cho vừa mặn ngọt. Rồi ướp vào hai bên mặt miếng tàu hủ cho đều, đập lại khoảng một tiếng sau cho thấm. Bắc chảo nóng, cho dầu ăn vào đợi nóng kể đó bỏ từng miếng đậu hủ đã ướp ban nãy chiên thật vàng hai bên mặt, rồi vớt ra đĩa. Phần poireau và sã băm còn lại cho vào chảo chiên sơ, xong vớt ra để lên trên mặt miếng tàu hủ đã chiên với chút dầu khú cho đẹp mắt.

khô như tàu hủ chà bông. Sau đó cho vào một chút màu gạch tôm giả làm tôm khô. Tàu hủ kỵ lá chiên vàng, bóp miếng. Nấu rơm hộp khui ra, cho nước nấm vào nồi để nấu nước canh, phần nấm còn lại thì xào với poireau nhỏ gia vị sơ.

Cho thêm nước vào nồi nước nấm ban nãy nhiều ít tùy theo sở rau mỏng tươi (Spinat). Bắc lên bếp nấu sôi, gia vị, xong cho rau vào nấu sôi vài dạo kể đến nấm rơm xào, tàu hủ chà giả tôm, và tàu hủ kỵ chiên. Xong nhắc xuống mức ra tô, t r ề n mặt xắt vài miếng chả lụa và một ít tiêu trông cho ngon miệng.

(Kỹ tới: "MẮM KHO VÀ RAU")

Canh mỏng tươi (hay Spinat)

A. VẬT LIỆU: 1/2 kg mỏng tươi (Spinat)
1 hộp nấm rơm
1/2 miếng tàu hủ tươi
1 cọng poireau
3 cọng tàu hủ kỵ
250 g chả lụa chay

GIA VỊ: Đường, muối, bột ngọt, dầu

B. CÁCH LÀM: Mỏng tươi hay Spinat 1 ặ t xong bó những lá hư rửa sạch vớt ra, rửa để ráo nước. Tàu hủ miếng luộc sơ vấ tráo nước bóp nhuyễn. Poireau rửa sạch x ấ t nhuyễn. Cho dầu vào chảo đợi nóng x o n g cho poireau khú vàng, kể đến tàu hủ, gia vị đường, muối, bột ngọt, tiêu cho vừa chà



Tin tức

Mùa Đại Lễ Vu Lan báo hiếu năm nay tại Âu Châu đã được cử hành một cách trang nghiêm và trọng thể theo như lịch trình đã định trước. Lễ Vu Lan đầu tiên được cử hành tại Hòa Lan ngày 13.8.83 khoảng 200 người tham dự. Ngày 19-21/8/83 tại Han-nover (500 người tham dự). Ngày 27.8.83 Vu Lan tại Lyon-Pháp (200 người). Ngày 28.8.83 Vu Lan tại chùa Khánh Anh Paris-Pháp (600 người). Ngày 3.9.83 lễ Vu Lan tại Oslo-Na Uy; Bordeaux-Pháp và Aarhus- Đan Mạch (mỗi nơi khoảng 200 người tham dự). Trong kỳ Đại Lễ này hầu hết chư tôn Thợ Tọa, chư Đại Đức Tăng Ni tại Âu Châu đều đến tham dự, chứng minh và cầu nguyện, thuyết giảng về Đạo hiếu cho đồng bào Phật tử khắp nơi.

Lễ Vu Lan tại trại RAPPERTSHOFEN REUT-LINGEN. Cũng như Lễ Phật Đản 2527 trước đây, Lễ Vu Lan cũng đã được Ban Đại Diện trại đứng ra phát động và một Ban Tổ Chức lễ được thành lập với sự cố gắng của tất cả đồng bào không phân biệt Tôn giáo tại trại REUTLINGEN. Buổi lễ đã được cử hành vào lúc 4 giờ chiều ngày 20.08.83 nhằm ngày 12.7 âm lịch, với sự tham dự của hầu hết đồng bào trong trại. Đặc biệt có sự tham dự của Ông Trung Tâm Trưởng Đốc Lập Vũ Ngọc Yên, và hai ông Nguyễn Xuân An Chủ tịch và ông Bùi Minh Tâm Phó Chủ tịch hội Việt kiều Stuttgart. Sau buổi lễ có bữa cơm chay thân mật. Buổi lễ đã đạt được kết quả ngoài ý nghĩ của Ban Tổ chức.

Lần đầu tiên tại Ngoại quốc một Đại Giới Đàn được tổ chức vô cùng trọng thể tại Los Angeles Hoa Kỳ, do Thượng Tọa Thích Đức Niệm, Giám đốc Phật Học Viện Quốc Tế để xứng và sự tham dự của hầu hết chư tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni các nơi vận tập về để chứng minh và tham dự. Đại Giới Đàn được tổ chức vào các ngày 2, 3 và 4 tháng 9 năm 1983. Hòa Thượng Thích Huyền Vi - Viện chủ tự viện Linh Sơn Pháp - được Đại Tăng cung thỉnh làm Đàn Đầu Hòa Thượng - Hòa Thượng Thích Thiện Định - viện chủ chùa Pháp Hoa Marseille Pháp - được cung thỉnh làm Việt Ma A Xà Lê Sư - Thượng Tọa Thích Đức

Niệm - Giám Đốc PHVQT - được cung thỉnh làm Giáo Thọ A Xà Lê Sư. Bảy vị Thượng Tọa Tôn Túc được Đại Tăng cung thỉnh làm Tôn chứng như sau: Thượng Tọa Thích Thích Thiện Thanh - viện chủ chùa Phật Tổ Long Beach (Hoa Kỳ). Thượng Tọa Thích Trữ Chơn - viện chủ chùa Vạn Hạnh San Diego (Hoa Kỳ). Thợ Tọa Thích Thắng Hoan, giảng sư của TĐNG Hội PGVN tại Hoa Kỳ. Thượng Tọa Thích Minh Tâm - viện chủ chùa Khánh Anh Pháp. Thượng Tọa Thích Nguyễn Đạt - giáo thọ Tăng Ni sinh PHVQT (Hoa Kỳ). Thượng Tọa Thích Thiện Trì - viện chủ chùa Kim Quang Sacramento (Hoa Kỳ). Thượng Tọa Thích Bảo Lạc - viện chủ chùa Pháp Bảo Sydney (Úc). Bốn vị dân chúng được Đại Tăng cung thỉnh là: Đại Đức Thích Nguyễn Trì - trụ trì chùa Phước Long Vancouver (Canada). Đại Đức Thích Viên Lý - Chùa PGVN Los Angeles. Đại Đức Thích Minh Hạnh - trụ trì chùa Xá Lợi Los Angeles và Đại Đức Thích Nguyễn An trụ trì chùa Cổ Lâm tại Seattle. Ba vị tuyên luật sư - khạo hạch giới tử - được Đại Tăng cung thỉnh là: Thượng Tọa Thích Đức Niệm, Đại Đức Thích Như Điền - trụ trì chùa Viên Giác (Tây Đức), Đại Đức Thích Pháp Châu - trụ trì chùa PGVN tại Orange County (Hoa Kỳ). Thượng Tọa Thích Tân Nghĩa - trụ trì chùa Từ Đàm Dallas làm xướng ngôn viên của Đại Lễ và Tá Giám Đàn. Đại Đức Thích Thiện Quang trụ trì chùa Quang Minh tại Chicago (Hoa Kỳ) làm Hộ Giám Đàn. Ngoài ra còn có rất nhiều vị Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni hộ giáo và hộ giới. Trong buổi lễ khai mạc Đại Giới Đàn có khoảng 70 vị Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni Việt-Mỹ và khoảng 500 tín đồ tham dự. Phần sám chủ niệm hương lễ Phật do Thượng Tọa Thích Mãn Giác - Hội chủ Tổng hội PGVN tại Hoa Kỳ chủ lễ.

Nhân kỳ Đại Giới Đàn này chư Đại Tăng đã thành lập được một Giảng Sư Đoàn của Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại gồm những bậc danh tăng, đạo cao, đức trọng dưới sự cố vấn tối cao của Hòa Thượng Thích Huyền Vi Hòa Thượng Thích Thiện Định và Hòa Thượng Thích Tác Phước. Tại châu Mỹ có Thượng Tọa Thích Đức Niệm, Thượng Tọa Thích Thích Thiện Thanh cố vấn tinh thần. Thượng Tọa Thích Nguyễn Đạt, Thượng Tọa Thích Tân Nghĩa trực tiếp điều hành. Tại châu Âu có Thượng Tọa Thích Minh Tâm, châu Úc có Thượng Tọa Thích Bảo Lạc và châu Á có Thượng Tọa Thích Tịnh Hạnh (Đài Loan)

Cũng trong kỳ Đại Giới Đàn này toàn thể Đại Tăng đã hoan hỷ tán dương công đức Phật sự của 5 vị Đại Đức và Đại Tăng nhận thấy niên lạc của quý vị này đã đầy đủ, nên Đại Tăng đã đồng thanh niệm Phật để chư Đại Đức này tiến lên hàng giáo phẩm với chức vị Thượng Tọa. Đó là: Thượng Tọa Thích Minh Tâm (Pháp), Thượng Tọa Th. Nguyễn Đạt (Hoa Kỳ), Thượng Tọa Thích Thiện Trì (Hoa Kỳ), Thượng Tọa Thích Bảo Lạc (Ác) và Thượng Tọa Thích Tân Nghĩa (Hoa Kỳ).

Mặc dù giới tử ít (khoảng 20 vị thọ Tỳ Kheo, Thích Xoa Ma Na, Sa Di, Sa Di Ni và khoảng 35 vị thọ Bồ Tát giới); nhưng giới đàn đã được cử hành và thành công một cách viên mãn. Công đức đó là nhờ chư Phật chư Tổ sư gia hộ và chính nhờ tâm nguyện thâm sâu về việc hoằng pháp lợi sanh của Thượng Tọa Giám đốc PHVQT nên mới được như vậy.

- Sau lễ Đại Giới Đàn, Thượng Tọa Thích Minh Tâm, Thượng Tọa Thích Bảo Lạc và Đại Đức Thích Như Điển đã viếng thăm các chùa, các tu viện sau đây: chùa Phật giáo V.N (Los Angeles); chùa PGVN (Orange Country) chùa Xá Lợi (Los Angeles); chùa Huệ Quang (Santa Ana); Tịnh xá Minh Đăng Quang (Santa Ana); chùa Phật Tổ (Long Beach); chùa Vạn Hạnh (San Diego); chùa Tứ Quang và Tu viện (San Francisco); chùa Kim Quang (Sacramento); trại tu Tracy để thăm Sư Giác Minh; chùa Tứ Phong (Denver Colorado) chùa Viên Giác Oklahoma City; chùa Liên Hoa Dallas; chùa Pháp Quang (Dallas); chùa Tứ Đàm (Dallas); chùa Phật Quang (Houston); N. P. Đ. Quan Âm (Houston); chùa Quang Minh (Chicago); chùa Nam Tuyền; chùa Giác Hoàng (Washington DC) và New York.

Trên đường thi hành Phật sự, đến đâu quý Thượng Tọa và Đại Đức cũng đã thuyết giảng về giáo lý cũng như tình hình sinh hoạt của Phật giáo các châu khác cho quý Phật tử nghe.

- Ngày 25.9.83 lễ Trung Thu cho các em nhi đồng Việt Nam vùng Rottershausen đã được Niệm Phật Đường Khánh Hòa tổ chức, dưới sự hướng dẫn của Đại Đức Thích Minh Phú Thầy Thiện Tâm, Ni Cô Thích Nữ Diệu Ân và Ni Cô Thích Nữ Minh Loan. Buổi lễ đã đem lại cho các em một niềm vui đầy tình quê

và đạo vị.

- Ngày 25.9.83 vừa qua tại Bá Linh 1 buổi lễ Sám Hối được tổ chức tại chùa Phật giáo Đức cho đồng bào Phật tử Việt Nam. Sau phần nghi lễ, Đại Đức Thích Như Điển có thuyết giảng về ý nghĩa của Đại Giới Đàn và tường trình về chuyến công du Phật sự tại Mỹ vừa qua với đồng bào. Sau đó Đại Đức cũng đã trình bày về dự án xây cất chùa Viên Giác trong tương lai và đã được nhiều vị Đạo tâm hướng ủng. Kết quả cuộc lạc quyên tại chỗ cho vấn đề trên lên đến 10.000,00DM.

Sau 2 tháng chùa Viên Giác đưa ra dự án xây chùa, đã được đại đa số đồng bào Phật tử hưởng ứng - nhất là trong kỳ Đại Lễ Vu Lan vừa qua, số tiền cúng dường và cho mượn hội thiện lên đến 50.000,00DM. Như vậy kể từ đó đến nay - ngoài những số đã ghi trên, các quyển sổ vàng cũng đã lan lưu hoạt động. Số tiền tài quyên góp đã lên đến hơn 60.000,00DM. Kính mong quý vị Phật tử xa gần vì tiền đồ văn hóa của Đạo pháp và văn hóa Dân tộc tại xứ người xin nhiệt tâm hỗ trợ cho.

Quý vị cũng đừng việc xây chùa đều có thể khấu trừ vào việc xin thuế cuối năm, vì chùa là một tổ chức công ích, từ thiện văn hóa, xã hội đã được chính quyền Đức công nhận. Những vị nào muốn xin lại thuế từ chính quyền, xin liên lạc với chùa để chúng tôi cấp biên nhận bằng tiếng Đức, (khoảng đầu năm - cho mỗi năm đã qua).

- Trung Tâm Độc Lập tại Stuttgart đã tổ chức buổi lễ Phật thương năm cho đồng bào quanh vùng vào ngày 8.10.83 vừa qua Đại Đức Thích Như Điển đã đến chủ lễ cầu an và thuyết giảng về đề tài "Bát Chánh Đạo" cho mọi người. Có khoảng chừng 100 Phật tử và đồng bào đến tham dự.

- Cứ định kỳ 3 tháng một lần tại Trung Tâm Ty Nạn Norddeich - theo lời yêu cầu của ông Rohmann - trung tâm trưởng - Đại Đức trụ trì chùa Viên Giác đã đến đây làm lễ cho đồng bào và thuyết giảng về giáo lý của Đức Phật. Mọi người đã không phân biệt lương, Phật, Chúa - đã ngồi lại bên nhau để học hỏi và trao đổi kinh nghiệm trong cuộc sống tha hương này. Ngày 21, 22 và 23 là những ngày lễ Phật

hàng năm của các em thiếu niên và các gia đình Phật tử Việt Nam tiểu bang Baden Württemberg được tổ chức tại làng thanh thiếu niên Klinge do Linh Mục Duftner đề xướng. Quý Thầy trong Chi Bộ sẽ đến đây tham dự lễ và chiêu phím những sinh hoạt Phật sự của chùa và của tu sĩ Cap Anamur cho đồng bào xem.

CHƯƠNG TRÌNH THÁNG 11 VÀ 12 NĂM 83

■ Thứ bảy ngày 5.11.83 lễ Phật của đồng bào Phật tử vùng Hamburg tại chùa Phật giáo Đức.

■ Chủ nhật ngày 6.11.83 lễ Phật tại chùa Viên Giác Hannover.

■ Thứ bảy ngày 12 và chủ nhật ngày 13.11.83 lễ Phật và thăm viếng đồng bào Phật tử tại München.

■ Thứ bảy ngày 19.11.83 bắt đầu từ 10 giờ sáng có khóa lễ Thọ Bát Quan Trai tại chùa Viên Giác cho quý vị Phật tử muốn học hạnh của người xuất gia 1 ngày 1 đêm. Buổi lễ sẽ chấm dứt vào 10g. sáng ngày chủ nhật hôm sau. Vậy quý vị Phật tử nào muốn tham gia, xin ghi tên tại chùa.

■ Chủ nhật ngày 20.11.83 lễ Phật tại chùa Viên Giác

■ Chương trình tháng 12/83 chỉ có ngày 4 và ngày 18 có lễ Phật tại chùa và những cuối tuần khác vẫn còn trống.



Thông cáo

■ Đã có 6 loại THIẾP XUÂN nhiều màu sắc đẹp, mỗi thiệp 50 xu, mua từ 50 thiệp trở lên, sẽ in tặng thêm lời chúc Tết và tên khách hàng miễn phí. Xin hỏi Mr. BUI,
15 Rochdale Av. Toronto Canada, M6E 1W9,
(416) 653 2094...

THÔNG CÁO

■ Tại chùa Viên Giác có thờ hình và hài cốt (đã thiêu) của chư hương linh quá vãng (khoảng trên 100 vị) lâu nay, nhưng nhận thấy những hình này vì cố không đồng đều nên chúng tôi có ý nhờ người thu hình nhỏ lại cùng một cỡ để việc thờ tự được trang nghiêm và không chênh lệch (cả hình quá hoặc cái lớn quá). Công việc bắt đầu thực hiện trong tháng 10 này. Vậy quý vị nào có thân nhân thờ tại chùa, xin vui lòng liên lạc về chùa để biết thêm chi tiết.

■ Ban Xã Hội của Hội Phật tử chùa Viên Giác đã thực hiện xong quyển hướng dẫn về việc khai thuế hàng năm bằng tiếng Việt. Sách dày 90 trang. Quý vị nào muốn có sách xin gửi 5DM tem về chùa. Chúng tôi sẽ gửi đến quý vị.

■ Thư mục của Thư viện chùa Viên Giác đã cố gắng đăng một phần trong kỳ này; quý vị nào cần Thư mục cho toàn bộ xin biên thư về chùa. Chúng tôi sẽ gửi đến quý vị.

Vì vẫn đề gửi sách quá tốn kém cho chùa nên chúng tôi yêu cầu quý vị, mỗi lần gửi thư mượn sách xin kèm theo 3DM tem, để chúng tôi có thể tiếp tục phục vụ quý vị lâu dài hơn.

Cũng xin nhắc tin chung là quý vị gửi trả lại sách cho chùa phần nhiều không gói kỹ, nên bưu điện đã làm hư hoặc đánh rơi. Vì vậy chúng tôi yêu cầu quý vị thận trọng hơn lúc gửi trả sách.

■ Hàng năm chùa Khánh Anh (Pháp) và chùa Viên Giác (Đức) có phát hành các lịch sách tư vi và lịch treo tường để phổ biến đến đồng bào Phật tử cũng như không Phật tử khắp nơi. Năm nay cũng vẫn theo thông lệ đó; quý vị nào muốn có những lịch trên, xin cố gắng chờ. Vì lịch cũ hết hạn vào ngày 1.2.84 tức là 30.12 âm lịch. Quý vị nào cần đặt trước, xin biên thư về chùa theo thể lệ sau đây:

15 DM	lịch	treo	tường	-	thỉnh	tại	chùa
15 DM	"	"	"	"	"	"	"
17 DM	lịch	treo	tường	-	gởi	quabưu	điện
16 DM	"	"	"	"	"	"	"

Lịch mới sẽ có vào tháng 12 năm 1983 và tháng 1/84.

■ Quý vị nào muốn nhận báo Viên Giác chỉ cần gửi tên họ và địa chỉ về chùa. Chúng tôi sẽ gửi báo biếu đến quý vị. Việc ủng hộ xin tùy tâm, không có tính cách bắt buộc.

■ Quý vị nào có sách tiếng Việt, tiếng Đức hoặc các loại sách thuộc về ngôn ngữ khác không dùng đến, xin gửi về biếu thư viện của chùa để nhiều người khác có cơ hội tham khảo. Xin cảm ơn quý vị.

PHÁP BẢO CHO THỈNH TẠI CHÙA

Hình Phật Di Đà	5,00 DM
" Phật Quan Âm	3,00 DM
" Phật Thích Ca	4,00 DM
Bộ chuông mõ	65,00 DM
Áo tràng	40,00 DM
Tràng hạt 108 hạt	28,00 DM
" " 18 "	12,00 DM
Tượng Quan Âm đứng	30,00 DM
" Phật Thích Ca	50,00 DM
Nhang hộp (5 thẻ)	7,00 DM
Băng Kinh :	
Di Đà Cầu Siêu	10,00 DM
Phổ Môn Cầu An	10,00 DM
Tịnh Độ Sấm Hồi	10,00 DM
Phật Đản Vu Lan	10,00 DM
Lãng Nghiêm	10,00 DM
Băng nhạc Phật Giáo :	
Em đến chùa	12,00 DM
Mừng Đản sanh	12,00 DM
Hương bông tulip	12,00 DM
Chữ Tâm 1	12,00 DM
Chữ Tâm 2	12,00 DM

Tất cả Kinh sách phát hành tại chùa và những pháp bảo trên đây đều chứa tất cả những điều tốt đẹp.



Nhắn tin

■ Ông Trần Văn Quang hiện ở tại Frieden -str. 1/A.21 - 2980 Norden 2 Tây Đức tìm con là Trần Quang Vinh sinh ngày 18.02.1952 và Trần Hoài Hà sinh tháng 9/1954, ra đi khỏi Việt Nam ngày 4.9.1976 cùng với Thảo đi đường Banmethuot. Hiện nay ở đâu hãy liên lạc về địa chỉ trên để biết tin gia đình.

■ Phật tử Nguyễn Trọng Tài hiện ở tại B 5 R 19 VNRC SIKEW PO. BOX 30340 Thái Lan muốn tìm Thượng Tọa Thích Bửu Nghiêm đã đến Tây Đức năm 80 hoặc 81. Trước đây ở Thượng Tọa ở tại chùa Nam Phương, Bảo Lộc tỉnh Lâm Đồng. Nay Thượng Tọa ở địa phương nào trên nước Đức xin liên lạc về địa chỉ trên để biết tin tức quê nhà.

■ Muốn tìm Đại Tá Huỳnh Văn Tư, nguyên quân vụ Trưởng, quân vụ Thị trấn Sài Gòn nghe nói đã đi tản qua Thụy Sĩ hồi 1975 xin liên lạc với Nguyễn Hào Nghĩa, 70 Northumberland Ave. Stanmore, NSW 2048 Australia để biết tin. Quý vị nào có biết xin chỉ dùm. Thành thật tri ơn và cảm tạ.

■ Trần Quang Đạt hiện ở tại: 536 NW 33 Oklahoma OK 731180 USA muốn tìm ông Trần Văn Kế và Bà Lê Thị Lan; nghe tin đang ở Đức - Xin liên lạc về địa chỉ trên để biết tin.

■ Tìm anh là Mai Ngọc Lân - khoảng năm 1958 làm việc tại AIR LAOS ở Vientiane. Nay anh ở đâu, bà con cô bác ai biết tin còn sống hay chết, xin báo tin về địa chỉ Mai Ngọc Sáng, Rohrser Warte 22 3250 Hameln 1 Tây Đức. Thành thật tạ ơn.



BẢN MÔ TẢ SƠ LƯỢC

DỰ ÁN XÂY CẤT VIÊN GIÁC TỰ

Kiến Trúc sư TRẦN PHONG LƯU

1.- BÌNH ĐỒ TỔNG THỂ

Theo truyền thống, các công trình của ngôi chùa sẽ hợp thành một quần thể kiến trúc đăng đối nhau nhận tòa sen chánh điện xây trên hồ làm kiến trúc trọng tâm. Các công trình khác đều qui chiếu về tâm điểm hoặc đối xứng hai bên trục chính, trước sau, hoặc nằm dài theo trục chính.

Khách thập phương xuống xe tại bến xe buýt đủ chỗ cho ba chiếc đậu, ra vào rộng rãi, hoặc tại bãi đậu xe từ 200 đến 300 chiếc nằm bên ngoài chùa, rồi lần lượt đi qua.

1/ TAM QUAN

Gồm 3 cổng có mái che.

a) CỔNG CHÍNH chỉ mở vào dịp đại lễ rộng 4,50m cao 4,00m, có thể cho xe của chức tể, các vị quan khách, hoặc người giầy yếu hay các đoàn xe hoa, dịp rước lễ, ra vào.

b) CỔNG PHỤ ở hai bên dành cho các thiện nam tín nữ, có thể mở thường trực rộng 2,20m mái thấp hơn cổng chính.

2/ LIÊN TRÍ

Cách cổng tam quan 10m, đào 1 ao sen hình tròn, tượng trưng cho tể nh viên dung của Đạo Phật, đường kính 18m. Để phân biệt với ao sen phía Bắc, nơi xây Đản Sinh Điện, tạm gọi ao sen này là Nam Liên Trì. Giữa đắp non bộ, trồng cây cảnh, bụi trúc, tượng trưng trúc lâm; trên đặt tượng Quan Âm Nam Hải lộ thiên.

Thiện nam, tín nữ sẽ tiếp tục đi trên hai cầu gỗ, nằm 2 bên Nam Liên Trì, bắc qua lạch nước uốn khúc hình cong chữ S, hình thể Việt Nam, khởi từ Bắc Liên Trì, qua Tây Liêu đổ vào hồ tĩnh tâm bao quanh kiến trúc chính (Chánh điện và hội trường) rồi tiếp tục chảy quanh Đông Đường và ở Nam Liên Trì trước khi đổ ra bên ngoài, như dòng máu Việt luân lưu trên đất nước như tiến trình của Việt tộc trong lịch sử

lập quốc. Lạch nước còn gọi lại hình ảnh suối Giải Oan nơi chùa Hương Tích để khách thập phương qua cầu mang cảm giác như để gột rửa hết bụi trần, để lại bên ngoài tất cả phồn hoa, trước khi vào sân chùa.

3/ BÌNH PHONG

Án ngữ ngay phía sau Nam Liên Trì, kết hợp bằng 4 tấm, trang trí theo hình tượng hồ văn, cả 2 mặt thành 8 tấm. Điều khắc các:

- Hình Thái tử Đản sinh
- Hình Thái tử xuất gia
- Hình Thái tử ngồi thiền định
- Hình Đức Phật thành đạo
- Hình Đức Phật chuyển pháp luân
- Hình Đức Phật nhập Niết bàn v.v...

4/ ĐÔNG ĐƯỜNG - TÂY ĐƯỜNG

Giữ nhiệm vụ như các tể a giải vũ trong các chùa cổ, để đón tiếp khách thập phương; để khách ngoạn cảnh có nơi trú mưa tránh nắng và để liên hệ với các sinh hoạt bên ngoài.

a) ĐÔNG ĐƯỜNG gồm:

- phòng tiếp khách 30-40m²
- phòng tiếp nhận lễ vật 20m²
- phòng họp nhỏ (20m²)
- phòng vệ sinh và rửa mặt

b) TÂY ĐƯỜNG

- phòng sinh hoạt từng nhóm 30 m² có thể ngăn nhẹ bằng cách di động thành 2 phòng nhỏ (15 m²) cho 2 nhóm cùng sinh hoạt
- phòng uống trà, xem tranh ảnh và tạp chí... (20 m²)
- phòng tọa thiền cho người Đức, Việt (30 m²), có thể ngăn nhẹ từng gian nhỏ
- phòng rửa mặt vệ sinh

5/ KIẾN TRÚC TRỌNG TÂM

Phần chính ngôi chùa sẽ xây dưới hình thức tòa sen, hình bát giác biến thể với các cạnh ở 2 mặt tiếp giáp với một

tâm. Từ sân chùa, nếu xuống mấy bậc thang sẽ vào Hội trường, hay lên theo 2 cầu thang 2 bên qua sân thượng để vào Chánh Điện.

a) HỘI TRƯỞNG (1000 chỗ)

Xây theo lối tầng hầm lửng 2/3 xây dưới mặt đất nhưng nhờ hồ nước bao quanh nên vẫn mở cửa sổ cửa ra vào được như các tầng trệt thường, mà giữ độ ẩm vào mùa đông hơn nhờ 2/3 thấp thấp hơn mặt đất và thông gió vào mùa hè nhờ 1/3 cao hơn mặt đất và hồ nước bao quanh. Trước khi vào Hội trường, khách sẽ tụ tập nơi tiền sảnh ngay dưới sân thượng nơi đây (cũng như hành lang 2 bên nếu có) sẽ giải tỏa được một số lớn người nếu số khách vượt quá 1000 và làm nơi lui tới nghỉ giải lao giữa những thời giảng hay buổi thuyết pháp. Nơi đây có thể dùng vách nhẹ để dán tranh ảnh triển lãm, bày bàn ghế để khách uống trà hay thọ trai.

- Hội trường là một phòng đa dụng, vừa làm nơi hội họp, nghe thuyết pháp, giảng kinh, tiếp tân đãi tiệc; vừa làm nơi trình diễn văn nghệ, chiếu phim vì thế phần lớn sân phòng sẽ để bằng phẳng. Để giảm diện tích đất cũng như phí tổn xây dựng, có thể giảm diện tích từ 1000 m² xuống còn 650-700 m² nhưng xây thêm gác lửng, balcon để có thể thêm vài trăm người.

- Sân khấu phải xây đủ rộng để có thể trình diễn các màn vũ-kịch, chỗ treo, dùng phông màn. Cuối sân khấu sẽ căng một màn bạc (màn vải trắng đặc biệt) để chiếu phim.

- Hội trường gồm các phòng hóa trang, chỗ sắp xếp các đoàn vũ, ban kịch trước khi ra sân khấu. Kho phông màn, vật dụng trình diễn.

- Sau cùng, sẽ bố trí các phòng vệ sinh cho khách cũng như cho nghệ sĩ trình diễn.

- Có thể kết hợp phần phụ thuộc chung ngay phía sau hội trường, gồm phòng in sách báo, kho dụng cụ, giấy mực; nhà bếp, phòng tiếp thực và kho lương thực... để có thể phục vụ trực tiếp hội trường vào các buổi tiếp tân, đãi tiệc, hay những buổi thọ trai nơi tiền sảnh. Sau hết là phòng ăn thường ngày.

b) CHÁNH ĐIỆN

Hai cánh cầu thang dẫn lên sân thượng nơi giải tỏa khối lượng thiện nam, tín nữ trước và sau khi vào chùa lễ Phật. Nơi đây có thể cử hành các lễ nghi tôn giáo ngoài trời, như cúng chay đàn,

hay lập pháp tòa giảng thuyết cho khoảng trên 2000 thỉnh chúng đứng dưới sân chùa chưa kể số người đứng nơi vườn chùa chung quanh. Sân thượng còn có thể lập kỳ đài, dựng tượng Thái Tử Đản Sinh nhân đại lễ Phật Đản, và che mái một phần nơi gần cửa vào Chánh Điện để lập tiền đường làm chỗ thiêu hương trước khi vào chánh điện lễ Phật.

- Lầu chuông, lầu trống có thể xây g h ép vào chánh điện như hai nhịp lối tiền điện hay xây lẫn hẳn vào bên trong để đổ choán thêm diện tích. Hai lầu chuông trống nếu chỉ xây 2 tầng thì mái sẽ thấp hơn nóc chùa nhưng nếu xây 3 tầng mái sẽ cao hơn nóc chùa.

Từ Hội trường lên Chánh điện, khách thập phương có thể theo lối 2 cầu thang bên trong, nằm bên lầu chuông, lầu trống, rớt được gác xuống vào những hôm thời tiết xấu vào mùa đông, dịp lễ giao thừa.

Từ sân thượng vào Chánh điện qua 3 cửa chính, mà cửa giữa chỉ mở vào dịp đại lễ. Cũng như Hội trường, Chánh điện có thể tiết kiệm phí tổn, bằng cách giảm diện tích từ 1000 m² xuống còn từ 650-700 m², tương lai có thể xây thêm gác lửng rộng từ 5-6m bao quanh 3 mặt Chánh điện để trước Phật điện, để có thể chứa thêm vài trăm người nữa, vừa thừa chỗ để lập gian cúng dường chư tăng, chư tăng sẽ thọ trai tại nơi cố định này khỏi phải dọn bàn tới lui. Từ trong Chánh điện khách có thể theo cửa thông ra 2 bên tả, hữu trường lại, nơi giải tỏa người trong những hôm có quá đông người vào lễ nơi Chính điện. Các trụ lang đều có cầu thang dẫn xuống vườn chùa 2 bên. Từng cánh sen ở mỗi gian là một tượng, hay nơi để thiết trí bàn thờ các vị Bồ Tát.

Phật điện gồm ba gian thờ Tam Thế. Phía sau Phật điện là Tổ đường cũng gồm 3 gian gian giữa đặt bàn thờ Tổ, 2 gian bên thờ Cửu huyền thất tổ và Chư hướng linh quá vãng.

Từ nhà Tổ, có lối thông sang tầng trên của Đông và Tây liêu.

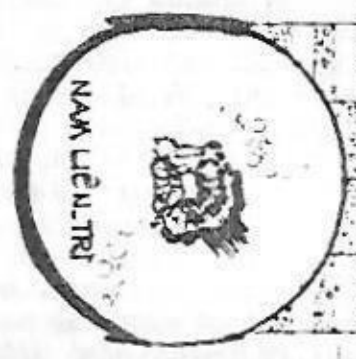
6/ ĐÔNG LIÊU

Nơi trú ngụ của Chư tăng.

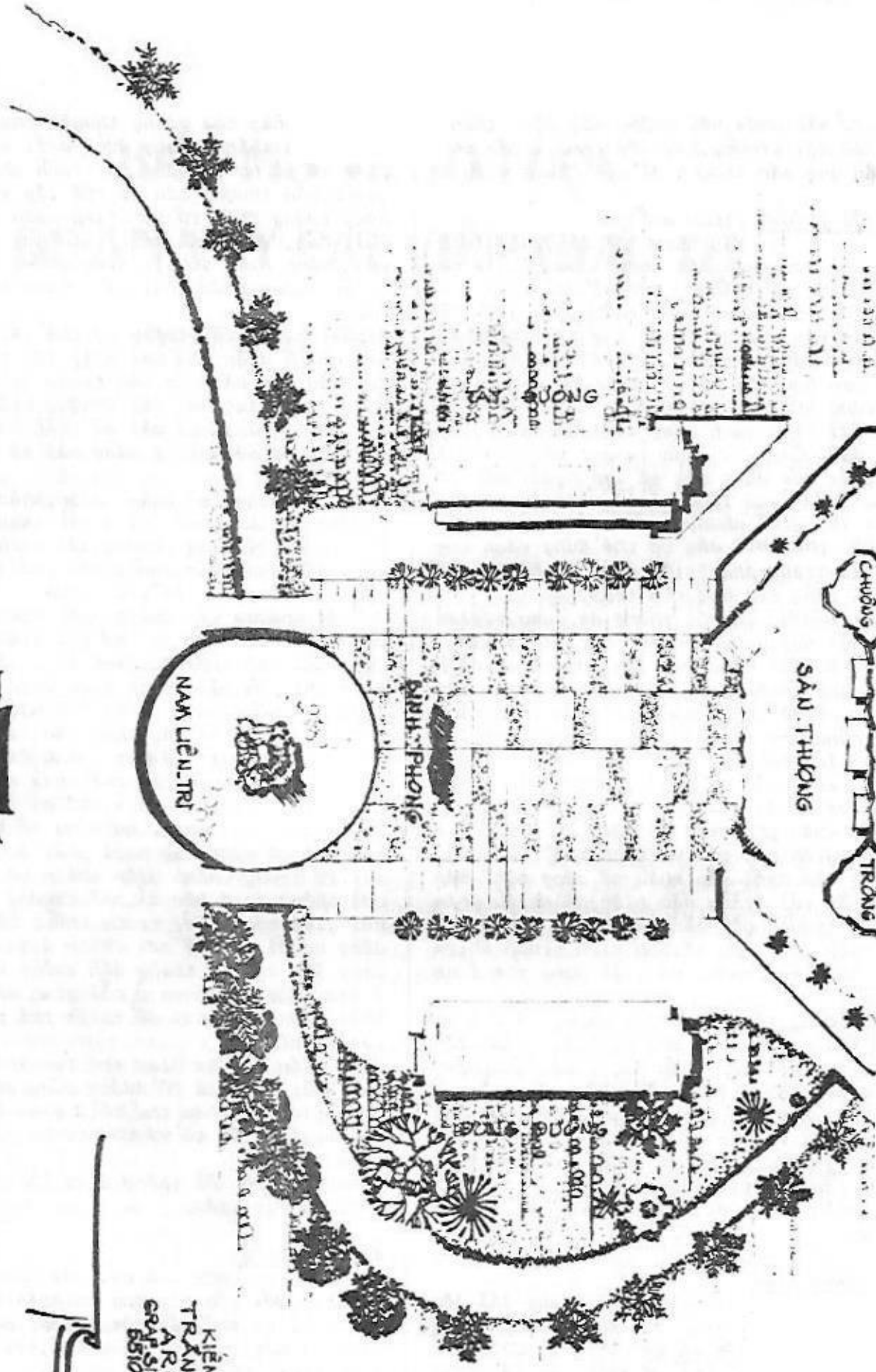
- Tầng dưới gồm 5 phòng cá nhân rộng từ 12-15 m² có thể đặt một giường, một bàn viết và một tủ. Một phòng tắm, rửa mặt, vệ sinh chung cho 5 người.

- Tầng trên gồm một phòng của thầy trụ trì

TAM QUAN

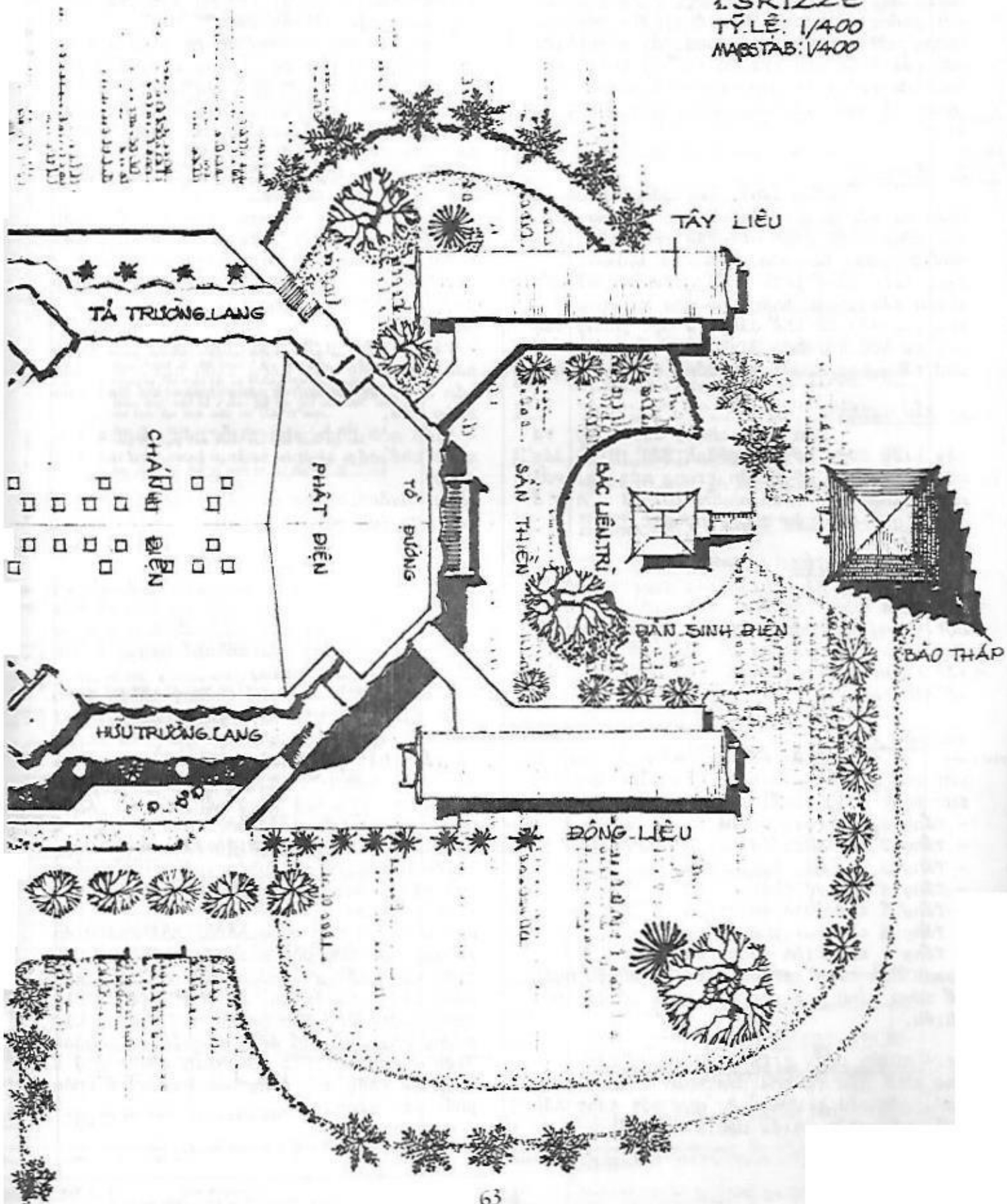


KIẾN TRÚC. SƯ
TRẦN. PHONG. LỮ
A. R. C. H. I. T. E. K. T
GRAND STAIRS ST 28
6510 SAARBURG



DỰ ÁN XÂY CẤT
BAUVORHABEN
VIÊN GIÁC TỰ
PAGODE VIÊN GIÁC

HOA CÀO PH 1
1. SKIZZE
TỶ LỆ: 1/400
MAßSTAB: 1/400



rộng 20 m², kê 2 giường (vì có khách tầng lui tới), 1 bàn viết, 1 tủ, 1 bàn nhỏ để radio hay T.V. Phòng này một phía thông với phòng vệ sinh, tắm riêng; phía bên kia thông với một thư viện nhỏ, làm nơi nghiên cứu của thầy trụ trì. Có thể có thêm một bao lơn trông ra vườn chùa. Kế đó là hai phòng cá nhân sử dụng chung một phòng vệ sinh.

7/ TÂY LIÊU

Tầng dưới cùng gồm 5 phòng cá nhân và một phòng tắm, vệ sinh chung như bên Đông Liêu dành cho các chú tiểu và những người làm công quả cho chùa.

Tầng trên cùng phân giống như vậy để các khách tầng, hoặc khách phương xa có nơi trọ qua đêm. Có thể dành ra một phòng làm nơi tu học, hội họp sinh hoạt chung của chư tăng, hay người làm công quả trụ chùa

8/ SÂN THIÊN

Sân cảnh chung của Đông và Tây Liêu được bố trí thành Sân Thiên, làm nơi tọa thiền lộ thiên trong mùa hạ, với những thảm hoa thảo, những lối đi uốn lượn quanh qua các cây cao bóng mát.

9/ ĐÀN SINH ĐIỆN

Sân thiên bao quanh Bắc Liêu Trụ giữa dựng tòa Đàn Sinh, giống chùa một cột, trong thờ Đức Phật Đản Sinh, để nhắc lại tích các vua Nhà Lý hàng năm đến ngày rằm tháng 4 âm lịch ra chùa Diên Hựu làm lễ tắm Phật.

10/ BẢO THÁP

Hoàn tất qui mô ngôi chùa với tòa bảo tháp 7 tầng thờ mỗi tầng mỗi Đức Phật ngay giữa:

- Tầng 1 thờ Phật Di Đà
- Tầng 2 thờ Dược Sư
- Tầng 3 thờ Địa Tạng Vương
- Tầng 4 thờ Hộ Pháp
- Tầng 5 thờ Quan Âm
- Tầng 6 thờ Đại Thế Chí
- Tầng 7 thờ Diêm Vương Đại Sĩ

Quanh mỗi tầng lại đóng tủ kệ nhiều ngăn để dựng bình tro cốt các Phật tử đã hỏa thiêu.

II.- CHÍNH DIỆN KIẾN TRÚC TRONG TÂM

Thế thức hóa tự tòa sen, phân chính ngôi chùa gồm Hội trường xây như một tầng hầm lũng, một phần chiều cao, 3 m khuất dưới

mặt đất, 2 m cao trên mặt đất, nhưng nhờ đào hố bao quanh vẫn mở được nhiều cửa sổ để thông gió. Hội trường được xây như đài sen hoặc để tòa sen.

Cửa ra vào Hội trường mở ra tiền sảnh nối liền với các bậc thang rộng dẫn lên sân chùa. Cửa sổ có thể xây ngang mặt đất. Phần Hội trường gần cửa ra vào chỉ cao 2,80m hay 3 m, rồi xuống dần theo những bậc cấp đến 2/3 còn lại thì chiều cao Hội trường tăng lên 5 m để có thể dự trữ xây gác lửng (balcon).

Các cửa cấp cứu mở ngay ra các bậc cấp dẫn lên vườn chùa 2 bên, có thể khỏi đắp thêm hành lang để tiết kiệm phí tổn.

- Lan can sân thượng, tả hữu trường lang được đúc thành tràng hoa thứ nhất của tòa sen.

- Vách chánh diện kết hợp bằng những cánh hoa sen bằng vật liệu tiên chế, cao lên tận nóc, lập thành tràng hoa thứ hai của pháp tòa.

- Viên nóc chùa xen giữa các cánh sen tiên chế lập thành tràng hoa thứ ba trụ cùng.

- Lầu chuông, trống và cầu thang có thể kết hợp làm một hay phân đôi cái cao cái thấp hơn nóc chùa, châu hai bên, như những nụ sen cho thêm phần sinh động.

- Xen giữa hai cánh sen, phần dưới, ở trụ hoa thứ hai mở ra các cửa ra vào và cửa sổ. Còn cầu thang chỉ cần lấy ánh sáng thiên nhiên bằng cửa sổ nhỏ hay gác kính (dalle de verre).

Cầu thang dẫn lên sân thượng khuôn theo cạnh hình bát giác của phần chính, với lan can lập lại hình cánh sen hay những hồ văn Phật giáo hoặc chạm nổi các hoa văn Việt Nam.

Vì chánh diện khá rộng nên cần mở thêm những vuông cửa trên nóc chùa để soi sáng lối giữa chính diện bằng ánh sáng thiên nhiên. Từ cao nhìn xuống những vuông cửa này trông giống như những hạt sen trên tòa sen.

Nóc chùa là nóc bằng, nhưng phần Phật điện sẽ xây cao hơn gối mái lên phần trên một viên cửa sổ nhỏ đủ để lấy ánh sáng thiên nhiên soi tỏ Phật điện, tạo thành một vùng hào quang bao quanh các tượng Phật. Tín đồ đến lễ Phật tử chánh diện tương đối tối hơn, nhìn lên Phật điện sẽ thấy ánh sáng hào quang sẽ thêm phần tôn kính.

THƯ VIỆN
TRUNG TÂM VĂN HÓA PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

MỤC LỤC PHÂN TÍCH SÁCH VIỆT NGỮ
(XẾP THEO MÔN LOẠI)

- 000 : TỔNG QUÁT
- 100 : TRIẾT HỌC
- 200 : TÔN GIÁO
- 300 : KHOA HỌC XÃ HỘI
- 400 : NGÔN NGỮ HỌC
- 500 : KHOA HỌC TỰ NHIÊN
- 600 : KHOA HỌC KỸ THUẬT
- 700 : NGHỆ THUẬT
- 800 : VĂN CHỨNG
- 900 : LỊCH SỬ, ĐỊA LÝ

CHỈ CHỈ :

- Quy vị đặc biệt sẽ có Thẻ Mượn Sách đều có thể mượn những sách bằng Việt ngữ liệt kê trong mục 1 và 2 này kèm theo thẻ mượn sách ở Thư Viện Giác số 161.
- Ngoài ra Thư Viện còn có khoảng 1000 sách ngoại ngữ, bằng các chữ tiếng Đức, Hán, Anh, Pháp, Đức, không được liệt kê ở đây. Quy vị đặc biệt cần mượn có thể liên lạc trực tiếp với Chủ tịch Thư Viện.
- Sách tham khảo (như các loại Từ điển) và Sách Quê (như Tam Tạng Kinh điển) chỉ cho mượn tại chỗ.
- Vì lý do về an ninh bảo vệ, nên Thư Viện sẽ không làm nhiều quy vị đặc biệt có Thẻ Mượn Sách để các liên lạc bằng thư và thư.

SỐ TIÊU	MÔ TẢ SÁCH (tên sách; nhân đề sách; tác giả; năm xuất bản; số trang)	CHI CHỈ
000: TỔNG QUÁT		
026.531 Doc - d	Đức Tịch. <u>Weltzentrum. Einheit und Vielfalt</u> Tây Đức, Đức Lan, 1981 (140 tr.)	
026.531 Lua - d	Loan, Vũ Văn & nh. ng. khác. <u>Định từ khoa học Phật Giáo</u> . Tây Đức, Sài Gòn Ấn Loát, ? (231 tr.)	
026.532 May - t	Đầy, Phạm Văn. <u>Từ điển kỹ thuật về tu vấn điện tử Anh Việt</u> . ? (369 tr.)	
026.532 Uai - a	Đài Nam Co. <u>Anh Việt, danh từ toán học, danh từ vật lý</u> . Hoa Kỳ, Dainaco, ? (160 tr.)	
026.532 Gi - d	Gi, Nghiêm Thế và Nguyễn Đức Lưu. <u>Danh từ kỹ thuật Anh Việt</u> . Hoa Kỳ, Sông Mới, ? (249 tr.)	
026.532 Ngh - t	Nghiêm Duy & nh. ng. khác. <u>Từ điển điện và điện tử Anh Việt</u> . Hoa Kỳ, Xuân Thu, ? (249 tr.)	
075.92 Kha	Chùa Khánh An. <u>Lịch sử từ 1978, 1979, 1980, 1981, 1982, 1983</u> . Pháp, Khánh An, ?	
095.92 Anh - v	Anh, Nguyễn Huyền. <u>Việt Nam danh nhân từ điển</u> Hoa Kỳ, Zisako, 1981. (542 tr.)	
100: TRIẾT HỌC		
101 Him - n	Kim Minh. <u>Nhân Chủ</u> . Hoa Kỳ, Thanh Miên Quốc Gia, ? (306 tr.)	
173.01 Aoi - t	Adler, Alfred. Vũ Minh Lưu dịch. <u>Tìm hiểu nhân tính</u> . Hoa Kỳ, Sông Mới, ? (379 tr.)	
173.01 Vie - t	Việt, Hoàng Xuân. <u>Tâm lý học Phật</u> . Hoa Kỳ, Sông Mới, ? (12 tr.)	
190.9 Thu - 1	Thu, Nguyễn Hằng. <u>Lịch sử triết học Đông Phương</u> . (cuốn 2: Trung Hoa). Sài Gòn, Trường Sơn, 1963	2 q. (40 tr.)
191 Loc - t	Lộc, Nguyễn Phát. <u>Từ vi tâm số</u> . ? (468 tr.)	
191 Loc - t	Lộc, Nguyễn Phát. <u>Từ vi tổng hợp</u> . ? (266 tr.)	
195.911 Can - 1	Cần, Nguyễn Duy. <u>Lên từ tính học</u> . Hoa Kỳ, Sông Mới, ? (256 tr.)	

QUY VIẾT TẮT : P. : bản photokopie & nh. ng. khác ; và nh. ng. khác. 2 q. : 2 quyển sách cùng nhan đề trên. 2 c. : 2 bộ sách gồm 2 cuốn tr. : tranh (ví dụ 80 tr. : sách dày 80 trang) triab. : tác giả tự xuất bản.

195.911 Ngu - c	Ngô, Nguyễn Văn Vũ Trần Lê Nhân. <u>Cả hai tình hoa</u> . ? (2 c.)	C1(207 tr.) C2(229 tr.)
195.911 Kin - n	Kim, Trần Trọng. <u>Nam giáo</u> . Hoa Kỳ, Sông Mới, ? (2 c.)	C1(320 tr.) C2(226 tr.)
195.911 Tra - n	Trần Tử, Nguyễn Duy Cận dịch. <u>Nam Hoa Kinh</u> . Sài Gòn, Khai Trí, 1973. (653 tr.)	
195.92 Kin - c	Kim Minh. <u>Cần bản triết lý trong văn hóa Việt Nam</u> . Sài Gòn, Tân Đức, 1967 (209 tr.)	
195.98 Lur - 1	Lurant, Will. Nguyễn Hiến Lê dịch. <u>Lịch sử văn minh Ấn Độ</u> . Sài Gòn, Lê Bội, 1971 (550 tr.)	
195.981 Kho - n	Khoa, Lê Xuân. <u>Nhân môn triết học Ấn Độ</u> . Sài Gòn, Bộ QGD, 1965 (307 tr.)	

200: TÔN GIÁO

205.592 Toa - n	Toan Anh. <u>Nền cũ tín ngưỡng Việt Nam</u> . Sài Gòn Nam Chi Tinh Thư, 1968 (2 c.)	Tổng quát 2 q.
205.592 Toa - n	Toan Anh. <u>Nền cũ tín ngưỡng Việt Nam</u> . Hoa Kỳ Xuân Thu, ? (2 c.)	C1(475 tr.) C2(451 tr.) nét nhỏ 2 q.
211 Ana - s	Ananda, Pereira. Phạm Kim Khánh dịch. <u>Sông Trông bản tại</u> . Phát. Kỹ Viên Tự, 1974 (97 tr.)	
211 Bie - n	Biểu, Đặng Trí. Đỗ Nam dịch. <u>Nghiên cứu kinh Phật</u> . Lý bản gốc cũ một nhà khoa học. Hoa Kỳ, Chùa Đức Viên, 1982 (50, 20 tr.)	
211 Bud - c	Buddhadasa (Đài Đức). Đại Đức Viên Minh dịch. <u>Gai sa nguyên hiem</u> . Kuala Lumpur, Pháp Đam, 1974 (27 tr.)	
211 Duu - a	Hữu Chân (Hòa Thượng). <u>Ấn Đức Tam Bảo kinh</u> . ? (128 tr.)	
211 Gia - a	Giáo Nhiên (Thượng Toa). <u>Ảnh thiên tượng</u> . Hoa Kỳ, Tịnh xá Minh tông Quang, ? (100 tr.)	
211 Gun - a	Gunaratna, V.F. Phạm Kim Khánh dịch. <u>Suy niệm về hiện tượng chết</u> . Hoa Kỳ, Chùa Pháp Vân, ? (57 tr.)	
211 Gun - e	Gunaratna, V.F. Phạm Kim Khánh dịch. <u>Một bài thuyết trình về Tứ Diệu đế</u> . Hoa Kỳ, Chùa Pháp Vân, 1981 (59 tr.)	2 q.
211 Ho - c	Hộ Tông (Tỳ Khưu). <u>Cứu khổ văn đáp</u> . Pháp, Hội Phật Giáo Nguyễn Thủy Văn, 1980 (75 tr.)	
211 Ho - n	Hộ Tông (Tỳ Khưu). <u>Nền tảng Phật Giáo</u> . Sài Gòn, ? (89 tr.)	
211 Hoi - n	Hội Phật Học Việt Nam tại Calgary. <u>Nghiên cứu Phật Pháp quyển 1 và quyển 2</u> . Canada, ? (32 tr.)	2 c.
211 Hoi - t	Hội, Nguyễn Xuân. <u>Lịch sử Phật giáo Việt Nam</u> . Hà Nội, Văn Học, 1978 (213 tr.)	
211 Hoi - t	Hội, Nguyễn Xuân. <u>Tôn giáo và kinh điển Phật giáo</u> . Hà Nội, Văn Học, 1978 (167 tr.)	2 q.
211 Kho - 1	Khantipalo (Đài Đức). Phạm Kim Khánh dịch. <u>Lịch sử Phật giáo</u> . Đức tại Sài Gòn, Chùa Pháp Bảo, 1983 (24 tr.)	
211 Lon - n	Loan, Nguyễn Hằng. <u>Phật Giáo</u> . Sài Gòn, Trường Sơn, 1963. (474 tr.)	2 q.
211 Lon - t	Hồ Giác, Thích. <u>Tứ diệu đế</u> . Hoa Kỳ, Tr. Tâm Văn Học Phật Giáo V., 1983 (82 tr.)	
211 Min - c	Minh Hằng Quang (Đức Tôn Sư). <u>Chấn lý</u> . Sài Gòn, Giáo Hội Khất Sĩ Việt Nam, 1965 (94 tr.)	C6M C14C2
211 Min - p	Minh Châu, Chơn Trí, Thiên Ân & Đức Tâm. <u>Phật pháp, chương trình của Giáo trình Phật Tử</u> . Hoa Kỳ, Phật Học Viện Nước Ta, 1981. (36 tr.)	
211 Min - p	Minh Châu, Chơn Trí, Thiên Ân & Đức Tâm. <u>Phật pháp, chương trình của Giáo trình Phật Tử</u> . Huế, Phật Học Viện Trung Việt, 1959 (233 tr.)	
211 Nar - d	Nārada (Naha Thera). <u>Đức Phật và Phật Pháp</u> . Hoa Kỳ, Chùa Từ Quang, 1978. (677 tr.)	
211 Nar - n	Nārada (Naha Thera). <u>Phẩm bậc thành tựu</u> . Pháp Chùa Khánh An, 1982 (38 tr.)	2 q.
211 Nar - n	Nārada (Naha Thera). <u>Nghiên cứu</u> . ? (40 tr.)	
211 Nia - p	Niên, Huỳnh Văn. <u>Phật Thích lục</u> , tập 1, 2. Pháp, Kỳ Viên Tự, 1977.	C1(143 tr.) C2(139 tr.) C3(100 tr.)
211 Psy - t	Piyadasani (Thera). <u>Phật Giáo, một nguồn hạnh phúc</u> . Pháp, Kỳ Viên Tự, 1978. (96 tr.)	2 q.
211 Piy - t	Piyadasani (Naha Thera). Phạm Kim Khánh dịch. <u>Thức Giác Chi</u> . Hoa Kỳ, Chùa Pháp Vân, 1978 (41 tr.)	2 q.
211 Qu - t	Quang Pháp, Thích. <u>Thuyết pháp sáng suốt (câu đố Trung Á Thần)</u> . Pháp, Chùa Khánh An, 1980 (69 tr.)	
211 Kah - t	Kahala, V. Thích Nữ Trí Hải dịch. <u>Từ điển Phật học (từ điển thuật ngữ)</u> . Hoa Kỳ, Phật Học Viện Quốc Tế, 1983 (144 tr.)	
211 Suz - c	Suzuki, Daisetz Teitaro. Trúc Thiên dịch. <u>Cổ tự cứu thế Phật</u> . Hoa Kỳ, Phật Học Viện Quốc Tế, 1981 (177 tr.)	2 q.
211 Thu - c	Thanh Tử, Thích. <u>Chức Khảo học Phật</u> . Pháp, Chùa Khánh An, 1979 (81 tr.)	
211 Thu - d	Thanh Tử, Thích. <u>Mục lục Phật giáo (tập I & II)</u> . Pháp, Khánh An, ? (149 tr.)	

211	Thanh Tú, Thích. <u>Một vấn đề công Chấn</u> . Canada, Hội Phật Giáo Quan Âm, 1983. (77tr.)		212.09	Quốc Ông. <u>Phật giáo truyền giáo</u> . Sài Gòn, Tân Sinh, 1967. (17 tr.)
211	Thanh Tú, Thích. <u>Tam Quy Đức giới</u> . Pháp, Chùa Khánh An, 1980 (42tr.)		212.09	Luong, Nguyễn. <u>Việt Nam Phật Giáo sử Luận (quyển 1)</u> . Pháp, LA BÉI, 1977 (80tr.)
211	Thanh Tú, Thích. <u>Thiền và kinh điển Phật</u> . Hà Nội - Pháp, Hoa Nghiêm, 1981 (80tr.)	2q.	212.09	Luong, Nguyễn. <u>Việt Nam Phật Giáo sử Luận (quyển 2)</u> . Pháp, LA BÉI, 1978 (204tr.)
211	Thiền Hoa, Thích. <u>Bái học vườn vàng</u> . Pháp, Chùa Khánh An, 1982 (80tr.)	2q.	212.09	<u>Tiểu sử cổ hòa thượng Thích Thiên Hậu</u> , Viện Trưởng Viện Hán Học GHI-VNTH. ? , ? , ? (10tr.)
211	Thiền Hoa, Thích. <u>Bái học vườn vàng</u> . tập 1, 2, 3, 4. Hoa Kỳ, Chùa Từ Quang, 1982 (8c.)	4q.	212.09	Thiền An, Thích (Hòa Thượng). <u>Phật Giáo Việt Nam xưa và nay</u> . Tây Đức, Tr. Tâm Văn Hóa Phật Giáo, 1982. (XXV111, 84tr.)
211	Thiền, Nguyễn Trạch (Bác Sĩ) - sưu tập. <u>Viết nhân sinh</u> . Pháp, Kỳ Viên Tự, ? (58tr.)		212.091	Một Thế (Đương Tọa). <u>Việt Nam Phật Giáo sử Luận</u> . Huế, Minh Đức, 1960. (XX1, 245tr.)
211	Thiền Hoa, Thích. <u>Nhân quả, Nghiệp, Luân hồi</u> . Pháp, Khánh An, 1979. (104tr.)		212.094	Như biển, Thích. <u>Lịch sử Phật Giáo Việt Nam tại hải ngoại trước và sau năm 1975</u> (Vietnamese Buddhist Activities in Ausiland vor 1975). Tây Đức, Tr. Tâm Văn Hóa PG, Vn., 1982 (422tr.)
211	Thiền Lâm, Thích. <u>Niệm Phật thân yếu</u> . Hoa Kỳ, Phật Học Viện Quốc Tế, 1982 (297tr.)		212.095	Kiểm sát. <u>Lịch sử tranh đấu Phật Giáo Việt Nam</u> . Hoa Kỳ, Phật Học Viện Quốc Tế, 1981 (500tr.)
211	Thiền Hoa, Thích. <u>Phật học phổ thông</u> . Hoa Kỳ, Phật Học Viện Quốc Tế, 1981.	Gồm C1, C5, C6+7	212.094	Tín Nghĩa. <u>Hiển tinh Phật Giáo Việt Nam</u> , Hoa Kỳ, Phật Học Viện Quốc Tế, 1981 (213tr.)
211	Thiền Hoa, Thích. <u>Phật học phổ thông</u> . Sài Gòn, Hướng Đạo, -	Gồm C4, C5, C9, C10+1	212.7	Ninh, Đỗ Văn và Trịnh Cao Tường. <u>Chùa Keo (Thiền Quang Tự)</u> . Pháp, SUEHASTIT, 1978 (79tr.)
211	Thiền Hoa, Thích. <u>Tứ Diệu Đế</u> . Pháp, Khánh An, ? (160tr.)		212.7	Lãng, Nguyễn Bá. <u>Kiến Trúc Phật Giáo Việt Nam (C1)</u> . Sài Gòn, Đại Học Vạn Hạnh, 1972 (150tr.)
211	Thiền Hoa, Thích. <u>Tứ tâm</u> . Pháp, Chùa Khánh An, 1978. (172tr.)		215.92	Quạt Sơn (TỔ). <u>Quạt Sơn Cảnh Sách (thiền-ph)</u> . Hoa Kỳ, Phật Học Viện Quốc Tế, 1983. (137tr.)
211	Thông Khâm Madhivongse (Maha). <u>38 Pháp hạnh như</u> . Hoa Kỳ, Chùa Pháp Vân, 1980 (315tr.)		217.2	A
211	Thông Khâm Madhivongse (Maha). <u>Tín hiệu Phật Giáo</u> . Hoa Kỳ, Chùa Pháp Vân, 1980 (285 tr.)		217.2	Thanh Từ, Thích - dịch giả. <u>Kinh Bát Đại Nhân Giác</u> . Hoa Kỳ, Phật Học Viện Quốc Tế, 1983 (120tr.)
211	Trí Tịnh, Thích. <u>Đường về Cực Lạc</u> . Pháp, Tự Viện Linh Sơn, 1982. (175tr.)		217.2	Nhất Hạnh - dịch giả. <u>Bát Đại Nhân Giác</u> . Hoa Kỳ, Ananda, ? (74tr.)
211	Trí Tịnh, Thích. <u>Đường về Cực Lạc</u> . Sài Gòn, Chùa Vạn Đức, 1970 (5, 1tr.)	2q.	217.2	Nhất Hạnh - dịch giả. <u>Kinh Bát Đại Nhân Giác</u> . Pháp, LA BÉI, ? (34tr.)
211	Trung Quán, Thích. <u>Điện minh tu chứng</u> . Pháp, Khánh An, 1981. (135tr.)	3q.	217.2	Viên Đức, Thích - dịch giả. <u>Kinh Chuẩn đề Đà La Ni</u> . Hoa Kỳ, Nhóm Mật Giáo Colorado, 1983 (199tr.)
212.03	Cường, Võ Đình. <u>Ảnh Đức vàng</u> . Pháp, Chùa Khánh An, ? (149tr.)	Văn học Phật Giáo	217.2	Kiệm, Nguyễn Văn - dịch giả. <u>Kinh Chuyển Pháp Luân</u> . Hoa Kỳ, Chùa Pháp Vân, 1973.
212.03	Cường, Võ Đình. <u>Ảnh Đức vàng</u> . Hoa Kỳ, Phật Học Viện Quốc Tế, 1980. (149tr.)		217.2	Chân Lý, Thích - dịch giả. <u>Mười Ba Sân Pháp</u> . Hoa Kỳ, Chùa Phật Quang, 1983.
212.03	Giác Nhiên (Phật Sư). <u>Tứ Vô Lượng Tâm</u> . Hoa Kỳ, Tịnh Xã Minh Quang, ? (191tr.)		217.2	Hoàn Quan, Thích - dịch giả. <u>Kinh Phật Di Giáo</u> . ? , Hoa Kỳ, 1970. (130tr.)
212.03	Heese, Hermann. Phùng Khánh và Phùng Thắng dịch. <u>Câu chuyện đấng công</u> . Pháp, LA BÉI, 1977 (151tr.)		217.2	Nguyễn Đức, Thích - dịch giả. <u>Đại Nhật Kinh</u> . ? , ? , ? (151tr.)
212.03	Hình Châu, Thích. <u>Về những điều thiêng và sự Phật</u> . Huế, Khai Đức, 1964. (100tr.)	2q.	217.2	Trí Tịnh, Thích - dịch giả. <u>Tứ Vô Lượng Tâm</u> . Hoa Kỳ, Tịnh Xã Minh Quang, ? (191tr.)
212.03	Hình Châu - sưu tập. <u>Truyền cổ Phật Giáo</u> . Pháp, Chùa Khánh An, 1973. (420tr.)		217.2	Chùa Khánh An - sưu tập. <u>Lịch sử Phật Giáo</u> . Pháp, Khánh An, ? (51tr.)
212.03	Hình Châu - sưu tập. <u>Truyền cổ Phật Giáo tập 1</u> . Hoa Kỳ, Phật Học Viện Quốc Tế, 1982 (8c.)		217.2	Tâm Châu, Thích - dịch giả. <u>Kinh Giải Thoát và các kinh</u> . Tân Tuyền, Thư Tân Tuyền, Tân Tuyền, Hoa Kỳ, Tân Tuyền, Pháp, Chùa Từ Quang, 1982 (60tr.)
212.03	Nhất Hạnh. <u>Am mây rưng</u> . Pháp, LA BÉI, 1982. (200tr)		217.2	Trung Quán, Thích - dịch giả. <u>Kinh Diệu Nhu</u> . Hoa Kỳ, Phật Học Viện Quốc Tế, 1982. (367tr.)
212.03	Nhất Hạnh. <u>Đường</u> . Pháp, LA BÉI, ? (158tr.)	3q.	F217.2	Kinh Hiền Ngưu. ? , ? , ? (571tr.)
212.03	Nhất Hạnh. <u>Tổ</u> . Pháp, LA BÉI, 1980. (201tr)		217.2	Trí Tịnh, Thích - dịch giả. <u>Kinh Học Nhân Tâm</u> . Hoa Kỳ, Văn Nghệ, 1979. (114tr.)
212.03	Nhất Lạc, Thích. <u>Tín Ngục Kỳ</u> . Úc Đại Lợi, Chùa Pháp Bảo, 1983. (62tr.)	3q.	217.2	Thiền Hoa, Thích - dịch giả. <u>Kim Cương và Tâm Kinh</u> . Sài Gòn, Hướng Đạo, 1967. (255tr.)
212.03	Tâm Quán. <u>Tỉnh người</u> . Pháp, LA BÉI, 1978 (150tr.)		217.2	Còn, Đoàn Trung - dịch giả. <u>Kinh Kim Cương</u> . Sài Gòn, Phật Học Thư Xã, 1975. (73tr.)
212.03	Tâm Quán. <u>Tỉnh người</u> . Pháp, Hoa Kỳ, Phật Học Viện Quốc Tế, 1980. (150tr.)		217.2	Mười Thôn Kim Cương Kinh Luận. ? , ? , ? (63tr.)
212.03	Tịnh Văn. <u>Quảng độ dịch</u> . <u>Thoát vòng tục lụy</u> . Hoa Kỳ, Phật Học Viện Quốc Tế, 1980. (266tr.)		217.2	Viên Giác, Thích - dịch giả. <u>Mười Thôn Kim Cương Kinh Luận</u> . Pháp, Tự Viện Linh Sơn, 1982. (68tr.)
212.03	Tịnh Văn. <u>Quảng độ dịch</u> . <u>Thoát vòng tục lụy</u> . Hoa Kỳ, Chùa Đức Viên, ? (266tr.)		217.2	Viên Giác, Thích - dịch giả. <u>Mười Thôn Kim Cương Kinh Luận</u> . Hoa Kỳ, Chùa Đức Viên, 1983. (65tr.)
212.03	Thế Quán, Thích Nữ. <u>Bát Đại Bồ Tát</u> . Pháp, Chùa Khánh An, ? (142tr.)		217.2	Thiền Trì, Thích - dịch giả. <u>Kinh Đại Thôn Kim Cương</u> . Pháp, Chùa Khánh An, 1980. (317tr.)
212.03	Trí Hải, Thích (Hòa Thượng). <u>Tám Chúng Sinh</u> . Hoa Kỳ, Giác Hoàng Thiền Tự, 1981. (44tr.)	4q.	217.2	Thiền Hoa, Thích - dịch giả. <u>Kinh Kim Cương</u> . Hoa Kỳ, Pacific Book & Printing, 1982. (181tr.)
212.04	Việt, Nguyễn Khoa. <u>T nghiên cổ Phật giáo</u> . Nha Trang, Phật Học Viện Trung Phần, 1982 (74tr.)		217.2	Thanh Từ, Thích - dịch giả. <u>Lược Giải A Bát Đà La Ni</u> . Hoa Kỳ, Phật Học Viện Quốc Tế, 1982. (XII, 410tr.)
212.04	Kiểm sát. <u>Lịch sử Gia đình Phật tử Việt Nam</u> . Hoa Kỳ, Phật Học Viện Quốc Tế, 1981 (205tr.)		F217.2	Luật Quang và Trí Độ - dịch giả. <u>Kinh Lăng Nghiêm</u> . Sài Gòn, Viện Phật Học Huyền Cổ, 1965. (607tr.)
212.053	Đức, Trần Thọ. <u>Đạo Phật Việt Nam và hướng đi nhân bản dịch thuật</u> . Sài Gòn, LA BÉI, 1967 (166tr.)		F217.2	Diệu Không, Thích Nữ - dịch giả. <u>Kinh Lăng Già Tâm Ấn</u> . Sài Gòn, Hoa Sen, 1964. (572tr.)
F212.053	Huyền Quang, Thích và Thích Nhất Hạnh. <u>Đạo Phật ăn uống vào đời sống hàng ngày</u> . Sài Gòn, Viện Hán Học, 1973 (141tr.)	2q.	217.2	Trí Quang - dịch giả. <u>Lược Giảng Kinh Lăng Già</u> . Phật Học Viện Quốc Tế, 1982. (52tr.)
F212.053	Nhất Hạnh. <u>Đạo Phật đi vào cuộc đời</u> . Sài Gòn, Việt Nam, 1966 (206tr.)	2q.	217.2	Viên Giác, Thích - dịch giả. <u>Tứ Bi Đạo Trang Sân Pháp - Lược Giảng Sân I</u> . Sài Gòn, ? , 1961. (399tr.)
212.053	Story, Francis. <u>Trần Quang Thuận dịch</u> . <u>Phật Giáo với Mạc Xit</u> . Sài Gòn, Bút TĐ, 1965. (247tr.)		217.2	Chính Tiến, Thích - dịch giả. <u>Tứ Bi Đạo Trang Sân Pháp Kinh</u> . Hoa Kỳ, Phật Tử, 1979. (209tr.)
F212.09	Quốc Tuệ. <u>Cần vấn tranh đấu của Phật Giáo Việt Nam</u> . Sài Gòn, 1963. (543tr.)	Lịch sử POW	2q.	

217.2 Mục	Việc Đức, Thích - dịch giả. <u>Kinh Mai Pháp Nhất</u> Tứ Độ La Mi (Mật Giáo). Đôn Nhã Thuật, Chùa Dược Sứ, 1974. (140tr.)	218 Văn	1958 Hoa Văn Quốc Tế - sưu tập. Tân kinh Phật Đức Tân Kinh. Từ Tâm, Từ Văn (Tâm Tâm). Hoa Kỳ, 1974. (198tr.)	29.
217.2 Mĩ	Cửu Nghiệm (Tỷ Khảo) - dịch giả. <u>Mĩ Tiên Văn Đạp</u> quyển một. Học Kỳ, Chùa Pháp Vân, 1979. (250tr.)	218 To - a	Tế Liên (Hòa Thích), dịch 11 lý kinh. Hoa Kỳ, Chùa Đức Viên, 1982. (215tr.)	
217.2 Mục	Quảng Độ, Thích - dịch giả. <u>Tứ Niệm Trung Mục</u> Liên Sơn Pháp, Sài Gòn, tctxb, 1974. (175tr.)	218 Thu-h	Thanh Từ. <u>Hội nhập Tâm kinh Giảng Giải</u> . Pháp, Khánh Anh, 7. (50tr.)	30.
217.2 Ngh-d	Chùa Khánh Anh - sưu tập. <u>Nghi thức tụng niệm</u> Pháp, Khánh Anh, 1977. (260tr.)	218 Thu-p	Thật Hiền (Huyền). <u>Trí Quang dịch. Phát Bồ đề Tâm</u> . Hoa Kỳ, Tr. Tâm Văn Hóa Phật., 1983. (95tr.)	
217.2 Ngh-t	Tỉnh Xá Minh Quang - sưu tập. <u>Nghi thức tụng</u> niệm. Hoa Kỳ, Tỉnh xá Minh Quang, 1979. (175tr.)	218 Thu-p	Thiện Hoa, Thích. <u>Hội nhập tu Phật, lấy là chọn</u> <u>đường tu</u> . Sài Gòn, Hương Đạo, 1969. ()	30.
F217.2 Pha	Truyện, Mai Thọ - dịch giả. <u>Phân Hoa Huyền Nghĩa</u> . Sài Gòn, tctxb, 1964. (275tr.)	218.08 Kho-q	Chùa Khánh Anh - sưu tập. <u>Quần áo cứu khổ</u> . Pháp, Khánh Anh, 1978. (40tr.)	
217.2 Pha	Hec, Dường Tú - sưu tập. Thích Trí Nghiêm dịch. <u>Phật Giáo Thánh Kinh</u> . Hoa Kỳ, Nhà Mát Giáo Colo- rado, 7. (350tr.)	218.2 Chu-t	Chang Chen Chi. Như Hạnh dịch. <u>Thiền Đạo Tu Tâm</u> . Hoa Kỳ, PVV Quốc Tế, 1983. (442tr.)	Thiền học
217.2 Pha	Hộ Tông (Tỷ Khảo) - dịch giả. <u>Phật Học</u> . Sài Gòn, Phật Giáo Nguyên Thủy, 1970. (63tr.)	218.2 Nha-n	Nhất Hạnh. <u>Nào vào Thiền học</u> . Pháp, Lê Bối, 1976. (244tr.)	
217.2 Pha	Huyền Vi - dịch giả. <u>Điều lý Kinh Pháp Hoa</u> . Pháp Tự Viện Linh Sơn, 1982. (320tr.)	218.2 Thu-t	Thanh Từ - sưu tập & phiên dịch. <u>Thiền Đốn Ngộ</u> . Pháp, Khánh Anh, 1976. (234tr.)	50.
217.2 Pha	Hùng Đạo, Thích - dịch giả. <u>Bối cảnh Kinh Pháp</u> <u>Hoa</u> . Vũng Tàu, Chùa Qui Sơn, 1972. (318tr.)	F218.2 Muj-g	Muju (Thiền Sư). <u>Mở Đỉnh Đốc dịch. Cập nhật các</u> <u>đề</u> . Sài Gòn, Lê Bối, 1971. (116tr.)	
217.2 Pha	Quế, Tô - dịch giả. <u>Kinh Phân Bảo Thân</u> . 7, 7, 1977. (116tr.)	F218.2 Nha-n	Nhất Hạnh. <u>Nào vào Thiền học</u> . Pháp, Lê Bối, 1976. (244tr.)	
217.2 Pha	<u>Lời Vàng & ngọc</u> . (trích từ Kinh Pháp Cú). Do Đại Lợi, Hội Phật Giáo Việt Nam, 1982. (20tr.)	F218.2 Sya-t	Suzuki, Daisetsu Teitaro. Trúc Thiên dịch. <u>Thiền</u> <u>Luân, cuốn 1</u> . Sài Gòn, An Tiêm, 1970. (660tr.)	
217.2 Pha	Trí Đức, Thích - dịch giả. <u>Kinh Pháp Cú (Dhamma- pada)</u> . Hoa Kỳ, Chùa Pháp Vân, 1976. (108tr.)	F218.2 Sya-t	Suzuki, Daisetsu Teitaro. Tự Sỹ dịch. <u>Thiền Luận</u> , <u>cuốn 2</u> . Sài Gòn, Đông Quang, 1971. (576tr.)	20.
217.2 Pha	Trí Tịnh, Thích - dịch giả. <u>Kinh Phân Hoa (Saddhar- pundarika Sutra)</u> . Hoa Kỳ, Phật Học Viện Quốc Tế, 1980. (1312tr.)	218.2 Thu-t	Thục, Nguyễn Đăng. <u>Thiền học Việt Nam</u> . Sài Gòn, Lê Bối, 1966. (483tr.)	
217.2 Pha	Trí Tịnh, Thích - dịch giả. <u>Kinh Điều Pháp Liên</u> <u>Hoa & Kinh Đại Thừa Vô Lượng Nghĩa</u> . Pháp, Chùa Khánh Anh, 1977. (611tr.)	F218.2 Tri-t	Trí Khải (Đại Sư). Thích Thanh Từ dịch. <u>Thiền căn</u> <u>bản</u> . Sài Gòn, Trí Thức, 1973. (190tr.)	
217.2 Pho	Chùa Khánh Anh - sưu tập. <u>Phổ Môn thi niệm, nghi</u> <u>thức cầu an</u> . Pháp, Khánh Anh, 7 (111tr.)	218.21 Bo-a	Bồ đề Đạt Ma. Trúc Thiên dịch. <u>Sáu cuốn vào Đương</u> <u>Thiền Thất</u> . Pháp, Khánh Anh, 7 (127tr.)	
217.2 Pho	Niệm Phật Đường Khánh Anh - sưu tập. <u>Kinh Phổ Môn</u> . <u>Nhớ 18 câu an</u> . Pháp, Khánh Anh, 7. (62tr.)	218.21 Bo-a	Bồ đề Đạt Ma. Trúc Thiên dịch. <u>Sáu cuốn Thiền Thất</u> . Hoa Kỳ, PVV Quốc Tế, 1980. (187tr.)	20.
217.2 Toi	Tâm Châu, Thích - dịch giả. <u>Kinh Tội Phức Báo Ông</u> . Pháp, Chùa Từ Quang, 1979. (23tr.)	218.21 Kha-p	Nhất Hạnh. <u>Pháp là của sự tỉnh thức, cần năng lực</u> <u>Thiền</u> . Pháp, Lê Bối, 1978. (116tr.)	20.
217.2 Thu	Trí Quang, Thích - dịch giả. <u>Kinh Thủy Sâm</u> . Hoa Kỳ, Phật Học Viện Quốc Tế, 1980. (289tr.)	218.21 Thu-y	Thanh Từ. <u>Yếu chỉ Thiền Tông</u> . Pháp, Tự Viện Linh Sơn, 1981 (109tr.)	20.
217.2 Thu	Thâm, Lê Minh (Tâm Minh) - dịch giả. <u>Kinh Thủ</u> <u>Lâm Nhiễm (Surangama Sutra)</u> . Hoa Kỳ, Phật Học Viện Quốc Tế, 1981. (1112tr.)	F218.21 Thu-y	Thanh Từ, Thích. <u>Yếu chỉ Thiền Tông</u> . Vũng Tàu, Tu Viện Chân Không, 7 (50tr.)	
F217.2 Thu	Chơn Giác, Thích - dịch giả. <u>Kinh Thủ Lăng Nghiêm</u> . Sài Gòn, Linh Sơn Phật Học Nghiên Cứu Hội, 1957 (616tr.)	218.27 Chu-t	Chơn Giác, Thích. Văn Việt dịch. <u>101 điều hiển lộ của Phật</u> <u>Sai Gòn, Viện Phật Học Vạn Hạnh, 1980. (101tr.)</u>	20.
217.2 Tru	Minh Châu, Thích - dịch giả. <u>Trương Bồ Kinh tập 1</u> . <u>Naishime Kikyō</u> . Sài Gòn, Viện Đại Học Vạn Hạnh, 1973 (338-339tr.)	F218.29 Thu-s	Thanh Từ. <u>Nếu 33 vị Phật Thiền Tông Ấn Độ</u> . Sài Gòn, Tu Viện Chân Không, 1975. (211tr.)	20.
217.2 Tru	Minh Châu, Thích - dịch giả. <u>Trương Bồ Kinh tập 2</u> <u>Naishime Kikyō</u> . Sài Gòn, Viện Đại Học Vạn Hạnh, 1973 ()	218.29 Thu-s	Thanh Từ. <u>Tứ Thiền Tông</u> . Hoa Kỳ, Phật Học Viện Quốc Tế, 1981. (511tr.)	
217.2 Vi	Hành Trụ, Thích - dịch giả. <u>Kinh Vi Tăng Hỷ</u> <u>Thuyết Nhân Duyên</u> . Hoa Kỳ, PVV Quốc Tế, 1981. (159tr.)	218 Đan-n	Đình, Cao Hữu. <u>Phật và Thành Chương</u> . Hoa Kỳ, Phật Học Viện Quốc Tế, 1981. (140tr.)	
217.2 Vo	Trí Tịnh, Thích - dịch giả. <u>Kinh Mai Thừa Vô Lượng</u> <u>Nghĩa</u> . Hoa Kỳ, Sơn Trông, 1980.	F218 Thu-p	Thiền Tâm, Thích. <u>Phật Học Tinh Yếu</u> . Sài Gòn, Huệ Khai, 1965. (415tr.)	20.
217.2 Vo	Tuệ Hải - dịch giả. <u>Kinh Đại Thừa Vô Lượng Nghĩa</u> Pháp, Tự Viện Linh Sơn, 1982. (99tr.)	219 Vso-h	Việt, Lý Khôi. <u>Hội nhập năm Việt Nam và Phật Giáo</u> Hoa Kỳ, PVV Quốc Tế, 1981. (327tr.)	
217.2 Vu	Huệ Đăng (Hòa Thuận) - dịch giả. <u>Kinh Vu Lan và</u> <u>Kinh Báo Ân Phu Mẫu</u> . Pháp, Khánh Anh, 1981. (40tr.)	F219.5 Kin-h	Hành Châu, Thích. Thích Nữ Trí Hải dịch. <u>Huyền</u> <u>Truyền, nhà chiêm bái và học giáo</u> . Sài Gòn, Đại Học Vạn Hạnh, 1966. (422tr.)	20.
217.2 Vu	Phật Học Viện Quốc Tế - sưu tập. <u>Vu Lan Báo Ân</u> <u>và Báo Ân Phu Mẫu An Kinh</u> . Hoa Kỳ, Phật Học Viện Quốc Tế, 1982. (33tr.)	219.5 Tin-d	Rectung. Bồ Đề Đạt Ma dịch. <u>Milarepa, con người</u> <u>niệm viết</u> . Hoa Kỳ, PVV Quốc Tế, 1982. (194tr.)	
218 Bo-n	Bồ Đề Đạt Ma. Trí Tịnh dịch. <u>Ngộ tánh luận</u> . Sài Gòn, Chùa Vạn Đức, 1974. (96tr.)	220.09 For-p	Tín Nghĩa. <u>Tâm Ma Huyền Trang</u> . Hoa Kỳ, Song Ngọc Thủy Linh, 1983. (156tr.)	
218 Đio-t	Diệu Mỹ (Ngái). Tâm Châu dịch. <u>Thiền Lâm Báo Huân</u> . Hoa Kỳ, Chùa Pháp Vân, 1982. (345tr.)	220.1 Kin	Forster, Werner. Dr. Paul Thi Bäch Thöng dịch. <u>Phân</u> <u>lên tâm. Tây Đức, Patana-Aktion, 1979. (9tr.)</u>	Th. CHA GIÀO TAN LAM GIÀO
218 Đut-d	Dutt, N. Thích Minh Châu dịch. <u>Đại Thừa và sự liên</u> <u>hệ với Tiểu Thừa</u> . Sài Gòn, Đại Học Vạn Hạnh, 1971 (455tr.)	220.3 Ngu	Kinh Thánh, sưu tập và bản dịch. Hoa Kỳ, Thánh Kinh Hội Mỹ (Quốc Kêu Đức, 7 (326tr.)	
218 Hau-d	Hành Giác, Thích. <u>Bối cảnh Đốn Ngộ học Phật Giáo</u> . Hoa Kỳ, Tr. Tâm Văn Hóa Phật Giáo, 1981. (55tr.)	222 Phu	<u>Ami</u> Su Ma Di nhân Đức. Tây Đức, D.L. và D.V., 1980. (34tr.)	20.
218 Nha-v	Nhất Hạnh. <u>Vấn đề nhận thức trong Duy Thức học</u> . Pháp, Lê Bối, 1978. (123tr.)	232.07 Wat-n	<u>Phu</u> Ca, Tây Đức, Các Linh Mục Việt Nam tại Đức, 1981 (390tr.)	
218 Nha-v	Nhất Hạnh. <u>Vấn đề nhận thức trong Duy Thức học</u> . Hoa Kỳ, PVV Quốc Tế, 1980. (123tr.)	295.92 Luo-c	Watchtower Bible and Tract Society, INC. <u>Này, ta</u> <u>lâm mới lại hội thay mặt vật</u> . Hoa Kỳ, 7, 1961. (3tr.)	
218 Pha	<u>Điều lý Kinh Phân Hoa</u> . 7, 7, 7. (do nhiều tác giả phi theo các bài giảng của Th. Tọa Thích Huyền Vi. (186 tr.)	295.92 Luo-c	Lượng, Nguyễn Văn. <u>Còn đường gì thoát</u> . Sài Gòn, Hội Thiền Thiền Học, 1969. (213 tr..)	MỘT GIÁO KHÁC
218 Pho-t	Pháp Loa Ông Kiên Cường (Thiền Tổ) - biên chép - Trúc Thiên dịch. <u>Tứ Trung Thuận Sĩ Nhân Luận</u> . Pháp, Lê Bối, 1979. (176tr.)	307 Car-d	300: KHOA HỌC XÃ HỘI Carnegie, Dale. P. Hiếu và Nguyễn Hiến Lê dịch. <u>Đến</u> <u>đến nhân tâm, từ người đến thành công</u> . Hoa Kỳ, Đại Nam, 7 (316tr.)	Sách học lâm người.
F218 Tni-d	Taiken, Kimura. Thích Quảng Độ dịch. <u>Bối cảnh</u> <u>Phật Giáo Từ Tạng Luận</u> . Sài Gòn, Đại Học Vạn Hạnh, 1969. (479tr.)	307 Car-1	Carnegie, Dorothy. Nguyễn Hiến Lê dịch. <u>Luyện</u> <u>Tinh Thần</u> . 7, 7, 7. (206tr.)	20.
F218 Tni-t	Taiken, Kimura. Thích Quảng Độ dịch. <u>Tiểu Thừa</u> <u>Phật Giáo Từ Tạng Luận</u> . Sài Gòn, Khuông Việt, 1969. (506tr.)	307 Car-q	Carnegie, Dale. P. Hiếu và Nguyễn Hiến Lê dịch. <u>Quản</u> <u>chính là để và vui sống</u> . Hoa Kỳ, 7, 7, (2, 306tr.)	20.

307 Cao-t	Cũnh, Vũ Minh. <u>Thủ hào Ấp An sống</u> . Sài Gòn, Minh Đức, 1962. (98tr.)	475.921 Kha-c	Kim, Nguyễn Khắc. <u>Giáo viên Việt ngữ học tiếng Anh</u> . Sài Gòn, Đại Học Văn Khoa, 1966. (42tr.)	Việt ngữ
307 Duo-m	Cũnh, Lâm Ngọc. Nguyễn Hiến Lê dịch. <u>Một quan niệm về sông đẹp</u> . 7.7.7. (318tr.)	475.921 Lan-c	Lâm, Hồng Hà. <u>Cải hay câu tiếng Việt qua sự đổi vị địa</u> . Canada, Quê Hương, 1981. (80tr.)	
307 Nha-n	Nhất Hạnh. <u>Một vài tuổi hai mươi</u> . Pháp, Lê Bối, 1980. (168tr.)	475.921 Lo - v	Lê, Hồng Hà. <u>Ủy ban KHXXI</u> . 1976. (390tr.)	
307 Sch-s	Schindler, John A. T. Nguyễn dịch. <u>Đầu 765 ngày một năm</u> . 7.7.7. (382tr.)	475.921 Tu - t	Tu, Nguyễn Văn. <u>Từ và vốn từ tiếng Việt hiện đại</u> . Hà Nội, Ủy Ban KHXXI, 1976. (390tr.)	
307 Ste-s	Steinrohr, Peter J. (bác sĩ). Nguyễn Hiến Lê dịch. <u>Sống theo sơ thích thì sẽ sống lâu</u> . 7.7.7. (222tr.)	475.921 Tha-d	Thân, Nguyễn Kim. <u>Đầu từ trong tiếng Việt</u> . Hà Nội, Khoa Học Xã Hội, 1977. (270tr.)	
307 Tun-n	Tùng, Phạm Cao. <u>Người lịch sử</u> . Hoa Kỳ, Sống Mới, 7. (201 tr.)	475.927 Bao - 1	Bào, Bùi Văn. <u>Luyện tập quốc văn</u> . Canada, Quê Hương, 1981. (79tr.)	
307 Tri-m	Trình Di. Đoàn Trung Kiên dịch. <u>Minh đạo gia huấn</u> . Sài Gòn, Trí Đức Tùng Thư, 1971 (43tr.)	475.927 Bao - 1	Bào, Bùi Văn. <u>Tập đọc 1 & 2</u> . Canada, Quê Hương 7 (C1:96tr. ; C2:96tr.)	
307 Vie-g	Việt, Hoàng Xuân. <u>Gây thiên cảm</u> . 7.7.7. (239tr.)	475.927 Bao - 1	Bào, Bùi Văn. <u>Tập đọc một và hai</u> . Tây Đức, Sài Gòn An Lạc, 7 (C1:92tr. ; C2:93tr.)	
307 Vie-p	Việt, Hoàng Xuân. <u>Người lý tưởng</u> . 7.7.7. (352tr.)	475.927 Kim - q	Kim, Trần Trọng và nh.ng.khác. <u>Quốc Văn Giáo Khoa Thư (theo sơ đồ)</u> . Pháp, Đại Học Tự Do Việt Nam, 1980. (104tr.)	
307 Vie-t	Việt, Hoàng Xuân. <u>Thuật hùng biện</u> . 7.7.7. (398tr.)	475.927 Kim - v	Kim, Trần Trọng và nh.ng.khác. <u>Việt Nam văn phạm</u> . Hoa Kỳ, Sống Mới, 7. (212tr.)	
321 Luu-1	Lưu, Nguyễn Ngọc. <u>Lược khảo về hai chủ nghĩa chính trị Việt Nam</u> . Sài Gòn, Hội Cựu Đình Viên Quốc Gia Hành Chánh, 1969. (152tr.)	475.927 Luu - v	Lưu, Nguyễn Ngọc. <u>Văn Việt Ngữ (tập đọc, tập viết, tập làm văn)</u> . Hoa Kỳ, Zieleska, 7. (64tr.)	
320.01 Tan-t	Tân, Nguyễn Phúc. <u>Tự sướng chính trị Đông Tây</u> . Sài Gòn, Khai Trí, 1967. (301tr.)	475.927 Mot - v	Một nhóm Giáo viên. <u>Văn Việt Nam (theo đồng ý)</u> . Hoa Kỳ, Đại Nam, 7. (7)	
327.09 APL-a	APL-CIO (Hoa Kỳ). <u>Ái là tân đế quốc ??? Tây Đức, Độc Lập</u> , 7 (53tr.)	475.927 Thu - e	Thuyền, Nguyễn. <u>Y học cho Việt</u> . Úc Đại Lợi, tác giả tự xuất bản, 1980. (50tr.)	
337.923 Luu-b	Lương, Nguyễn và nh.ng.khác. <u>Hiện tượng nhân tiến</u> . Sài Gòn, Hoá Bào, 1960. (365tr.)	495.92 Anh-c	Anh, Đào Duy. <u>Chữ Nôm nguồn gốc, cấu tạo, diễn tiến</u> . 7, Khoa Học Xã Hội, 7. (225tr.)	
337.923 Nha-c	Nhập Cầu - sưu tập. <u>Công Giáo và xã hội</u> . Tây Đức, Nhập Cầu, 1974. (222tr.)			
337.927 Vie	Tập San Việt Nam, tập 1 và 2. Tây Đức, TS Việt Nam 7. (82; 127tr.)			
351.911 Vu-t	Vũ, Tôn Á Ngô Khôi. Ngô Văn Triệu dịch. <u>Tôn Ngô bình chương</u> . Hoa Kỳ, Trầm Việt, 1982. (286tr.)			
359 Don-h	Đông, Nguyễn Hữu. <u>Hai mươi danh tiếng và những truyện danh lịch sử</u> . Hoa Kỳ, Trầm Việt, 1981. (356tr.)			
365.92 Cuo-n	Cầu Long Giang và Tôn Anh. <u>Người Việt đất Việt</u> . Sài Gòn, Nam Chi Tùng Thư, 1967. (512tr.)			
365.92 Kim-h	Kim Tịnh. <u>Hồn nước với lá gia tiên</u> . Hoa Kỳ, Nam Cung, 1974. (321tr.)			
365.92 Luu-h	Lâm, Băng Dã. <u>Hương hồn đất nước, hay đất nước ta</u> . Canada, Quê Hương, 7. (100 tr.)			
365.927 Lân-n	Lân, Lê. <u>Những vấn đề kinh tế Việt Nam</u> . Sài Gòn, Khai Trí, 1967. (XVII, 337tr.)			
365.924 Nac-n	Nịch Hà. <u>Đạo hiện tại và tương lai</u> . Tây Đức, Sự Thật, 1976. (141; 64tr.)			
375.92 Nha-m	Nhã, Vũ. <u>Đường non là nhà</u> . Hoa Kỳ, 7. 7. (223tr.)			
375.92 Nha-c	Nhã, Nguyễn Cao và Trần Cao Lĩnh. <u>Cao nguyên Việt Nam qua huyền thoại</u> . Sài Gòn, Gấm Hoa, 1969. (110tr.)			
375.92 Kim-k	Kim Tịnh. <u>Kinh Hùng Khôi Triết</u> . Hoa Kỳ, Thanh Niên Quốc Gia, 7. (241tr.)			
375.92 Nha-d	Nhã, Thanh. <u>Đốt lá quốc thiê</u> . Hoa Kỳ, Sống Mới, 7. (540tr.)			
375.92 Su - d	Tập San Sử Địa - sưu tập. <u>Thức khảm và phong tục Tết Việt Nam và các lân bang</u> . Sài Gòn, Sử Địa, 1967. (232tr.)			
375.92 Tao-n	Tôn Anh. <u>Nếp cũ hội hè đình đám (quyển thứ hai và ba)</u> . Sài Gòn, Nam Chi Tùng Thư, 1969.	C1(303tr.) C2(358tr.)		
375.92 Tao-n	Tôn Anh. <u>Nếp cũ làng xóm Việt Nam</u> . Hoa Kỳ, Xuân Thu, 7. (457tr.)			
375.92 Tao-p	Tôn Anh. <u>Phong tục Việt Nam, từ bản thân đến gia đình</u> . Hoa Kỳ, Đại Nam, 7. (532tr.)			
385.93 An - g	An, Đoàn Văn. <u>Giáo dục Nhật Bản hiện đại</u> . Sài Gòn Bộ VH&V, 1963. (410tr.)			
387 Le - d	Lê, Nguyễn Hiến. <u>Đay con theo lối mới</u> . 7.7.7. (190tr.)			
389.992 Ho - h	Bộ Quốc Gia Giáo Dục VNCH. <u>Hoạt động của Bộ Quốc Gia Giáo Dục từ năm học 1970-71 đến 1980-81</u> . Sài Gòn, Bộ GD&ĐT, 1981 (72 tr.)			

400: NGÔN NGỮ HỌC

473.17 Hon-s	Hồng, Phạm Tuyết. <u>Sprachführer Deutsch-Vietnamesisch</u> . Thụy Sĩ, Caritas u. Ev.Kirchen, 1979 (60tr.)	475.92 Ha - d	Hà, Nguyễn Hữu. <u>Đến Ca Việt Nam, tập I</u> . Hoa Kỳ, Sống Mới, 7. (75tr.)	âm nhạc
473.17 Ngu-v	Nguyễn, Trần Văn. <u>Việt Đức âm Thiệp</u> . Sài Gòn, Hồng Xuyên, 1979. (244tr.)	475.92 Le - d	Lê Bối - sưu tập. <u>Tuyển tập Dân ca</u> . 7. Lê Bối, 7. (16tr.)	âm nhạc
473.27 Dix-t	Dixson, Robert J. Anh Thư dịch và dẫn giải. <u>Thành ngữ Anh Việt thông dụng</u> . Sài Gòn, Nguyễn Tuấn, 1973. (151tr.)	475.923 Hon - k	Hồn Phương - sưu tập. <u>Kịch âm nhạc</u> . Hoa Kỳ, Hồn Phương, 7. (81tr.)	âm nhạc
473.27 Le - t	Lê, Vũ Văn. <u>Thư từ giao thiệp hàng ngày</u> . Hoa Kỳ, Sống Mới, 7. (225tr.)	475.923 Hon - n	Hồn Phương - sưu tập. <u>Những ca khúc mới thời vang bóng</u> . Hoa Kỳ, Hồn Phương, 7. (84tr.)	âm nhạc
475.91 Ba-b/C3	Bà, Nguyễn Văn. <u>Hán văn từ học, quyển 3</u> . Hà Nội, Trí Tri, 1941. (347tr.)	475.923 Hon - t	Hồn Phương - sưu tập. <u>Thể Giọng Nhạc Trẻ</u> . Hoa Kỳ, Hồn Phương, 7. (83tr.)	âm nhạc
475.917 Dia-h	Diên Hải. <u>Hon ngữ từ học, tiếng Quảng Đông</u> . Sài Gòn, Centrindo, 7 (48tr.)	475.923 Duy - o	Duy, Phạm. <u>Ngày đầu chúng mình yêu nhau</u> . Hoa Kỳ, Tỉnh Hoa Miên Nam, 7. (83tr.)	âm nhạc

Phương danh quý Đạo Hữu Phật Từ ủng hộ

Bất thường và Lễ Vu Lan

(Tính đến ngày 4 tháng 8 năm 1983)

ĐH Nguyễn Khắc Cần(München)50DM.ĐHN Nguyễn Khoa thị Thoa(Eberbach)50DM.ĐH Hoàng Qug Hân(Münster)20DM.ĐH Huỳnh thị Chăng(Kons-tanz)20DM.ĐH Nguyễn Thành Long(G. Marien-hütte)20DM.ĐH Nguyễn thị Bảy(Tastrup - Đan Mạch)100 kr.ĐH Nguyễn Đức Khang(Seevetal)50DM.ĐH Trần Nguyễn Anh(Bomlitz)30 DM.ĐH Đỗ Hữu Ái(Oberhausen)20DM.ĐH Trần Huệ(Oldenburg)20DM.ĐH Đào Trọng Hiếu(Kar-llsruhe)30DM.ĐH Phạm Doãn Đương(Mannheim)50DM.ĐH Lâm Kim Liên(M. gladbach)50DM.ĐH Trương thị Anh(Lyon-Pháp)100DM.ĐH Trương Trương Phát(Hürth-Mitte)20DM.ĐH Nguyễn thị Hương(Köln)40DM.ĐH Nguyễn thị Sang(Reck-linghausen)40DM.ĐH Sin Vilaysane(Köln)40 DM.ĐH Trần Tăng(Trossingen)50DM.ĐH Nguyễn Bạch Tuyết(Wolfhagen)10DM.ĐH Trương Triệu Bắc(Albstadt)20DM.ĐH Đỗ Chánh Dân(Sindel-fingen)50DM.ĐH Trần thị Ba(")50DM.ĐH Chung Thái An(Konz)30DM.ĐH Lý Xao Ti ên (")20DM.ĐH Trần thị Ba(")20DM.ĐH Phan thị Bích Liên(")20DM.ĐH Nguyễn Thành Công(Hannover)100DM.ĐH Nguyễn thị Tiến(Schö-neck)10DM.ĐH My(")10DM.ĐH Huỳnh thị Tâm(Visé-Bi)20DM.ĐH Nguyễn Ích Hiền(Oberhau-sen)20DM.ĐH Lâm Chanh Hoàng(Papenburg)100DM.ĐH Nguyễn Hải Hoàng(Bad Bentheim)50DM.ĐH Châu Văn Long(Lausanne-Thụy Sĩ)50FS.ĐH Trần thị Chuẩn(Mülheim/M)10DM.ĐH Nguyễn thị Ngọc Kim PD Đồng Hạnh(")10DM.ĐH Nguyễn Văn Mỹ(Pforzheim)20DM.ĐH Cao thị Sâm(Spaichingen)30DM.ĐH Huỳnh Muội(Tas-trup Đan Mạch)200kr.ĐH Tô Tú Trần(Albert-slund Đan Mạch)300kr.ĐH Tô Tú Ái(Tas-trup Đan Mạch)200kr.ĐH Lương Khai(Bad I-burg)20DM.ĐH Phan Tuyết Hoa(")10DM.ĐH hũu Trần Hồng Nhung 20DM.ĐH Ngô Mỹ Châu 20DM.ĐH Châu Kiệt Ngọc 10DM.ĐH Lý Thanh 10DM.ĐH Diệu Thiện 60DM.ĐH Trang Mỹ Phụng(Kämpfelbach-Bilfingen)20DM.ĐHPT Lương Bá Minh(Paderborn)100DM.ĐH Chung Cam Hưng(Laatz)100DM.ĐH ảnh danh 200DM.ĐH đồng bào PT tại Zwolle(Hòa Lan)50Gulden.Đ hũu Tăng Bảo(Berlin)50DM.ĐH Nguyễn Văn Hào

(Aachen)30DM.ĐH Lê Văn Sun(Mönchenglad-bach)30DM.ĐH Nguyễn thị Tốt(TX.USA)60Do1ĐH Nguyễn Văn Hậu(Düsseldorf)20DM.ĐH Đàm Quang Yên(Berlin)100DM.ĐH Lâm Minh Hiệp(Raalte-Hòa Lan)25 Gulden.ĐH Đinh N g ọc Diệp(Uelzen)20DM.ĐH Lai Nhơn(Emden)40DM.ĐH Diệp thị Sơn(Aalen)20DM.ĐH Đoàn t h i Thuận(Berne-Suisse)40FS.ĐH Huỳnh T h uận Nguyễn(Geilenkirchen)100DM.ĐH Diệu Niên(Hannover)180DM.ĐH La Hai(LausanneSuisse)20FS.ĐH Minh Quang(Lausanne-Suisse)100DM.ĐH Nguyễn thị Tư(Sindelfingen)30DM.ĐH Đỗ Xuất Lê(")20DM.ĐH Trần Hoa Lê(")10DM.ĐH Lưu Cẩm(")10DM.ĐH Nguyễn Văn Phương(Bremervörde)20DM.ĐH Lê thị Lăng(")10DM.ĐH Đạo hũu Lâm thị Phụng(")10DM.ĐH Cẩm Chân Tông(Hallen-Ao)20DM.ĐH Nguyễn Luân(Bonn)20DM.ĐH Phạm thị Bưởi(Düsseldorf)30DM.ĐH Lưu Đạt Huy(")50DM.ĐH Viên kim Huy(Sindelfin-gen)20DM.ĐH Trần thị Hoa(Bochum)40DM.ĐH Trần Hồ(Sweden)60DM.ĐH Huỳnh Tú Dung(Hel-mstedt)40DM.ĐH Vũ thị Lan Thanh(Holmlia Na Uy)100DM.ĐH Bùi Văn Giỏi(Aschaubun)30 DM.ĐH Lưu Nguyệt, Huỳnh Mạch(Oslo-Na Uy)100DM.ĐH Nguyễn thị Thiết(Fulda)20DM.ĐH Phan và ĐH Vũ(Weil am Rhein)50DM.ĐH Trịnh thị Hồng(Hardheim)20DM.ĐH Nguyễn -Phước Hi(Oberhausen)10DM.ĐH Tô Khải Đức(Schweinfurt)20DM.ĐH Nguyễn thị Tư, Huỳnh Kim Hoàng(Freiburg)100DM.ĐH Tô Tỷ(")200-DM.ĐH Việt Hoa(Aachen)20DM.ĐH Trần Siêu Niên 10DM.ĐHPT Tuệ Hoa(Braunschweig)100 DM.ĐH Hoa Lương, Trương Thoại Minh, H u y Liên 70DM.ĐH Tăng Hồng Sướng(Bad Oldeslo)50DM.ĐH Đặng thị Thanh(Braunschweig) hồi hướng hương linh thân mẫu Chung Nương 50 DM.ĐH Võ Xuân Khôi(Hamburg)10DM.ĐH M a i thị Kim Hoàn(Norddeich)10DM.ĐH Tất Phai Chân 20DM.ĐH Trịnh Quang Khánh, Nguyễn Q. Đình 50DM.ĐH Lê Quang Tấn, Trần thị Viên 20DM.ĐH Nguyễn thị Thu Mỹ, Tôn Thất Luyện(Berlin)100DM.ĐH Võ thị Hoàng Mai(Ham-burg)30DM.ĐH Nguyễn Hữu Diêu(Stuttgart)50DM.ĐH Phạm Văn Dũng 20DM.ĐH Lý Chân Lợi(salzbergen) hồi hướng hương linh Lý Bava hương linh Lâm Quyên 100DM.ĐH Đào Hữu Chí

30DM.ĐH Đinh thị Cửa 20DM.ĐH Hồng ThếCan (Lüneburg)10DM.ĐH Tăng Quốc Lương(Hannover)10DM.ĐH Tăng Quốc Cơ(Roteburg)10DM.ĐH Mai Xuân Diệu(Hann.Mündex)10DM.ĐH Lý Tô Tư 10DM.ĐH Lâm chánh Van(Seevetal)20DM.ĐH Chiêm(Hamburg)20DM.ĐH Nguyễn Tiến Vinh 30DM.ĐH Trần thị Thanh Nguyên (Norddeich)10DM.ĐH Lâm thị Lến, Phạm thị Bích Vân 15DM.ĐH Trần Mão(Braunschweig) 20DM.ĐH Nguyễn thị Cẩm Hồng(Müller)10DM.ĐH Đào Ngu Muội 10DM.ĐH Tạ Ngọc Phóng (Wedel)10DM.ĐH Trần văn út(Schramberg)50DM.ĐH Vương thị Hương 50DM.ĐH Lâm Thu Thỉnh(Papenburg)20DM.ĐH Vương Phương Gia (Salzbergen)30DM.ĐH Châu Ngọc Lan(Braunschweig)20DM.ĐH Lâm Phát(Bad Oldesloe)20DM.ĐH Lâm Ất(Papenburg)câu siêu hương linh Lâm Âu Kỳ 100DM.ĐH Ngô Quê Chi(Braunschweig)40DM.ĐH Ngô Chân 20DM.ĐH Trần văn Quang(Barntrup)30DM.ĐH Thiên Như, Vui Ngọc(M'gladbach)30DM.ĐH Thái văn Quyên (Eauze-Pháp)10DM.ĐH Lâm văn Ba(Heimenkirch)20DM.ĐH Nguyễn thị Minh Tân(Wiesbaden)20DM.ĐH Huỳnh thị Mai(Uelzen)20DM.ĐH Huỳnh Thanh Tùng(")20DM.ĐH Triệu văn Ba 30DM.ĐH Ngô thị Bầy(Zellerberg)10DM.ĐH Lê Linh Phan(Hamburg)10DM.ĐH Đỗ Tấn Phát(Uelzen)20DM.ĐH Nguyễn văn Nam 20DM.ĐH Trương thị kiêm Nga(Braunschweig)20DM.ĐH Lý Thanh Tân(")20DM.ĐH Đỗ thị Đứ đng (Uden-Hòa Lan)50DM.ĐH Đặng thị Oanh(")50DM.ĐH Nguyễn đình Khanh(Dogen-Hòa Lan)50DM.ĐH Nguyễn văn Nhân(Schayk)-Hòa Lan)10DM.ĐH Phạm đình Cường(")30DM.ĐH Phan Ngọc Anh, Phú Lý Kinh(Hamburg)80DM.ĐH La C ú u (Hildesheim)50DM.ĐH Trần thị Hoa(Hamburg)20DM.ĐH Lương Ngọc Dân, Nguyễn Thu Tâm (Hamburg)50DM.ĐH Lê đình Tân, Lý thị Kim Ngọc 10DM.ĐH Trương Quan(Hamburg)10DM.ĐH Trần Kiệt(Lüneburg)10DM.ĐH Phạm thị Nga 10DM.ĐH Lưu Cẩm Tôn(Hamburg)20DM.ĐH Ngô thị Thanh Nhân(Uelzen)20DM.ĐH Lưu Thị ái Minh 20DM.ĐH Đỗ văn Chánh(Uelzen)20DM.ĐH Tăng Ngu Sơn(Stadthagen)20DM.ĐH Lý Vĩnh Lợi(Hamburg)20DM.ĐH Tạ Ngọc Hoa(Wedel)20DM.ĐH Châu văn Nô 10DM.ĐH Dương Đức 5DM.ĐH Khưu Cẩm Vân(Wiesbaden)30DM.ĐH Tử Quyên(Aachen)50DM.ĐH Trần Di(Hildesheim)20DM.ĐH Nguyễn Hoàng Liệt(Hamburg)50DM.ĐH Võ thị Hiện(Hòa Lan)20DM.ĐHPT Lê quang Tuyến 20DM.ĐH Lâm Phương 10DM.ĐH Phạm Hộ Sáu(Lingen/Ems)50DM.ĐH Đặng Chung Huynh Wiesbaden)20DM.ĐH Giang Khôn Minh(") 20DM.ĐH Vương Cúc Minh(Emden)50DM.ĐH Hồng Say Mũi(Norddeich)10DM.ĐH Elfriede Dör-

rie(Walsrode)10DM.ĐH Nguyễn Mạnh Hùng (Hemmingen)30DM.ĐH Nguyễn văn Nũ(Claust-hal-Zell)20DM.ĐH Phan Công Đô(")20DM.ĐH Liêu Mạnh(Helmstedt)10DM.ĐH Trần Phức Thiện(Hamburg)20DM.ĐH Tư Tiên 20DM.ĐH Hồ Hữu Trần thị Thiết(Krefeld)50DM.ĐH Trần Thu Dung(")20DM.ĐH Diệu Hào(")30DM.ĐH Hoa Lan(Hamburg)20DM.ĐH Bùi Thúy Hoàn(H Gronningen-Hòa Lan)100DM.ĐH Trần Chí Lý(Emmendingen)20DM.ĐH Phạm thị Kim Cúc(Düsseldorf)20DM.ĐH Nguyễn văn Đông(Herford)20DM.ĐH Trịnh Thủy Hương(Wolfhagen)20DM.ĐH Lưu văn Thành(Scheidegg)50DM.ĐH Dương Tấn Điền(Aachen)10DM.ĐH Châu Ngọc Thùy (Hannover)50DM.ĐH Hồ thị Kiều(Kiel)100DM.ĐH Trương Thành Lợi(Aachen)20DM.ĐH Nhân Kim Diệp(Aachen)20DM.ĐH Lâm Hồng Nguyên (")10DM.ĐH Huỳnh Lý(")40DM.ĐH Hoàng Quách(")20DM.ĐH Nguyễn Kim Bắc(Berlin)20DM.ĐH Hồ Hữu Đăng Hữu Hào(Hamburg)50DM.ĐH Lưu Quốc Vũ(Berlin)100DM.ĐH Nguyễn Lưu(Paris) 100FF.ĐH Nguyễn Tri Phú(Paris)50DM.ĐH Nguyễn Thành Cát(Paderborn)30DM.ĐH Đoàn văn Thời (Pforzheim)100DM.ĐH Phan thị Bình Minh (Dortmund)20DM.ĐH Trương Ngọc Thanh(Minden)20DM.ĐH Nguyễn Lê Anh(Stade)20DM.ĐH Phạm văn Xương(Neuenstein)20DM.ĐH Nguyễn Đức Hạnh(Oberhausen)20DM.ĐH Võ thị S á u (Nettetal)30DM.ĐH Vũ thị Minh(Augsburg)20DM.ĐH Ô thị Hai(Bad Iburg)20DM.ĐH Trần Anh Dũng(")30DM.ĐH Trần Chân Tử(Münster)20DM.ĐH Hoàng thị Thủy(Unterfarnbach)50DM.ĐH Chiêm thị Hương(Erkrath)20DM.ĐH Hua Vot Muội(Wittmund)20DM.ĐH La Nam Tấn (Hamburg)50DM.ĐH Antony đình thị Tô à n (Düsseldorf)30DM.ĐH Đặng Ngọc Hải(Speyer)20DM.ĐH Vương Cường(Lichtenstein)20DM.ĐH Huỳnh thị Seng(Geilenkirchen)20DM.ĐH Ngô Thê Tâm(Clichy-Pháp)100FF.ĐH Đoàn thị Th Tú(Paris)100FF.ĐH Lai Kim Loan(Paris)100FF.ĐH Hồ Ngọc Hoa(")100FF.ĐH Soukaseun Nang Thy(Köln)20DM.ĐH Trần thị Mẹo(Köln)40DM.ĐH Xứng 40DM.ĐH Tăng Bảo(Berlin)50DM.ĐH Nguyễn Hữu Mừng Chi(Oberhausen)20DM.ĐH Trần Quang Trung(")20DM.ĐH Hồ Kim Lệ(Kiel)20DM.ĐH Trần Thành Cường(Rotenburg)40DM.ĐH Lưu Huệ Muội(Wittmund)40DM.ĐH Dương Mộc Vinh(Grefrath)20DM.ĐH Trần thị Huỳnh Mai(Pforzheim)20DM.ĐH Trần Quê Lang(")20DM.ĐH Huệ Đông(Lausanne-Suisse)200FS.ĐH Diệu Niên(Hannover)200DM.ĐH Trng văn Tô(MD-Hoa Kỳ)20US.ĐH Đỗ thị Cúc 20DM.ĐH Dương Hữu Kiêm(Schöneck)200DM.ĐH Huỳnh Lương(Mönchengladbach)20DM.ĐH Nguyễn Hữu Vĩnh(Sindelfingen)30DM.ĐH Joann Leech

Báo Viên Giác

ĐH Nguyễn thị Bay(Tastrup-Dan Mạch)100kr
ĐH Tân Phong(Ibbenbüren)30DM.ĐH Lê v. ấ n
Thanh(Liège-Bi)40DM.ĐH Trần thị Chuân(Mü-
-hlheim/M)10DM.ĐH Nguyễn thị Ngọc Kim PD
Đông Hạnh(")10DM.ĐH Phương Thê Ngọc(Oden-
se-Dan Mạch)20DM.ĐH Ng. Quốc Thanh (Horn-
Hòa Lan)50Gulden.ĐH Nguyễn Luân(Bonn) 20
DM.ĐH Trần Phước Thiện(Hamburg)20DM.ĐH Hữu
Tất Tô Hà(Hamburg)30DM.ĐH Hoa Lan(")20DM
ĐH Nguyễn Tri Phú(Paris)50DM.ĐH Triết Q.
Hùng(Horn-Hòa Lan)50Gulden.ĐH Hoàng thị
Thủy(Unterfarnbach)50DM. Bà Yên 20DM. ĐH
Huỳnh Dung(Bremgarten/BE-Suisse)30FS. ĐH
Huỳnh Quốc Bình(Lausanne-Suisse)50DM. ĐH
Ngô thị Thắng(Schöneck)20DM. Bàc Phạm Tùng
(Braunschweig)20DM.ĐH Hélène Antony(Düs-
seldorf)20DM.ĐH Tâm Anh L. Trần(Brossard-
Canada)30Can.ĐH Phan Hoàng Thơ(VA-USA)10
US.ĐH Báo Liên(Colo-USA)20US.ĐH N g uyễn
Anh Thứ(Lyon-Pháp)100FF.ĐH Huỳnh thị N ứ
(Bordeaux-Pháp)100FF.ĐH Hồ Chí Hòa(")100
FF.ĐH Trần Quốc Thiên(Paris)100FF.ĐH Ng.
văn Kiều(")100FF.ĐH Hạng văn Lương(")100
FF.ĐH Huệ Chơn(Villefranche 1/Saône-Pháp
300FF.ĐH Trương thị Phương Liên(Suisse)
100FF.ĐH Cao thị Sâm(Spaichingen)20DM.ĐH
Trần Đình Thắng(Dannenberg)ấn tống Kinh
sách 20DM.Đr Jos Lê Trung Thành(Neuss)ấn
tống Tứ Diên Phật Học 50DM.

Cúng dường xây Chùa

Chùa Viên Giác (Hannover) 30.000,00 DM.
ĐH Trần thị Chuân(Mühlheim/M)30DM.ĐH Ng.
thị Ngọc Kim PD Đông Hạnh(")10DM.ĐH Phan
Kim Chi(")20DM.ĐH Nguyễn thị Ngọc Kim(Mü-
-hlheim)100DM.ĐH Hà Ngọc Anh(Kaltenkir-
chen)100DM.PT Nguyễn văn Đông(Freiburg)
100DM.ĐH Nguyễn thị Tú(")300DM.ĐH Lương
Ngọc Dân(Hamburg)100DM.ĐH Võ thị Mai(")
100DM.ĐH Nguyễn Hữu Diệu(Stuttgart)1000
DM.ĐH Đào Hữu Chí, Phan Ngọc Lan(Hamburg)
500DM.ĐH Nguyễn Hữu Mừng Chi(Oberhausen)
200DM.ĐH Trần thị Thiệt(Krefeld)500DM.ĐH
Phạm thị Bích Vân(Norddeich)200DM.ĐH Ng.
Tiên Vinh(Schramberg)100DM.ĐH Châu thị
Thiệp(Paderborn)100DM.ĐH Nguyễn Sỹ Công
Nguyễn thị Hạnh(Braunschweig)500DM.ĐH Lê
Tân Lộc(Haselüne)500DM.ĐH Hoàng Nguyên Hải
(Bad Bentheim)500DM.ĐH Phạm Hồng Sáu(Lin-
-gen/Ems)100DM.ĐH Nguyễn Hòa(Hamburg)
500DM.ĐH Tăng Bích Phân(Lingen/Ems)500DM
ĐH Hồng Say Mùi(Norddeich)200DM.ĐH Triết

(Karlsruhe)50DM.ĐH Nguyễn thị Liên(Köln)
20DM.ĐH Lữ Tuyết Minh(Düsseldorf)50DM.ĐH
Trần Phúc Hiến(Sindelfingen)40DM.ĐH Ngô
thị Thắng(Schöneck)30DM.ĐH Giang Lang Mai
Nürnberg)40DM. Bà Cô Anh Trương Tấn L ậ c
(Hannovar)20DM.ĐH Lưu Kim Đĩnh(Dan Mạch)
100kr.ĐH Chu(Berlin)20DM. Những Phật tử ở
Braunschweig cúng dường đền cho Anh Phú
128DM. Cúng 7 thất cho Anh Phú 200DM. ĐH
Wiland Bohlmann(Braunschweig)120DM.ĐH Sam
Ky Phong(Stade)10DM.ĐH Trương văn Hoàng
(Heimenkirch)10DM.ĐH Nguyễn thị Hằng(Al-
dernach)30DM.ĐH Trần Xó(Helmstedt)50DM .
ĐH Lê Đức, Lê thị Thanh 20DM.ĐH Minh Tâm,
Minh Cẩm 20DM.ĐH Nguyễn thị Hương(Aachen)
30DM.ĐH Dương Sang(Helmstedt)20DM.ĐH Hữu
Trị Hy(Saarbrücken)20DM.ĐH Lữ Huệ Muội
(Wittmund)40DM.ĐH Trần Dương Vinh, T r ần
Dương Hùng(Bonn)200DM.ĐH Huỳnh(Bremen)50
DM.ĐH Vương Thủy Lê(Köln)20DM.ĐH Trịnh Qg
Khánh, Nguyễn Quốc Đĩnh(Recklinghausen)50
DM.ĐH Nguyễn văn Lý(Tennenbronne)100DM .
ĐH Vũ Tiên Đạt(Bonn)50DM.ĐH Trần văn Thân
(Düsseldorf)10DM.ĐH Nguyễn thị Lan(") 30
DM.ĐH Nguyễn thị Trường(")20DM.ĐH Đỗ văn
Lợi(")30DM.ĐH Nguyễn văn Lương(")30DM.ĐH
Lê Chấn(")30DM.ĐH Hélène Antony(")50DM.
ĐH Trần Sang(Würzburg)50DM.ĐH Khampou-
Rattavong(Kiel)200DM.ĐH Trần Đức Phát
(G'marienhütte)20DM.ĐH Tùng Hương München
20DM.ĐH Đỗ Ngọc Hiến, Phạm Nam Sơn(NY-USA
60US Dol. Fam. Lâm Duy Trí(Hòa Lan)500Gul-
den.ĐH Trương Ngọc Thanh(Minden)20DM. ĐH
Diệu Thuận(Paris)100FF.ĐH Ung văn Vy(Los
Angeles-USA)50US.ĐH Tâm Huy, Quảng Tĩnh,
Quang Diệu(USA)30US. Hội Phật giáo VN chùa
Quang Minh(Chicago-USA)130US.ĐH Diệu Ngọc
(Chicago-USA)20US. PT ấn danh 50DM.ĐH Lê
văn Thành(Bega)50DM. PT Lê thị Thanh pháp
danh Tịnh Thông(Wunstorf)50DM.

ĐH Nguyễn văn Hùng
(Horn-Hòa Lan)25Gulden.ĐH Nguyễn văn Anh
(")25G.ĐH Võ thị Hiện(")25G.ĐH Nguyễn Mú
(")25G.ĐH Lâm Duy Trí(")25G.ĐH Ng. Chới
(")10G.ĐH Lý Mỹ Lệ(")25G.ĐH Lê thị T h u
Nguyệt(")10G.ĐH Võ Anh Lương(")10G.ĐH Ng
Hữu Đức(")25G. Các Phật tử tại Albaar 120G
ĐH Bùi Công Hải(Hòa Lan)50G.ĐH Huỳnh Cẩm
Đương(")10G.ĐH Nguyễn văn Minh(")10G. ĐH
Dương văn Thập(")10G.ĐH Trương Hoài Thanh
(")25G.ĐH Trần thị Kim Loan(")20G. cùng
một số Phật tử ấn danh khác.

mmmmmmmmmm

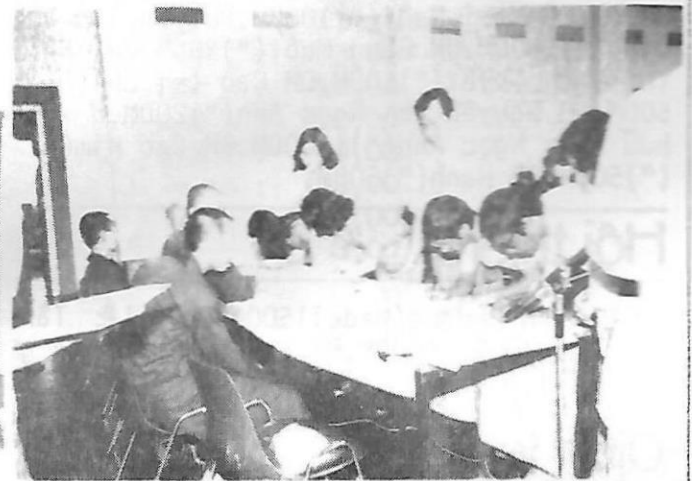
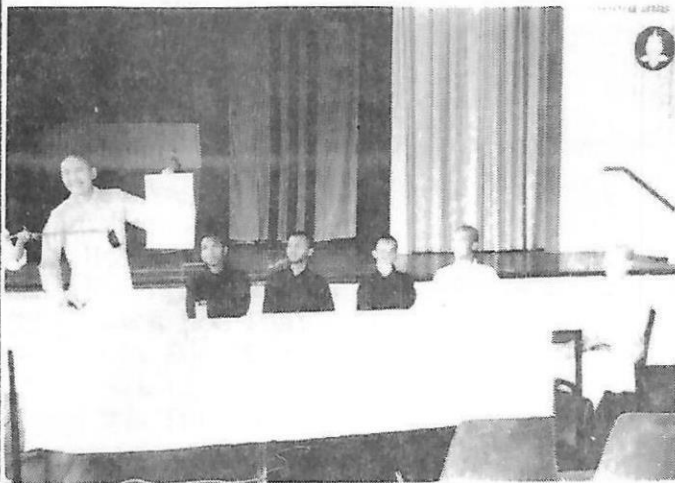
HÌNH ẢNH SINH HOẠT ĐẠI LỄ VU LAN TỬ 19-21/8/1983 TẠI CHÙA VIÊN GIÁC
HANNOVER



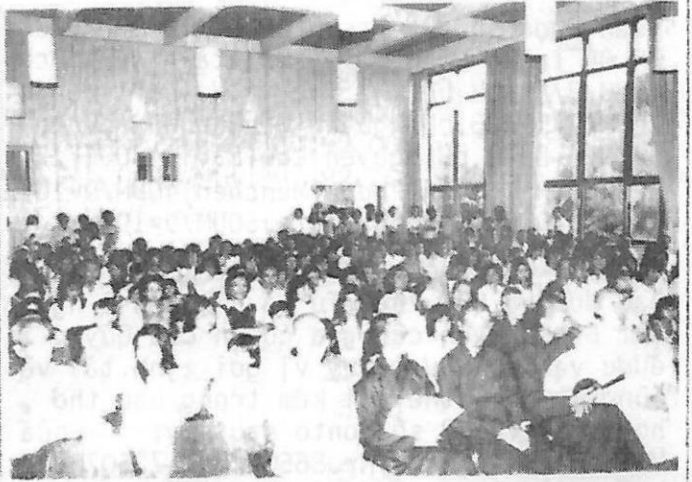
LỄ CẦU SIÊU CỬU HUYỀN THẤT TÔ VÀ LỄ QUY Y TAM BẢO



THUYẾT TRÌNH VỀ KẾ HOẠCH XÂY DỰNG NGÔI CHÙA VIÊN GIÁC VÀ CHỮ PHẬT TỬ
KÝ SỔ VÀNG, CÚNG DƯỜNG HOẶC CHO MUỘN HỘI THIÊN ĐỂ KIẾN TẠO NGÔI TAM BẢO



ĐÊM VĂN NGHỆ HƯỚNG VỀ QUÊ HƯƠNG NHÂN MÙA VU LAN BÁO HIẾU



Quốc Hùng(Horn-Hôa Lan)200DM.GĐĐH Lê Huy Cát,Nguyễn thị Giang(Hannover)500DM.Dr. Nguyễn Mạnh Hùng(Hemmingen)2000DM.ĐHĐặng văn Đức(Mühlheim)100DM.ĐH Trần thị Chuân (")50DM.ĐH Đố Tân Phát(Uelzen)200DM.PTNg Long Phi(Berlin)1000DM.PT Nguyễn Hữu Lộc (")1000DM.ĐH Lô văn Giung(")250DM.ĐH Ng. Thanh Hải(")10DM.ĐH Trần thị Ai(")5DM.ĐH Trần thị Hạnh(")5DM.ĐH Nguyễn thị Tâm(")5DM.ĐH Nguyễn thị Lành(")2DM.ĐH TrầnTinh Thọ(")1000DM.ĐH Nguyễn văn Minh(")500DM.ĐH Huỳnh văn Bông(")100DM.ĐH Huỳnh H ứ u Quý(")50DM.ĐH Đàm Quang Khánh(")300DM.ĐH Bùi thị Oanh(")50DM.ĐH Lưu Quốc Vũ(Ber - lin)1100DM.ĐH Lê Việt Thành(")100DM.ĐHLê thị Thoa(")50DM.ĐH Nguyễn thị Cứng(Ber - lin)1100DM.ĐH Nguyễn thị Som(")1000DM.ĐH Nguyễn thị Liễu(")100DM.ĐH Đặng thị Thu (")10DM.ĐH Nguyễn thị Bạch Yến và T r ần Kiến Thạnh(")100DM.ĐH Huỳnh Kim Sương(")200DM.ĐH Phạm Ngọc Đảnh(")100DM.ĐH Phùng Trần Ít(")200DM.ĐH Lâm Liên Nguyệt(")100 DM.ĐH Lâm thị Muối(")100DM.DH Tôn T h ất Đĩnh(")200DM.ĐH Đặng Muối(")20DM.ĐH Ng. thị Bạch Tuyết(")10DM.ĐH Cao thị Chi(")50DM.ĐH Nguyễn thị Ngọc Anh(")20DM.Đ a o h ữu Phan Ngọc Anh(")1000DM.ĐH Cao KimChi (")50DM.Cô Hạnh(")50DM.

Hội thiện

ĐH Nguyễn Phương(Wedel)5000DM.ĐH Lê Tân Lộc(Haselüne)1000DM.ĐH Huỳnh văn B ô n g (Berlin)1000DM.

Định kỳ

ĐH Nguyễn văn Trúc(Hannover)300DM/1-6/83
GDPT Tư Sảnh(Aachen)140DM/6-12/83.Đạohữu
đoàn thị Thanh Tú(Paris)300FF/6-12/83.ĐH
Trần Ngọc Sơn(Barntrup)260DM/12/82-12/83
ĐH Đố Trọng Hoàng(Dietzhölztal-Ewersbach
10DM/8/83.ĐH Lê thị Thu Ba(Wolpertsweide
70DM/7-12/83.ĐH Nguyễn Bình Dương(Lünen)
60DM/6-8/83.ĐH Nguyễn Lưu(Paris)300FF/7-
12/83.ĐH Tô văn Phước(München)40DM/9-10/
83.PT Lý Diệu Anh(Vechta)50DM/9-10/83.

Xin hồi hướng công đức tài thí của Q u ý
Đạo Hữu và Quý Phật Tử xa gần lên 3 ngôi
Tam Bảo.Nguyện cầu gia quyến của Quý v ị
được vạn sự như ý.Quý vị gửi tịnh tài về
cúng chùa có thể gửi kèm trong bao thư,
hoặc gửi vào 2 số Konto sau đây: Chùa
VIỆN GIÁC - Konto Nr.8650228 BLZ25070070
hoặc số 8657470 BLZ 25070070 DEUTSCHE -
BANK HANNOVER.Xin cảm ơn tất cả Quý vị .



▲檳城極樂寺楊柳觀音

Bảng liệt kê kinh sách Chùa đã phát hành

DANH MỤC	Số quyển	Số trang	Giá tiền DM	Ghi chú
: Anh Đạo Vàng	: 1	: 149	: 9,00	:
: Biện Minh Tử Chứng	: 1	: 135	: 8,00	:
: Bài Học Ngàn Vàng I	: 1	: 80	: 5,00	:
: Bài Học Ngàn Vàng II	: 1	: 68	: 5,00	:
: Chia Khóa Học Phát	: 1	: 88	: 6,00	:
: Cuộc Đời Đức Phật	: 1	: 335	: 15,00	:
: Đạo Phật và Tuổi Trẻ	: 1	: 149	: 7,00	:
: Giọt Mưa Đầu Hạ	: 1	: 126	: 7,00	:
: Giảng Giải Bát Nhã Tâm Kinh	: 1	: 56	: 5,00	:
: Câu chuyện dòng sông	: 1	: 151	: 9,00	:
: Kinh Diệt Sĩ	: 1	: 52	: 5,00	:
: Kinh Kim Quang Minh	: 1	: 317	: 12,00	:
: Kinh Vu Lan	: 1	: 48	: 5,00	:
: Kinh Thủy Sám	: 1	: 289	: 12,00	:
: Kinh A Di Đà Số Sao trọn bộ	: 1	: 472	: 20,00	:
: Kinh A Di Đà và Kinh Quán Vô Lượng Thọ	: 1	: 472	: 10,00	:
: Khánh Anh lịch Tử vi	: 1	: -	: 15,00	:
: Le Bouddhisme en quelques mots	: 1	: 71	: 7,00	:
: Lối Vàng Ý Ngọc	: 1	: -	: 3,00	:
: Lịch sử Phật Giáo VN hải ngoại trước và sau năm 1975	: 1	: 422	: -	: Sách biếu
: Nhũ Dòng Ý Thức	: 1	: 115	: 6,00	:
: Nhân Quả Nghiệp Luân Hồi	: 1	: 104	: 9,00	:
: Nét Đẹp Đông Phương	: 1	: 142	: 10,00	:
: Nhung Mầu Chuyện Đạo	: 1	: 120	: 17,00	:
: Nghi Thức Tụng Niệm	: 1	: 268	: 7,00	:
: Phát Giáo Việt Nam xưa và nay	: 1	: 84	: 7,00	:
: Phát Học Phổ Thông Quyển 1,2,3	: 1	: 124	: 17,00	:
: Phát Học Phổ Thông Khóa thứ II	: 1	: 128	: 9,00	:
: Phật Giáo Thánh Kinh	: 1	: 337	: -	: Sách biếu
: Phổ Môn Thị Hiện	: 1	: 112	: 8,00	:
: Qui Sơn Cảnh Sách thượng hạ	: 1	: 137	: 8,00	:
: Sám Hối Diệt Tội	: 1	: 171	: 9,00	:
: Thoát Vòng Tục Lụy	: 1	: 266	: 12,00	:
: Truyện Cổ Phật Giáo	: 1 bộ 3 q.	:	: 22,00	: Quyển 1(129 trang) " 2(159 ") " 3(120 ")
: Tử Diệu Đế	: 1	: 160	: 10,00	:
: Thâm Ý qua Hình Tượng Phật, Bồ Tát	: 1	: 79	: 6,00	:
: Thoát vòng Sống Chết	: 1	: -	: 6,00	:
: Thiên Đạo Tu Tập	: 1	: 442	: 20,00	:
: Tập sách hướng dẫn việc làm đôn quân: bình thuế lương hàng năm	: 1	: 90	: 5,00	:
: Miên Thượng uyên xưa	: 1	: 198	: 15,00	:
: Mài gươm phục quốc	: 1	: 390	: 20,00	:

Bồ Đề Hành Khúc

HÙNG MANH

Ánh đạo vàng gieo bao tình thương đến người . Ánh đạo
Nắng ngập trời hoa sen nở thơm mái trường . Bút mực

vẽ soi tâm đồng ta tiến tới . Lúa lúa
này bên nhau cùng xây chí hướng . Đem màu

cháy đốt hết bất công . Lúa Tú Bi sáng chói với
áo với mái tóc xanh , đôi nơ' hoa dưới ánh nắng

đôi , lúa nung ý chí tự do . Nắng ngập.....
vàng. Việt.....

Nam sáng tuổi huy hoàng . Nào cùng hát lời mến
yêu ! Bồ đề là đây trái tim nguồn vui .

Nào bên chí cùng đứng lên ! Bồ đề là
nói đáp xây cuộc đời ! Ánh đạo.....